# Lời mở đầu

Chúng ta đang sống trong một thế giới có nền khoa học phát triển rất hiện đại. Thế kỷ 20 là thế kỷ của công nghệ thông tin nói chung và của tin học nói riêng. Đó là một trong những thành tựu vĩ đại nhất mà con ngời đã đạt đợc trong thiên niên kỷ này. Tin học giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong các hoạt động của toàn nhân loại. Nhân loại ứng dụng tin học vào phục vụ cho nghiên cứu khoa học, cho công nghệ sản xuất, phục vụ cho nghành quản lý kinh tế, sản xuất kinh doanh, du lịch, y tế tạo điều kiện cho nền sản xuất xã hội ngày càng phát triển đồng thời giảm bớt đáng kể sức lao động của con ngời, đa mức sống con ngời ngày càng cao hơn.

ở Việt Nam tin học cũng đang hoà nhập với thế giới để bắt kịp, sánh vai cùng với sự phát triển chung của các nớc năm châu. Máy vi tính đã và đang dần dần đợc sử dụng rộng rãi ở hầu hết các lĩnh vực nh kinh tế, văn hoá xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng. Tin học đã giúp cho các nhà quản lý điều hành công việc một cách có khoa học, chính xác, nhẹ nhàng, mang lại hiệu quả cao hơn so với tr-ớc khi cha đa máy tính vào.

***Quản lý kho hàng*** là một trong những ví dụ điển hình về vấn đề quản lý. Nếu nh không đợc tin học hoá việc quản lý sẽ vất vả hơn rất nhiều với khối l-ợng kho hàng của rất nhiều loại hàng. Hệ thống quản lý từ trớc tới nay chủ yếu là phơng pháp thủ công, thông qua hàng loạt sổ sách rời rạc, phức tạp nên ngời quản lý gặp rất nhiều khó khăn trong việc nh nhập, xuất, thống kê tìm kiếm và giao dịch. Do đó các thông tin cần quản lý phục vụ kinh doanh không tránh khỏi sự d thừa hoặc không đầy đủ dữ liệu, thêm nữa phơng pháp quản lý theo kiểu thủ công lại rất tốn kém về thời gian, công sức và đòi hỏi về nhân lực. Chính vì lẽ đó mà việc quản lý kho hàng với sự trợ giúp của máy tính, tin học ra đời ngoài việc giảm bớt thời gian công sức cho ngời quản lý kinh doanh mà còn đảm bảo đợc yêu cầu "nhanh chóng- chính xác- hiệu quả".

Nhận thức đợc vấn đề nêu trên nên em đã chọn đề tài :" ***Quản Lý kho hàng***". Làm đề tài báo cáo tốt nghiệp của mình.

Quyển báo cáo này đợc chia làm 2 phần

+ Phần I: ***Quản lý kho hàng*** bằng Microsoft Access
+ Phần II: ***Quản lý phòng khạch sạn*** bằng Microsoft Excel

*E*m xin chân thành cảm ơn thầy giáo **Cao Thanh Hà** và cô giáo **Lê Thu Huyền** đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo cho em hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp này. Trong một khoảng thời gian có hạn trình độ và kinh nghiệm còn hạn chế nên chơng trình quản lý kho hàng này không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong đợc sự quan tâm chỉ bảo của các thầy cô giáo để bài báo cáo của em đợc hoàn thành tốt hơn . Em rất mong đợc tiếp thu những ý kiến đóng góp chân thành, chỉ bảo để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***
***Sinh viên***

**Nguyễn Thị Hờng**

# PHẦN I

# CHƠNG I

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Bớc đầu tiên cần thực hiện triển khai một đề án tin học hoá là phải khảo sát hệ thống. Ngời ta định nghĩa hệ thống là một tập hợp các phần tử có các ràng buộc lẫn nhau để cùng hoạt động nhằm đạt mục đích. Hệ thống mà ta xét ở đây là hệ thống quản lý tức là một hệ thống sống động không chỉ chứa các thông tin về quản lý mà còn đóng vai trò thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động của các tổ chức kinh tế xã hội. Do đó cần phải xem xét phân tích các yếu tố đặc thù, những nét khái quát cũng nh các mục tiêu và nguyên tắc đảm bảo cho việc xây dựng một hệ thống thông tin quản lý, từ đó rút ra những phơng pháp cũng nh các bớc thiết kế xây dựng một hệ thống thông tin quản lý đợc tin học hoá mang lại kết quả tốt.

### I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

**1. Phân cấp quản lý**

Hệ thống quản lý trớc tiên là một hệ thống đợc tổ chức từ trên xuống d-ới, có chức năng tổng hợp thông tin giúp lãnh đạo quản lý thống nhất trong toàn hệ thống. Hệ thống quản lý đợc phân tích thành nhiều cấp. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý từ trên xuống dới. Thông tin đợc tổng hợp từ dới lên trên và truyền từ trên xuống.

**2. Luồng thông tin vào**

Trong hệ thống thông tin quản lý có những thông tin đầu vào khác nhau.

- Những thông tin đầu vào là cố định và ít thay đổi, thông tin này mang tính chất thay đổi lâu dài.
- Những thông tin mang tính chất thay đổi thờng xuyên phải luôn luôn cập nhập vào và xử lý.
- Những thông tin có tính chất thay đổi tổng hợp, đợc tổng hợp từ các thông tin cấp dới phải xử lý định kỳ theo thời gian.

**3. Luồng thông tin ra**

Thông tin đầu ra đợc tổng hợp từ thông tin đầu vào và phụ thuộc vào nhu cầu quản lý trong từng trờng hợp cụ thể

Bảng biểu và các báo cáo là những thông tin đầu ra quan trọng đợc tổng hợp phục vụ cho nhu cầu quản lý của hệ thống, nó phản ánh trực tiếp mục đích quản lý của hệ thống. Các bảng biểu báo cáo phải đảm bảo chính xác kịp thời.

**4. Quy trình quản lý**

Trong quy trình quản lý thủ công, các thông tin thờng xuyên đợc đa vào sổ sách. Từ sổ sách đó các thông tin đợc kiết suất để lập các bảng biểu, báo cáo cần thiết. Việc quản lý kiểu thủ công có nhiều công đoạn chồng chéo nhau. Do đó sai sót có thể xảy ra ở nhiều công đoạn do việc d thừa thông tin. Trong quá trình quản lý do khối lợng công việc lớn nên nhiều khi chỉ chú trọng vào một số khâu và đối tợng quan trọng vì thế mà có nhiều thông tin không đợc tổng hợp đầy đủ.

## II. MÔ HÌNH MỘT HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

**1. Mô hình luân chuyển dữ liệu**

Mô hình luân chuyển dữ liệu trong hệ thống quản lý có thể mô tả qua các modul sau :

- Cập nhật thông tin có tính chất cố định để lu trữ tra cứu
- Cập nhập thông tin có tính chất thay đổi thờng xuyên.
- Lập sổ sách báo cáo

Mỗi modul và hệ thống cũng cần phải có giải pháp kỹ thuật riêng tơng ứng.

**2. Cập nhật thông tin động**

Modul loại này có chức năng xử lý các thông tin luân chuyển chi tiết và tổng hợp. Lu ý loại thông tin chi tiết đặc biệt lớn về số lợng cần xử lý thờng đợc cập nhật đòi hỏi tốc độ nhanh và độ tin cậy cao. Khi thiết kế modul cần quan tâm đến các yêu cầu sau :

- Phải biết rõ các thông tin cần lọc từ thông tin động .
- Giao diện màn hình phải hợp lý, giảm tối đa các thao tác cho ngời nhập dữ liệu.

**3. Cập nhật thông tin cố định có tính chất tra cứu**

Thông tin loại này cần cập nhật nhng không thờng xuyên, yêu cầu chủ yếu với loại thông tin này là phải tổ chức hợp lý để tra cứu các loại thông tin cần thiết.

**4. Lập sổ báo cáo**

Để thiết kế đợc phần này cần nắm vững nhu cầu quản lý, nghiên cứ kỹ các bảng biểu mẫu. Thông tin đợc sử dụng trong việc này thuận lợi là đã đợc sử lý từ các phần trớc nên việc kiểm tra sự đúng đắn của số liệu này đợc giảm nhẹ .

## III. CÁC NGUYÊN TẮC ĐẢM BẢO

Xâydựng hệ thống thông tin quản lý hoàn chỉnh là một việc làm hết sức khó khăn, chiếm nhiều thời gian và công sức, việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý thờng dựa trên một số nguyên tắc cơ bản sau :

**1. Nguyên tắc cơ sở thông tin thống nhất**

ý nghĩa của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ thông tin đợc tích luỹ và thờng xuyên cập nhật. Đó là các thông tin cần thiết phục vụ cho việc giải quyết nhiều bài toán quản lý vì vậy thông tin trùng lặp cần đợc loại trừ.

Do vậy ngời ta tổ chức thành các mảng thông tin cơ bản mà trong đó trờng hợp trùng lặp hoặc không nhất quán về thông tin đã đợc loại trừ. Chính mảng thông tin cơ bản này sẽ tạo thành mô hình thông tin của đối tợng điều khiển.

**2. Nguyên tắc linh hoạt của thông tin**

Thực chất của nguyên tắc này là ngoài các mảng thông tin cơ bản cần phải có công cụ đặc biệt để tạo ra các mảng làm việc cố định hoặc tạm thời dựa trên cơ sở các mảng thông tin cơ bản đã có và chỉ trích từ mảng cơ bản các thông tin cần thiết tạo ra mảng làm việc để sử dụng trực tiếp trong bài toán cụ thể.

Việc tuân theo nguyên tắc thống nhất và linh hoạt đối với cơ sở thông tin sẽ làm giảm nhiều cho nhiệm vụ hoàn thiện và phát triển sau này.

## VI. CÁC BỚC XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Một cách tổng quát việc xây dựng một hệ thống thông tin quản lý tự động hoá thờng qua 5 giai đoạn :

**1. Nghiên cứu sơ bộ và xác lập dự án**

ở bớc này ngời ta tiến hành tìm hiểu và khảo sát hệ thống, phát hiện nhợc điểm còn tồn tại, từ đó đề suất các giải pháp khắc phục, cần cân nhắc tính khả thi của dự án. Từ đó định hớng cho các giai đoạn tiếp theo.

**2. Phân tích hệ thống**

Tiến hành phân tích một cách chi tiết hệ thống hiện tại để xây dựng các lợc đồ khái niệm. Trên cơ sở đó tiến hành xây dựng lợc đồ cho hệ thống mới.

**3. Thiết kế tổng thể**

Nhằm xác định vai trò vị trí của máy tính trong hệ thống mới. Phân định rõ phần việc nào sẽ đợc xử lý bằng máy tính, phần việc nào thủ công .

**4. Thiết kế chi tiết**

- Thiết kế các thủ tục thủ công nhằm xử lý thông tin trớc khi đa vào máy tính .
- Thiết kế các phơng pháp cập nhật và xử lý thông tin cho máy tính .
- Thiết kế chơng trình, các giao diện ngời sử dụng các tệp dữ liệu .
- Chạy thử chơng trình

**5. Cài đặt chơng trình**

Chơng trình sau khi chạy thử tốt sẽ đợc đa vào cài đặt và sử dụng.

# Chơng II

# TÌM HIỂU MS- ACCESS

## I- TÍNH NĂNG CỦA ACCESS

Access đợc dùng để tạo các bảng dữ, hồ sơ quản lý kho hàng trong lãnh vực hành sự nghiệp, hồ sơ theo dõi các sự kiện kho tàng, sản phẩm trong xí nghiệp kinh tế, quản lí theo dõi và phân loại các bệnh nhân trong các bệnh viện, phiếu theo dõi tình trạng học vấn của các sinh viên

Học sinh các học đờng, thí dụ nh trong một bệnh viện, ngời sủ dụng có thể lập một hồ sơ nhập viện của các bệnh nhân để có thể tạo một hồ sơ gốc, sau đó lập thêm các bảng phân loại, bệnh lý của từng bệnh nhân trong đó chứa các dữ liệu nh ngày nhập viện, ngày xuất thời gian điều trị, chi phí, sau đó lập riêng một bảng báo cáo hoặc phiếu theo dõi điều trị và một hồ sơ bệnh án

Riêng hoặc trong một xí nghiệp sản xuất, nhân viên theo dõi có thể dùng Access để lập những bảng hồ sơ gốc nh hợp đồng cung cấp, bảng theo dõi vận chuyển hàng hoá, thẻ lu kho, để rồi lập thêm các bảng theo dõi riêng cho từng thành phần và sau đó lập các bảng đối chiếu để theo dõi

Access có thể đợc xem là một chơng trình quản lý, theo dõi các nguồn dữ liệu tơng đối hoàn chỉnh và đa dụng nhất trong các chơng trình phần mềm quản lý khác với sự vận dụng tất cả các tính năng mạnh của chơng trình nh:

- Khả năng lu trữ dữ liệu lâu dài
- Cho phép truy cập một số lợng lớn thông tin một cách hiệu quả
- Kiểm tra tính đứng đắn của dữ liệu
- Có ngôn ngữ cấp cao để định nghĩa và thao tác dữ liệu

## II- HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU ACCESS

Dữ liệu là các thông tin mà ta muốn lu trữ và sử dụng lại. Cơ sở dữ liệu là tập hợp có tổ chức những dữ liệu là tập hợp có tổ chức những dữ liệu liên quan đến một chủ đề hay một mục đích nào đó. Mỗi cơ sở dữ liệu của Access đợc lu trữ trong 1 file mà tên file có đuôi là .**MDB**

Cơ sở dữ liệu Access gồm 6 thành phần

1. Table(bảng dữ liệu ) là thành phần quan trọng nhất của cơ sở dữ liệu Access chứa các dữ liệu cần thiết của cơ sở dữ liệu.
2. Query(bảng truy vấn)- bảng vấn tin: Dùng để tính toán xử lý các dữ liệu trong Table
3. From(mẫu biểu) là công cụ tạo ra các mẫu trình bày dữ liệu theo các dạng mà ngời sử dụng mong muốn để có thể nhập hay sửa một cách dễ dàng.
4. Report(mẫu báo cáo)- báo biểu là công cụ tạo ra các mẫu và in ra các báo cáo.
5. Macro(lệnh vĩ mô) chứa một tập hợp các lệnh đợc lựa chọn và sắp xếp nhằm tự động hoá một công việc nào đó.
6. Module(đơn thể chơng trình) là phơng tiện lập trình trong Access với ngôn ngữ lập trình trong Access- Basic(Visual Basic for Access)

## III- MỘT SỐ KIỂU DỮ LIỆU DÙNG ĐỂ TẠO CÁC BẢNG TRONG ACCESS

+ Filed Name: dùng để khai báo tên trờng. Tên trờng chỉ đợc chứa tối đa 64 kí tự

+ Datatype: Dùng để quy định kiểu dữ liệu cho trờng

+ Text: Chứa một dãy ký tự có độ dài nhỏ hơn 255 ký tự.

+ Memo: Dùng chứa một xâu ký tự có độ dài tới 64000

+ Number: Chứa dữ liệu kiểu số.

+ Data/time: Lu dữ liệu kiểu ngày tháng và thời gian.

+ Currency: Chứa dữ liệu kiểu tiền tệ.

+ Auto number: Chứa các giá trị kiểu số giá trị tự điền vào bảng.

+ Yes/No: Dữ liệu kiểu logic.

+ OLE object: Dùng chứa dữ liệu kiểu nhúng và liên kết.

+ Hyperlink: Dùng chứa dữ liệu siêu liên kết.

+ Lookup Winzard: Dùng để tạo các hộp danh sách.

+ Discription: Để giải thích rõ hơn một trờng nào đó và chỉ có giá trị tham khảo cho ngời sử dụng.

# Chơng III

# KHẢO SÁT ĐỀ TÀI

## ***Đề tài*** : Quản lý kho hàng

### I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Chơng trình quản lý kho hàng là một đề tài nõng bỏng ở các cơ quan doanh nghiệp hành chính hiện nay, đề tài này đợc rất nhiều ngời quan tâm và xây dựng vì nó có tính ứng dụng cao trong thực tế. Đây là chơng trình có nguồn thông tin dữ liệu vào ra rất lớn, có khả năng bao quát rất phong phú và đa dạng.

ở các nớc đang phát triển nh hiện nay, khi có cơ sở hạ tầng cũng nh phơng tiện, thiết bị, con ngời về công nghệ thông tin nói chung vững mạnh thì ứng dụng tin học vào các vấn đề quản lý, sản xuất, kinh doanh là mục tiêu hàng đầu đặt ra cho nền kinh tế nớc ta hiện nay. Trong đó giải phải nói tới "*quản lý kho hàng*" là một chong trình quản lý rất lớn giúp cho các nhà lãnh đạo, các thủ quỹ, thủ kho quản lý tốt các tốt các thông tin có liên quan tới kho hàng, hàng hoá, hoá đơn nhập- xuất của công ty.

Sự thống nhất, chặt chẽ và có hệ thống là cả một vấn đề lớn đòi hỏi các thủ quỹ, thủ kho, kế toán phải có vốn hiểu biết nhiều về hệ thống này. Hiện nay với tiến độ phát triển mạnh mẽ của tin học, yêu cầu của công việc này đòi hỏi ngày càng cao thì hệ thống quản lý kho hàng cũng phải hoàn thiện và phát triển theo. Mặc dù đã có nhiều đề tài nghiên cứu về quản lý kho hàng bằng công nghệ thông tin, nhng với sự phát triển nh ngày nay thì không thể lờng trớc những thách thức hiện tại và tơng lai trong vấn đề này đợc. Là học sinh chuyên ngành Tin Học, với sự học hỏi và tìm tòi trong lĩnh vực này. Đồng thời đợc sự hớng dẫn và giúp đỡ tận tình của cô giáo **Nguyễn Thị Thu Huyền**, các thầy cô trong khoa, em đã quyết định chọn đề tài này, đề tài " ***Quản lý kho hàng***". Ttớc hết nhằm củng cố kiến thức về mặt Tin Học của bản thân đồng thời đa Tin Học dần dần tiếp cận với thực tế tạo điều kiện cho công tác" ***Quản lý kho hàng***" trong các cơ quan doanh nghiệp đợc thuận tiện hơn, chính xác hơn.

### II. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI.

Đề tài này đợc nghiên cứu trên cơ sở phân tích thực trạng của vấn đề quản lý, kết hợp với nghiên cứu các vấn đề:

- Nhập số liệu.
- Xử lý số liệu.
- Kết xuất báo cáo.

Đây là đề tài đã được nghiên cứu và với bào viết chỉ nhằm hoàn thiện hơn các vấn đê còn thiếu sót.

## III. NỘI DUNG THỰC HIỆN.

- Quản lý thông tin về kho hàng: Bao gồm các thông tin cơ bản mà các cơ quan, các công ty yêu cầu nh mã kho, tên kho
- Quản lý các thông tin về khách hàng: Mô tả thông tin về khách hàng: mã khách, tên khách, địa chỉ, số điên thoại.
- Quản lý về thông tin về hàng: Mô tả thông tin về hàng(mã hàng, tên hàng, đơn vị tính.)
- Quản lý thông tin về hoá đơn xuất- nhập: Mô tả thông tin về hoá đơn xuất- nhập(số hoá đơn, mã khách, mã kho, ngày nhập, ngày xuất, ngời nhập, ngời xuất)
- Quản lý thông tin về hàng nhập: Mô tả thông tin vế hàng nhập(số hoá đơn, mã hàng, số lợng, đơn giá, thành tiền)
- Quản lý thông tin về hàng xuất: Mô tả thông tin vế hàng xuất(số hoá đơn, mã hàng, số lợng, đơn giá, thành tiền)
- Tra cứu thông tin về hàng xuất, hàng nhập theo yêu cầu của khách hàng
- Lập các báo cáo về hoá đơn nhập, hoá đơn xuất và các thông tin liên quan
- Lập các báo cáo về tình hình khách, kho, hàng trong kho hàng của công ty, doanh nghiệp
- Quản lý ngời dùng, ngời truy nhập dữ liệu: Đảm bảo an toàn và toàn vẹn dữ liệu.
- Xây dựng hệ thống trợ giúp hữu hiệu cho ngời dùng, đảm bảo tính thân thiện và dễ sử dụng cần có một ứng dụng Win dows và Access điển hình

## IV. TÌM HIỂU HỆ THỐNG

**1. Các hoạt động của kế toán**

Qua khảo sát thực tế, em nhận thấy đối với hệ thống quản lý thông tin kho hàng thì ngời kế toán sử dụng thờng có những hoạt động sau:

+ Phải nắm đợc các thông tin cơ bản nhất về số lợng hàng hoá trực thuộc kho hàng

+ Thêm , sửa thông tin của kho hàng trực thuộc khi có thêm kho hàng mới.

+ Khi có yêu cầu của cấp trên hoặc của các bộ phận liên quan cần biết thông tin của một nhóm hay một khách hàng nào đó phải cung cấp ngay cho họ những thông tin cần thiết.

+ Đa ra các báo cáo chi tiết cũng nh tổng hợp về số khách hàng, số hàng hoá trong các đơn vị của công ty, doanh nghiệp.

Tuy nhiên với hệ thống này ở đây chỉ đặt ra là các thông tin cơ bản nhất của kho hàng chứ không thể nh hệ thống quản lý kho hàng trên thực tế. Hệ thống này chỉ là một phần nhỏ trong hệ thống quản lý kho hàng trên thực tế còn đòi hỏi thêm nhiều chức năng nh về nhà cung cấp ….Đối với hệ thống này trong chơng trình của em chỉ dừng lại ở mức độ cho biết các thông tin cơ bản về hàng hoá, khách hàng phục vụ cho quá trình quản lý.

Qua phân tích yêu cầu đặt ra cho hệ thống quản lý kho hàng cần có các chức năng sau:

a. Chức năng nhập dữ liệu

Thêm bớt các dữ liệu nh: Thêm kho hàng, thêm khách hàng, thêm hàng nhập, thêm hàng xuất, thêm hoá đơn nhập, thêm hoá đơn xuất…

Sửa chữa các thông tin nhanh chóng, chính xác, an toàn.

b. Chức năng tìm kiếm

cho phép tìm kiếm theo hàng hoá hoặc theo khách hàng…

Cho phép tìm kiếm bằng câu lệnh SQL

Cho phép in ra các kết quả tìm kiếm

c. Chức năng báo cáo

Cho phép in ra các báo cáo chi tiết về số lợng hàng nhập, hàng xuất.

**2. Biểu đồ phân cấp**

Biểu đồ phân cấp sẽ cung cấp các chức năng khác nhau theo kiểu từ trên xuống dới. Căn cứ vào chức năng ta sẽ biết đợc các công việc của hệ thống. Mỗi

nút trong biểu đồ là một chức năng, quan hệ duy nhất giữa các chức năng diễn tả bởi các cung nối liền các nút là quan hệ bao hàm. Biểu đồ phân cấp cung cấp cho chúng ta cái nhìn bao quát toàn bộ các chức năng của hệ thống.

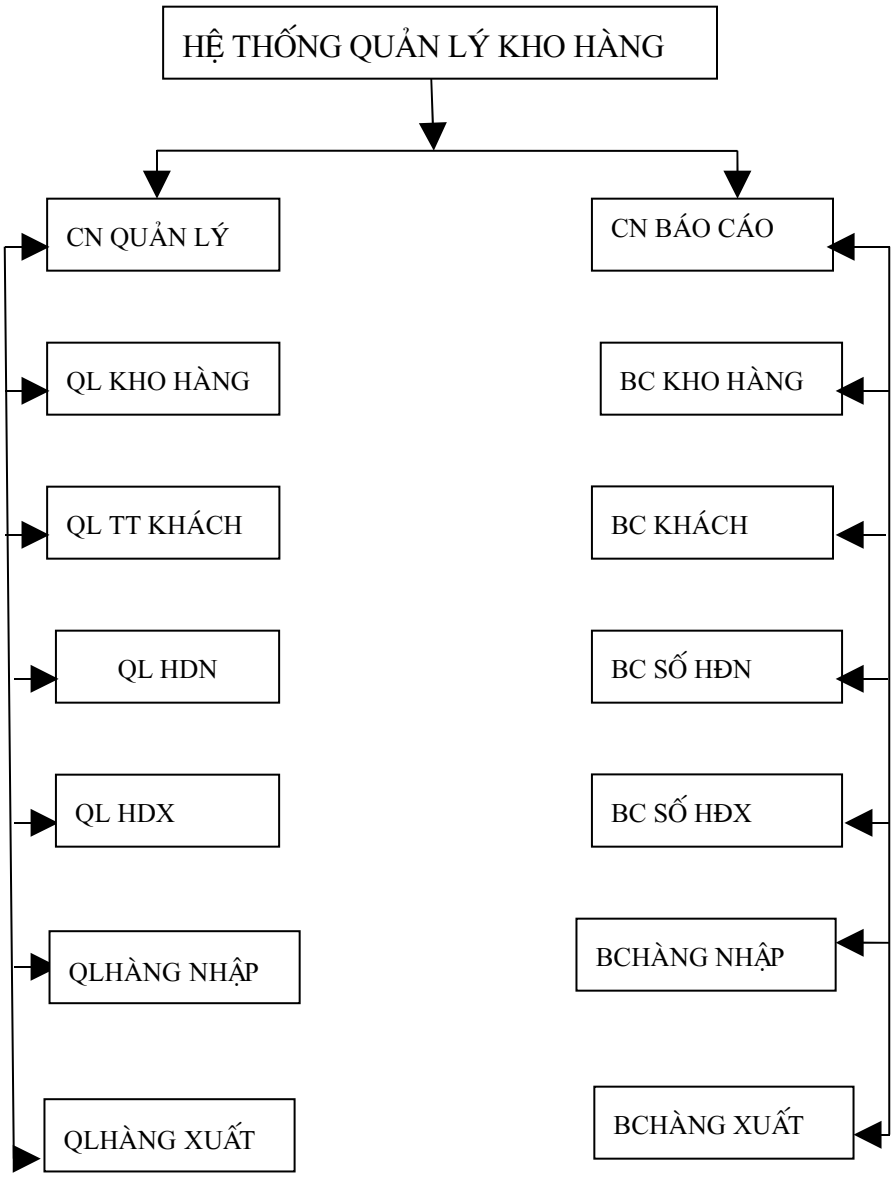


**(Biểu đồ phân cấp chức năng)**

# Chơng IV

# HỆ THỐNG CÁC BẢNG

## I. MÔ HÌNH THỰC THỂ LIÊN KẾT

Qua khảo sát nghiên cứu công tác quản lý kho hàng qua sổ sách, tài liệu các mẫu bảng biểu báo cáo, ta xây dựng đợc mô hình thực thể liên kết nh sau:

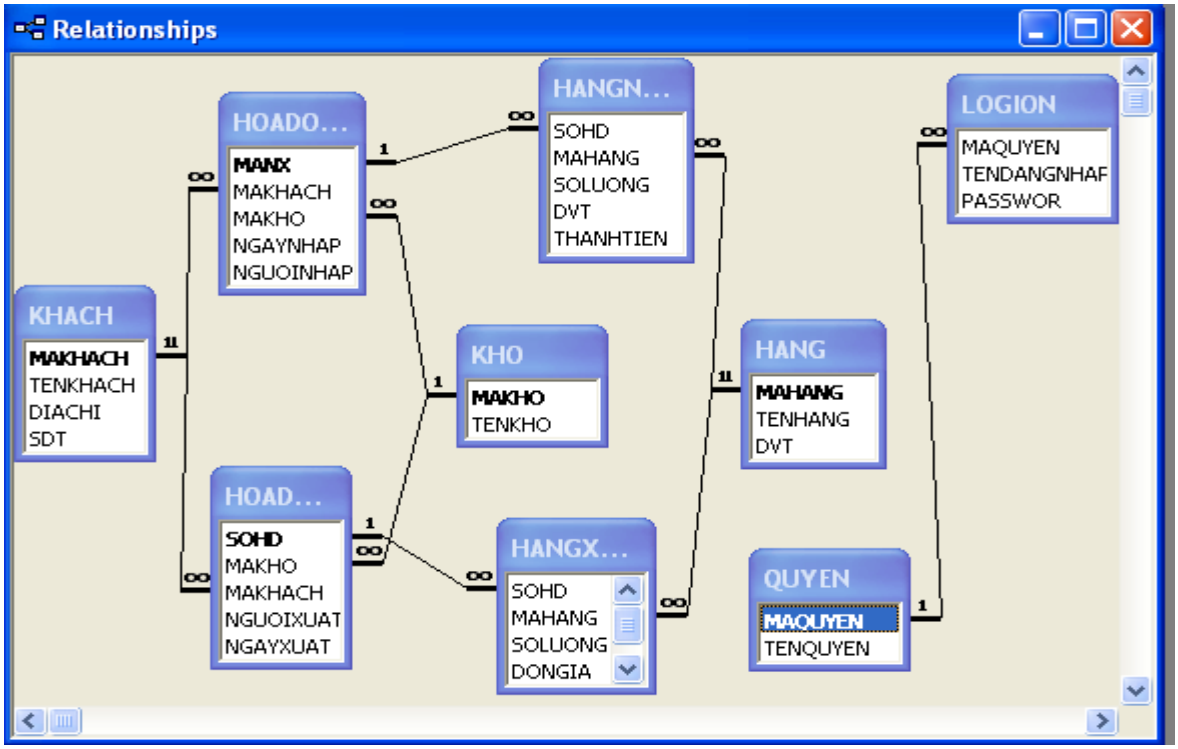


### 2. Thể hiện mối liên kết giữa các bảng

+ Tbl Khach - Tbl Hoa Don Nhap: quan hệ 1 — nhiều
+ Tbl Kho - Tbl Hoa Don Nhap: quan hệ 1 — nhiều

+ Tbl Khach — Tbl Hoa Don Xuat: quan hệ 1 — nhiều
+ Tbl Kho — Tbl Tbl Hoa Don Xuat: quan hệ 1 — nhiều

+ Tbl Hang — Tbl Hang Xuat: quan hệ 1 — nhiều
+ Tbl Hang — Tbl Hang Nhap: quan hệ 1 — nhiều

+ Tbl Hoa Don Nhap - Tbl Hang Nhap: quan hệ 1 — nhiều
+ Tbl Hoa Don Xuat - Tbl Hang Xuat : quan hệ 1 — nhiều

Trong mô hình thực thể liên kết ta có nội dung của các kho dữ liệu nh sau:

- Kho Khach: Lu trữ mã khách, tên khách, số điện thoại, địa chỉ

- Kho Hang: Lu trữ thông tin về mã hàng, tên hàng, đơn vị tính
- Kho Kho: Mô tả đựơc thông tin về mã kho, tên kho
- Kho Hangxuất: Mô tả thông tin về hàng xuất ra gồm số hoá đơn, mã khách, mã kho,ngày xuất, ngời xuất.
- Kho Hoadonnhap: Mô tả đợc thông tin về hoá đơn nhập gồm số hoá đơn, mã kho, mã khách, ngày nhập, ngời nhập
- Kho Hoadonxuat: Mô tả đợc thông tin về hoá đơn xuất gồm số hoá đơn, mã kho, mã khách, ngày xuất, ngời xuất
- Kho Hangnhap: Mô tả thông tin về hàng nhập gồm số hoá đơn, mã hàng, số lợng, đơn gía, thành tiền.
- Kho Quyen: Lu trữ thông tin về mã quyền, tên quyền.
- Kho Logion: Lu trữ thông tin về mã quyền, tên đăng nhập, password

3**. Thiết kế cơ sở dữ liệu.**

Từ mối quan hệ các thực thể và các thuộc tính đã phân tích ta tiến hành xây dụng các bảng cơ sở dữ liệu nh sau:

### a) Bảng khách(KHACH)

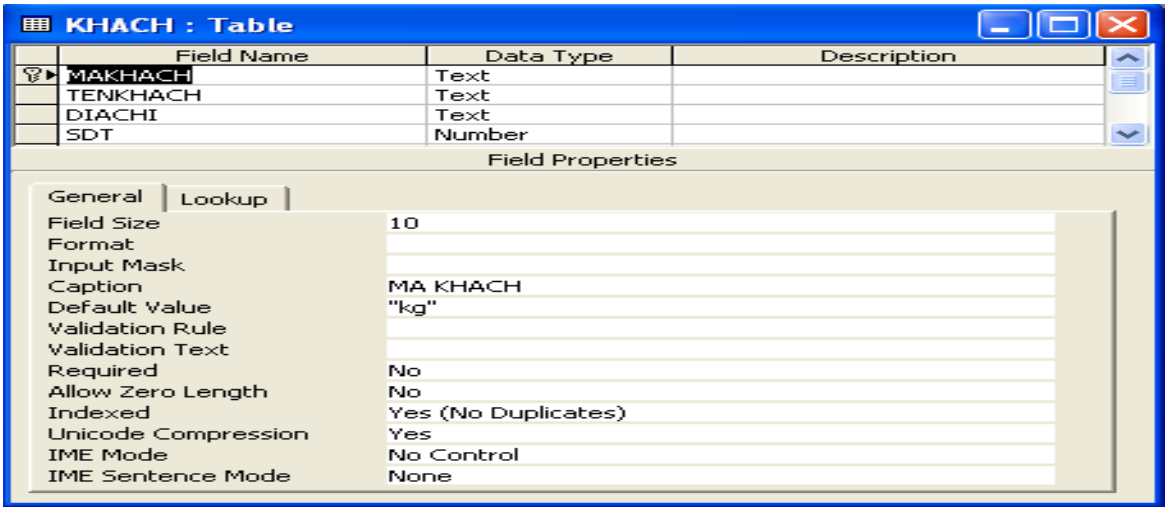


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| MAKHACH | X | Text | 10 | Mã Khách |
| TENKHACH | | Text | 50 | Tên Khách |
| DIACHI | | Text | 50 | Địa chỉ |
| SODT | | Number | 15 | Số điện thoại |

### b. Bảng Kho(KHO)

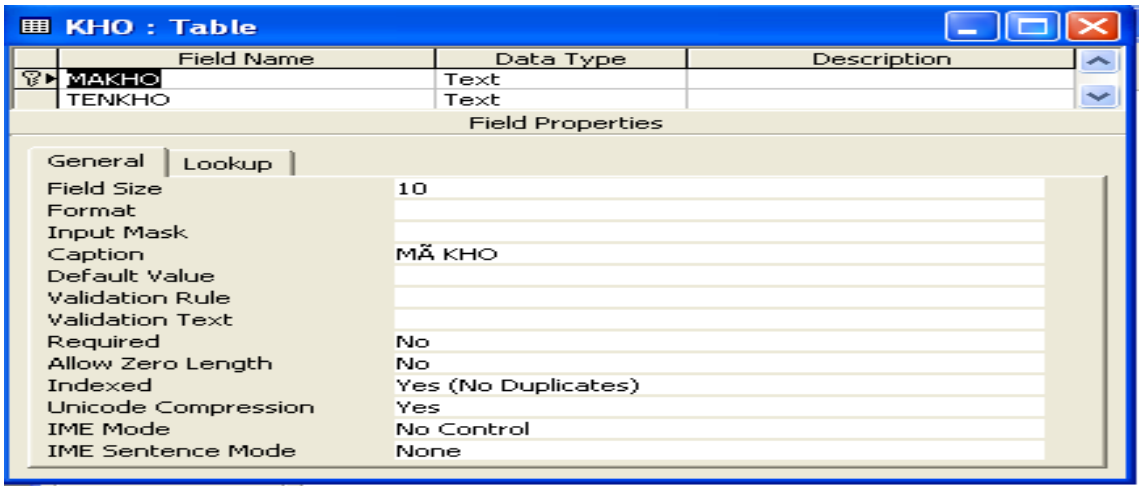


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| MAKHO | X | Text | 10 | Mã kho |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| TENKHO | | Text | 25 | Tên kho |

**c. Bảng Hàng(HANG)**

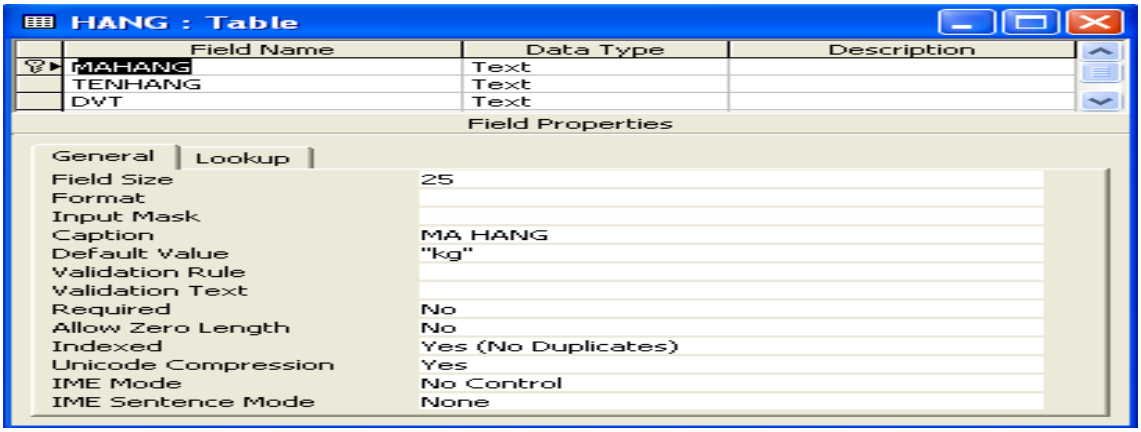


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| MAHANG | X | Text | 25 | Mã hàng |
| TENHANG | | Text | 50 | Tên hàng |
| DVT | | Text | 25 | Đơn vị tính |

**d. Bảng Hoá Đơn Xuất(HOADONXUAT)**

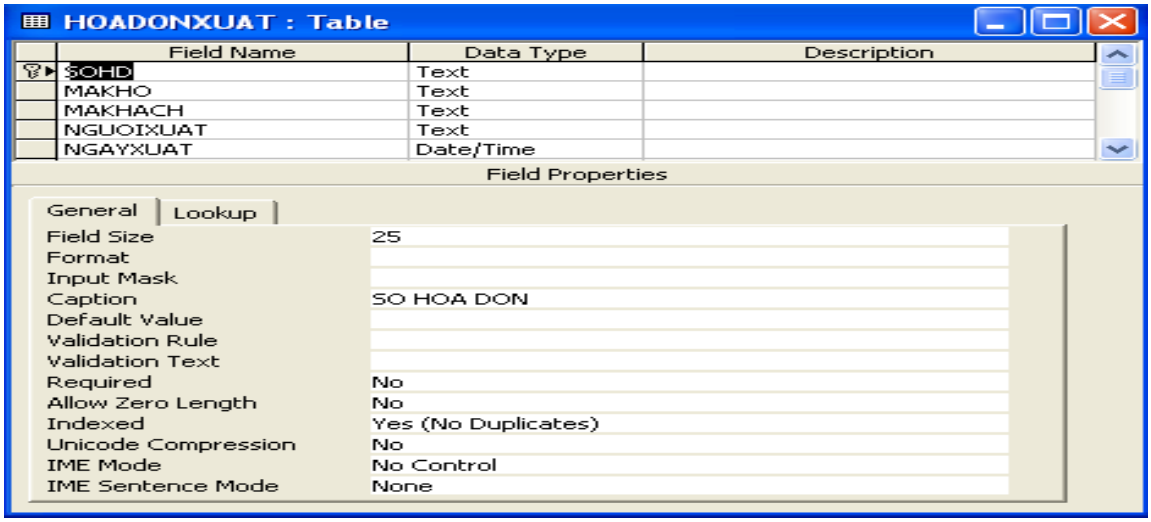


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| SOHD | X | Text | 25 | Số hoá đơn |
| MAKHO | | Text | 50 | Mã kho |
| MAKHACH | | Text | 15 | Mã khách |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| NGUOIXUAT | | Text | 25 | Ngời xuất |
| NGAYXUAT | | Date/Time | 25 | Ngày xuất |

**e. Bảng Hoá đơn nhập(HOADONNHAP)**

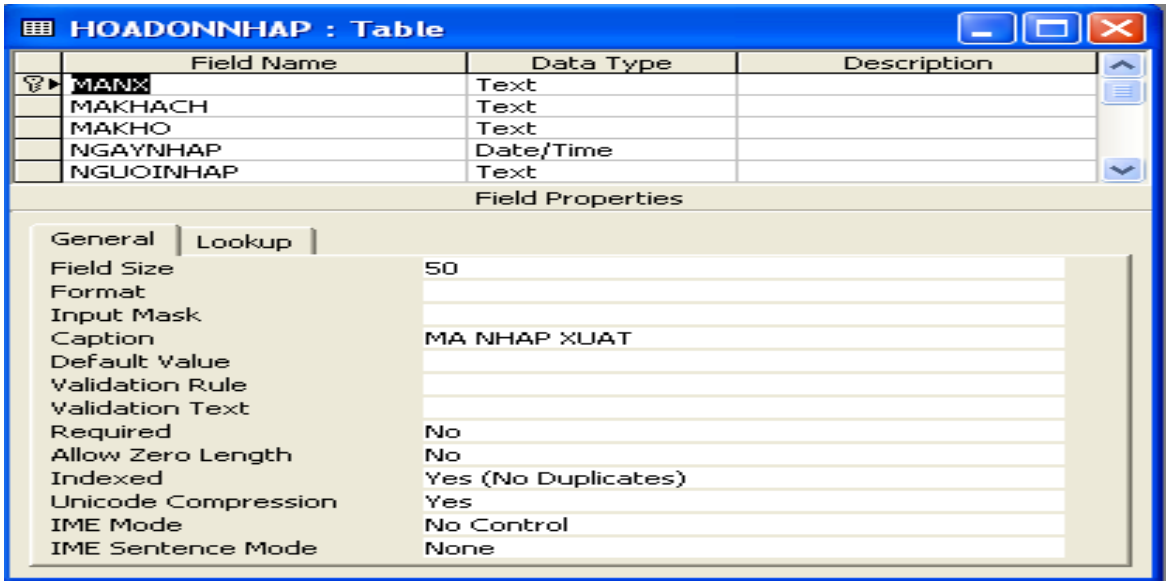


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| MANX | X | Text | 25 | Mã nhập xuất |
| MAKHO | | Text | 50 | Mã kho |
| MAKHACH | | Text | 15 | Mã khách |
| NGUOINHAP | | Text | 25 | Ngời nhập |
| NGAYNHAP | | Date/Time | 25 | Ngày nhập |

**f. Bảng hàng nhập(HANGNHAP)**

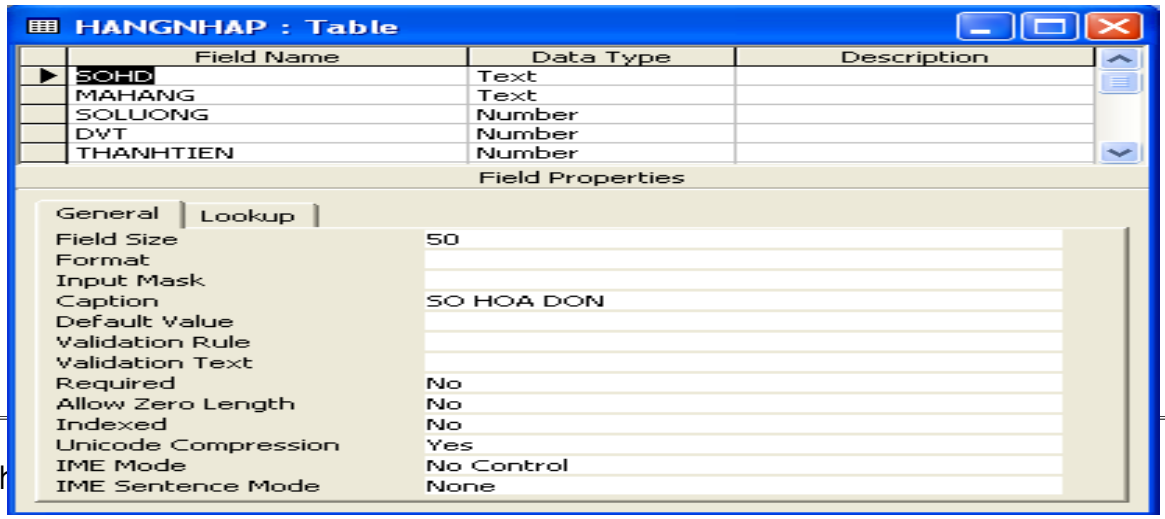

Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| SOHD | | Text | 25 | Số hoá đơn |
| MAHANG | | Text | 50 | Mã hàng |
| SOLUONG | | Number | 15 | Số lợng |
| DVT | | Number | 25 | Đơn vị tính |
| THANHTIEN | | Number | 25 | Thành tiền |

**g. Bảng Hàng Xuất(HANGXUAT)**

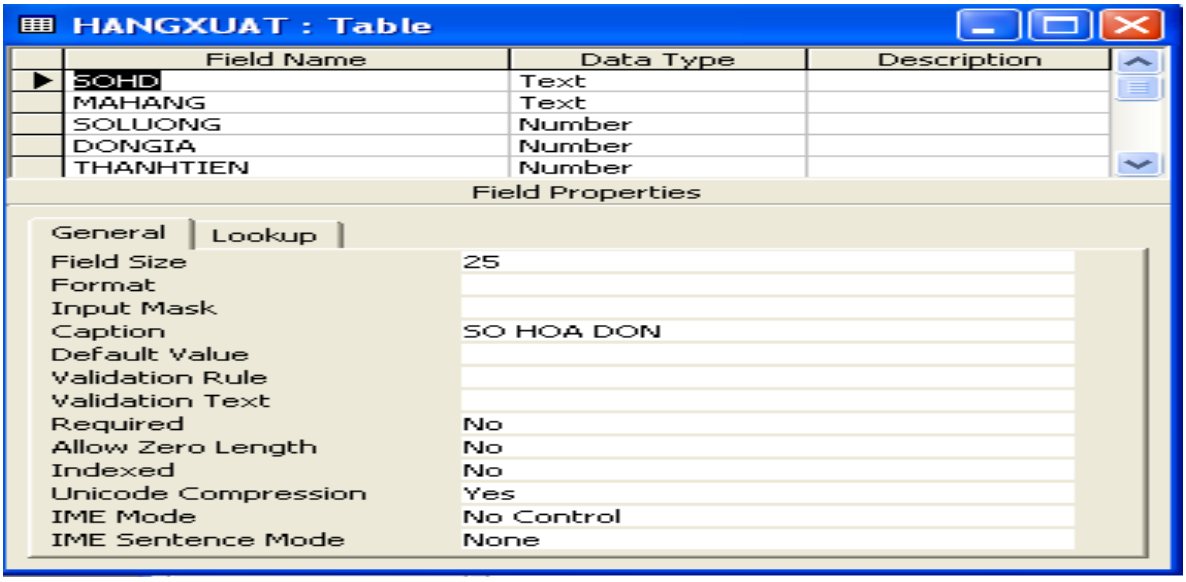


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| SOHD | | Text | 25 | Số hoá đơn |
| MAHANG | | Text | 50 | Mã hàng |
| SOLUONG | | Number | 15 | Số lợng |
| DVT | | Number | 25 | Đơn vị tính |
| THANHTIEN | | Number | 25 | Thành tiền |

**h. Bảng Quyền( QUYEN)**

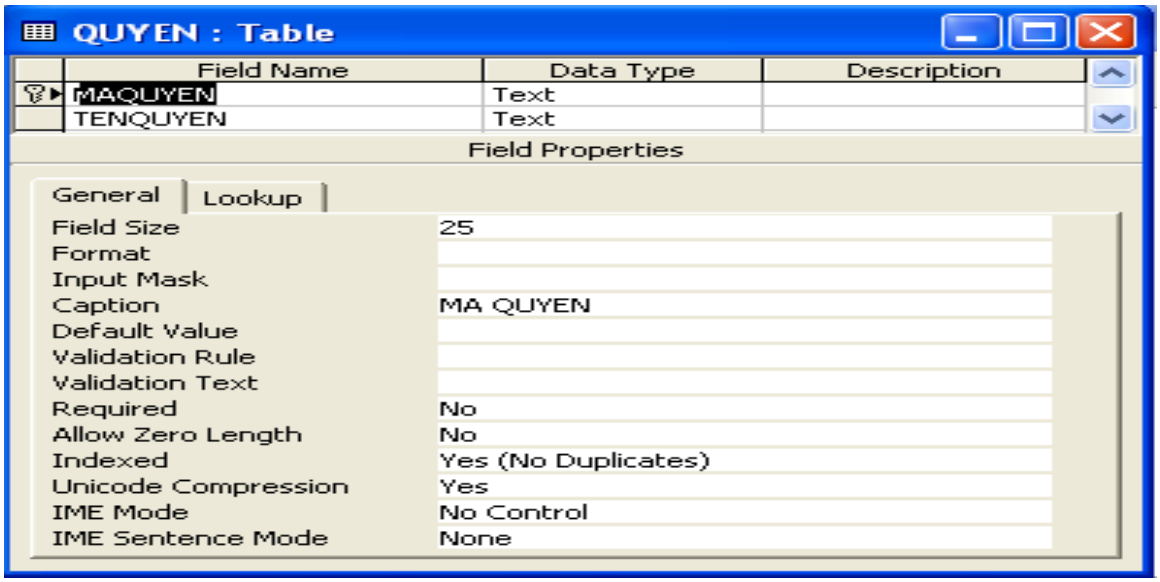


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| MAQUYEN | | Text | 15 | Mã quyền |
| TENQUYEN | | Text | 50 | Tên quyền |

**i. Bảng Logion**

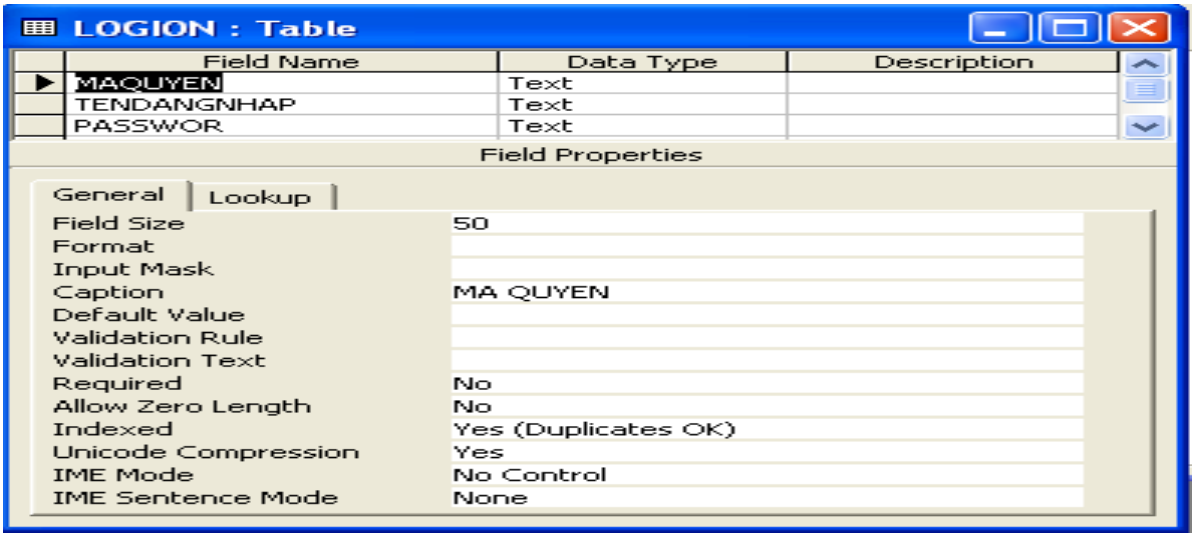


Cụ thể nh sau:

| Tên trờng | Khoá | Kiểu | Độ rộng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| MAQUYEN | x | Text | 15 | Mã quyền |
| TENDANGNHAP | | Text | 50 | Tên Đăng nhập |
| PASSWORD | | Text | 20 | Mật khẩu |

# CHƯƠNG V

# MÔ HÌNH QUERY

➢ **Query hiển thị thông tin về kho hàng**

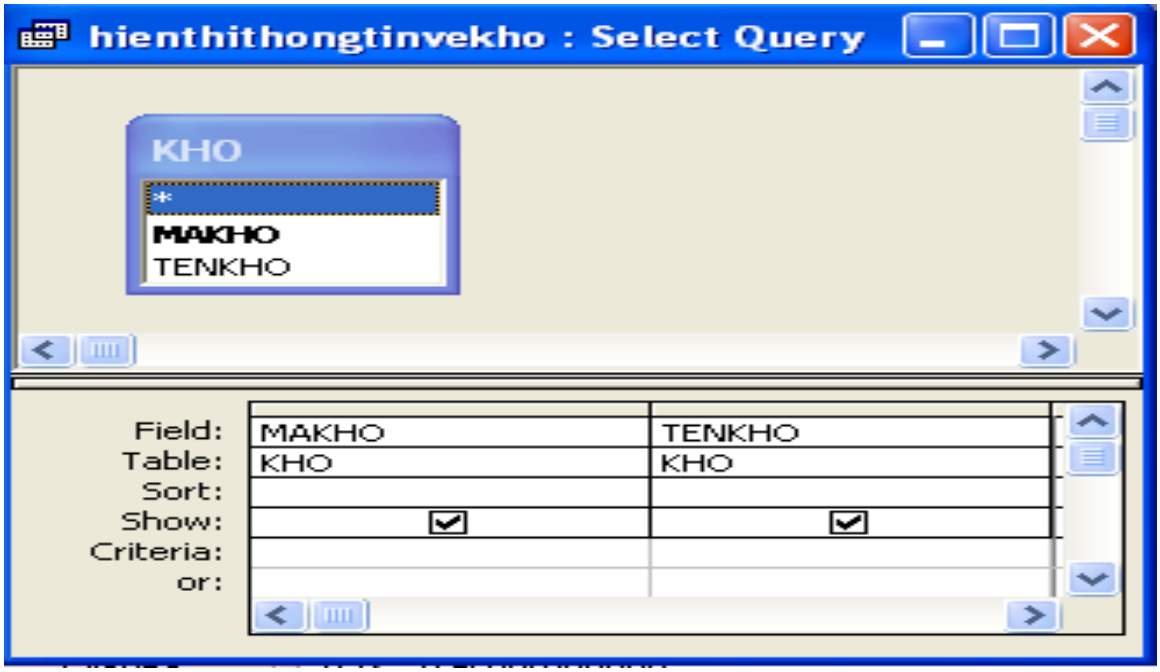

➢ **Query hiển thị thông tin về khách hàng**

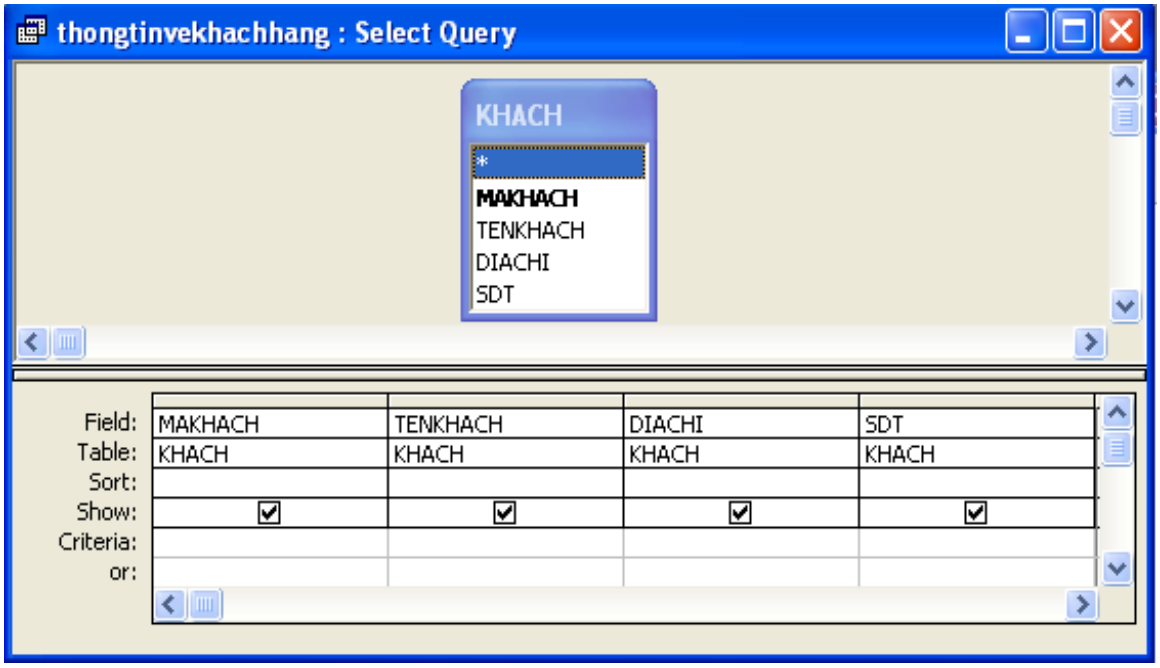


➢ **Query hiển thị thông tin về Hàng nhập**

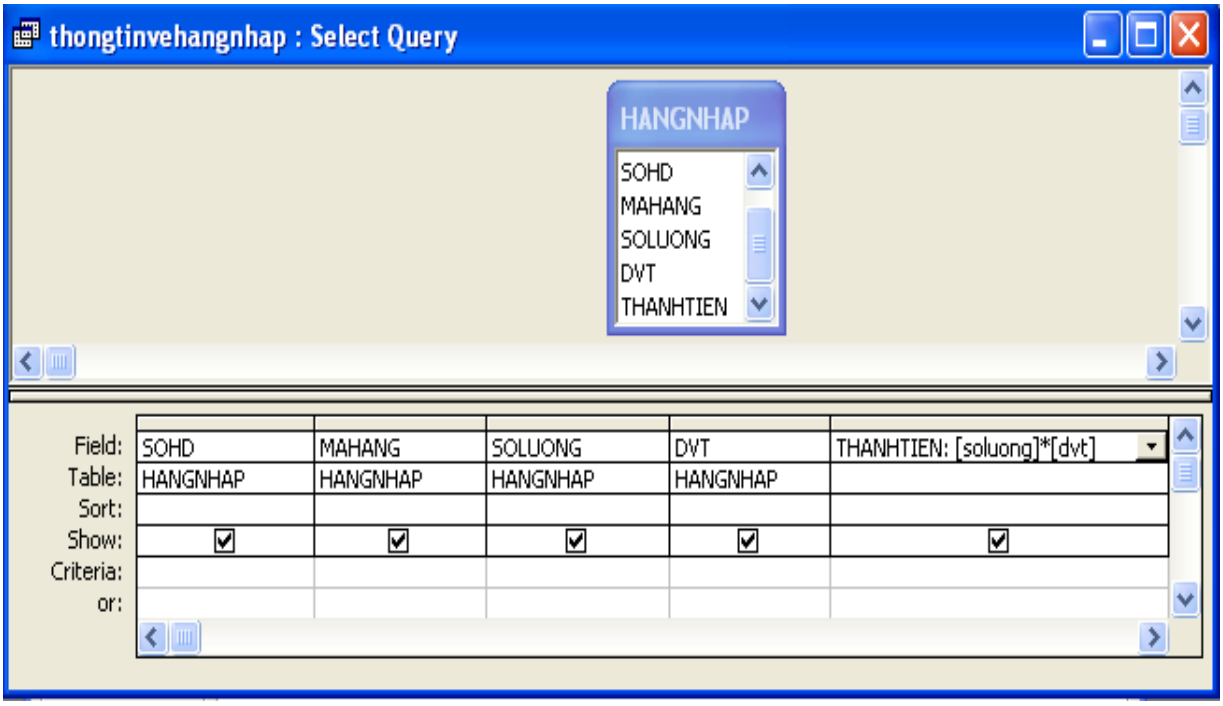

➢ **Query hiển thị thông tin về Hàng xuất**

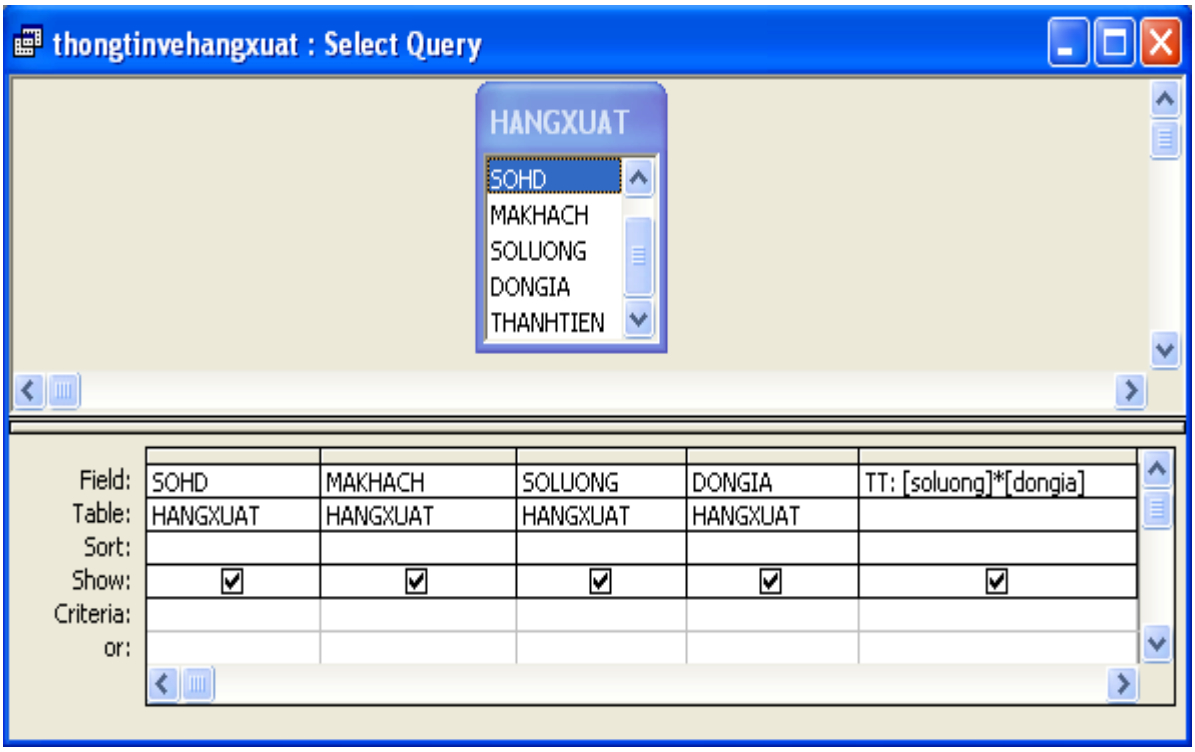


➢ **Đa ra các mặt hàng thoả mãn yêu cầu cho trớc: tên hàng nhập từ bàn phím**

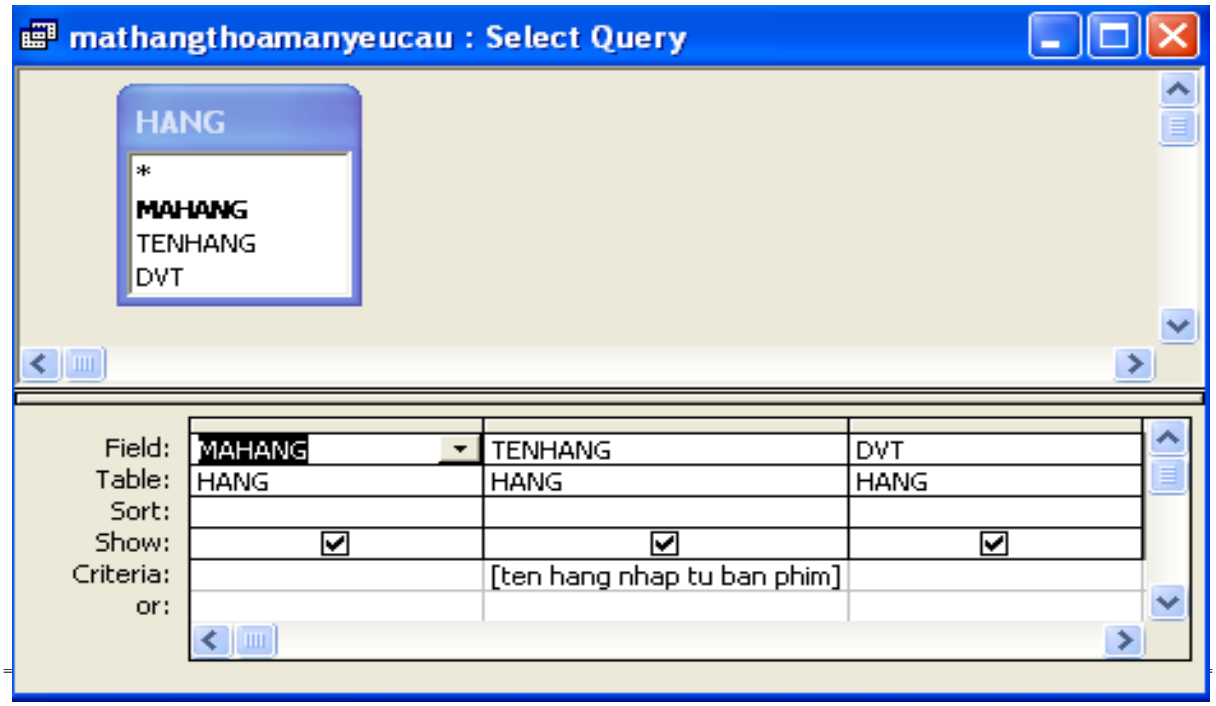

➢ **Hiển thị thông tin về mặt hàng theo kho hàng**

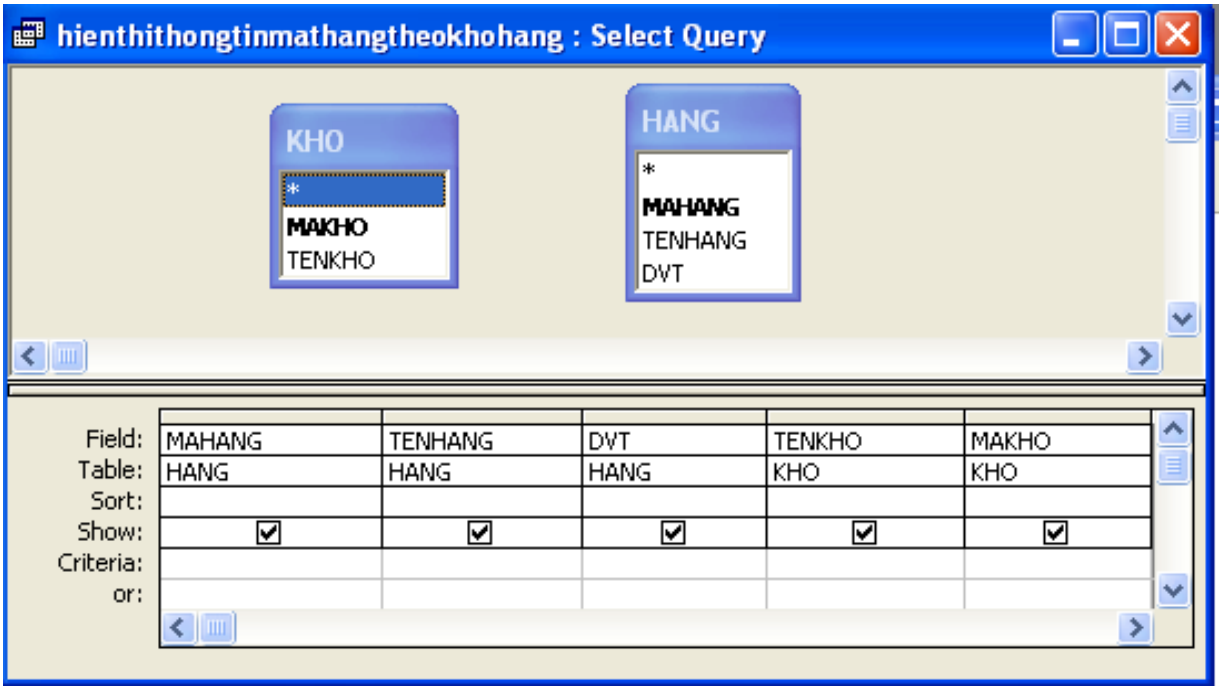


➢ **Đa ra thông tin về hàng xuất thoả mãn yêu cầu cho trớc: Với số hoá đơn nhập tù bàn phím**

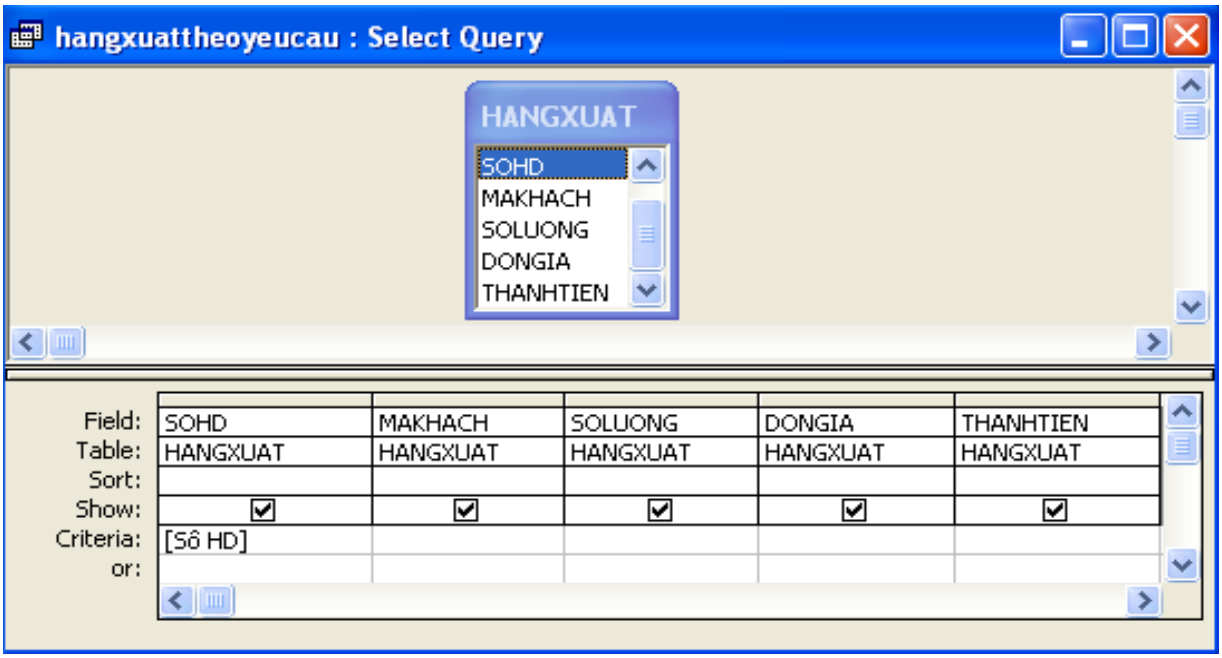

➢ **Đa ra thông tin về hàng nhập thoả mãn yêu cầu cho trớc**

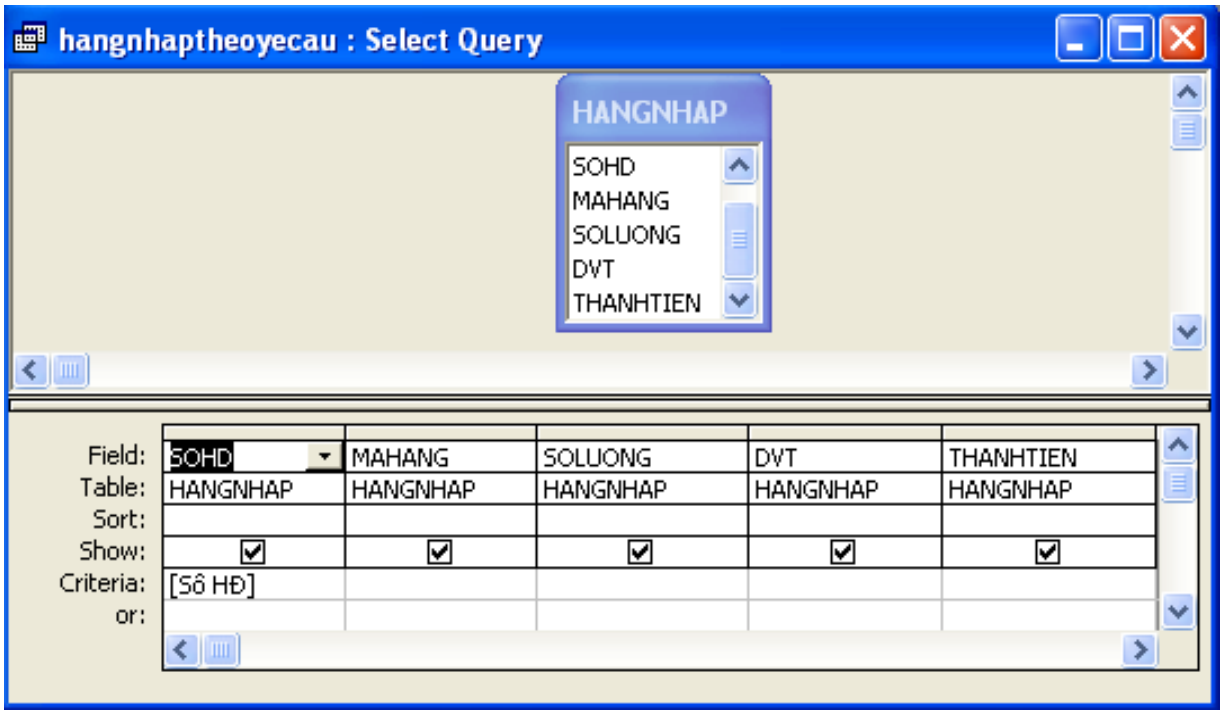


➢ **Query dùng cho form tra cứu**

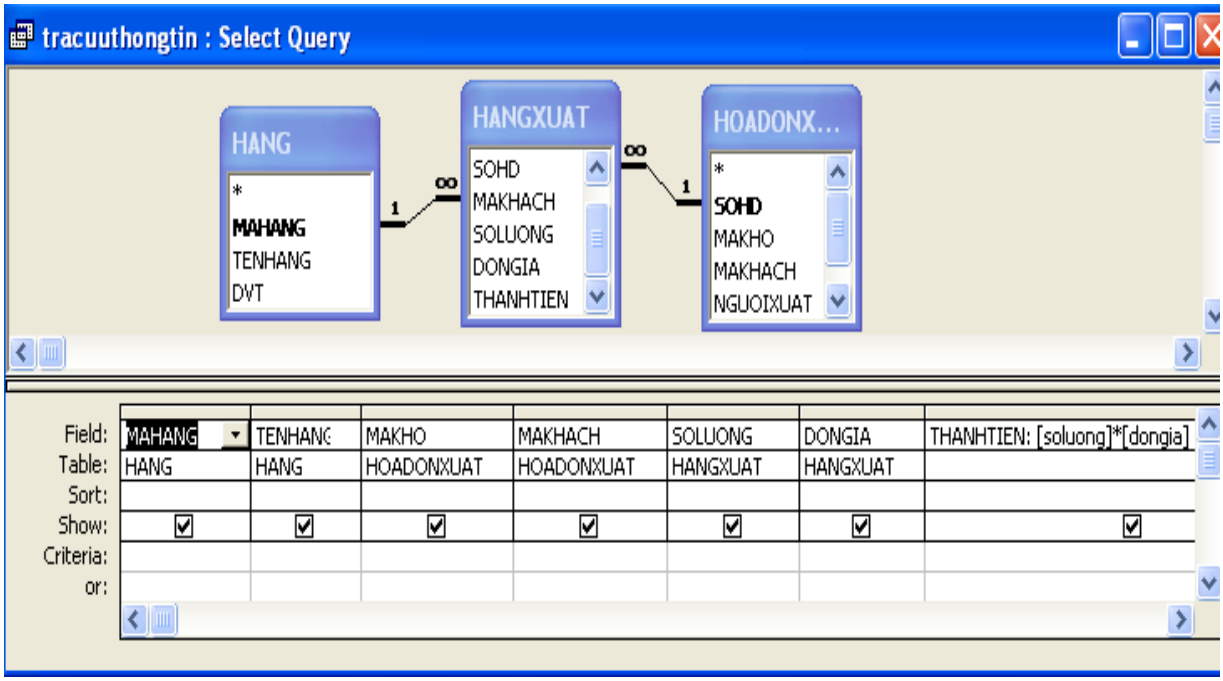

➢ **qrt_Kho**

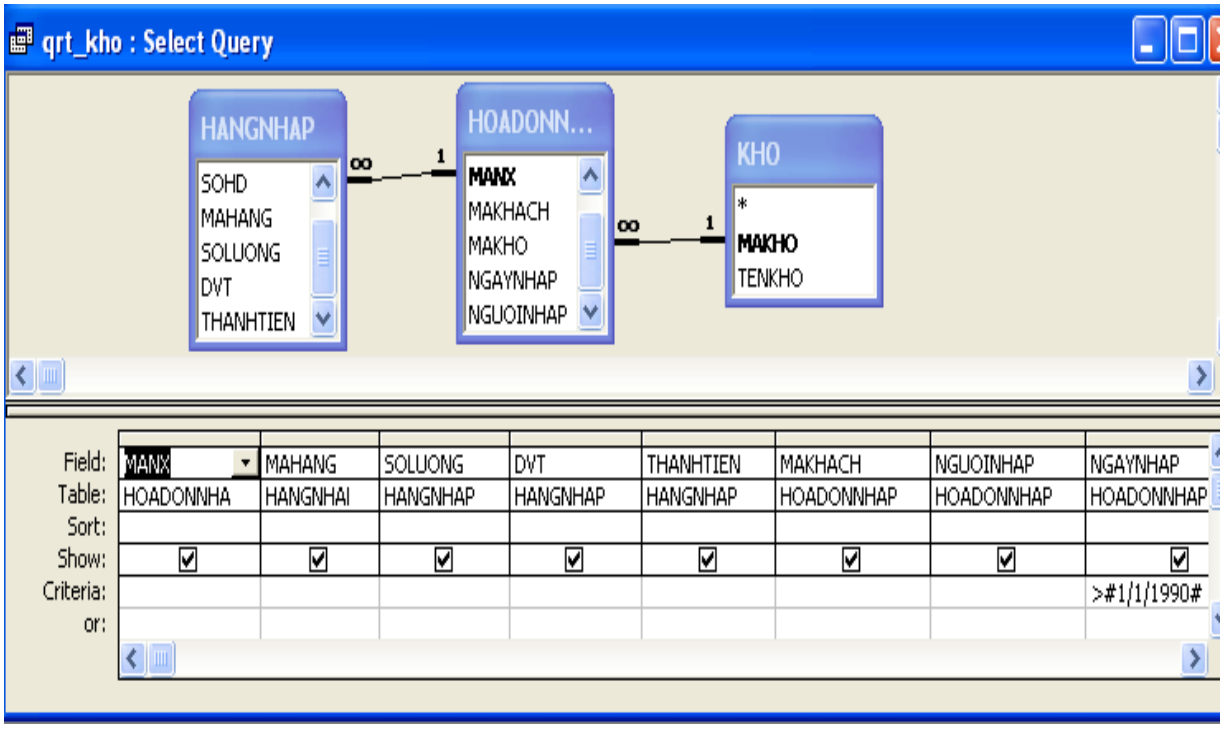


➢ **Qrt_Khách**

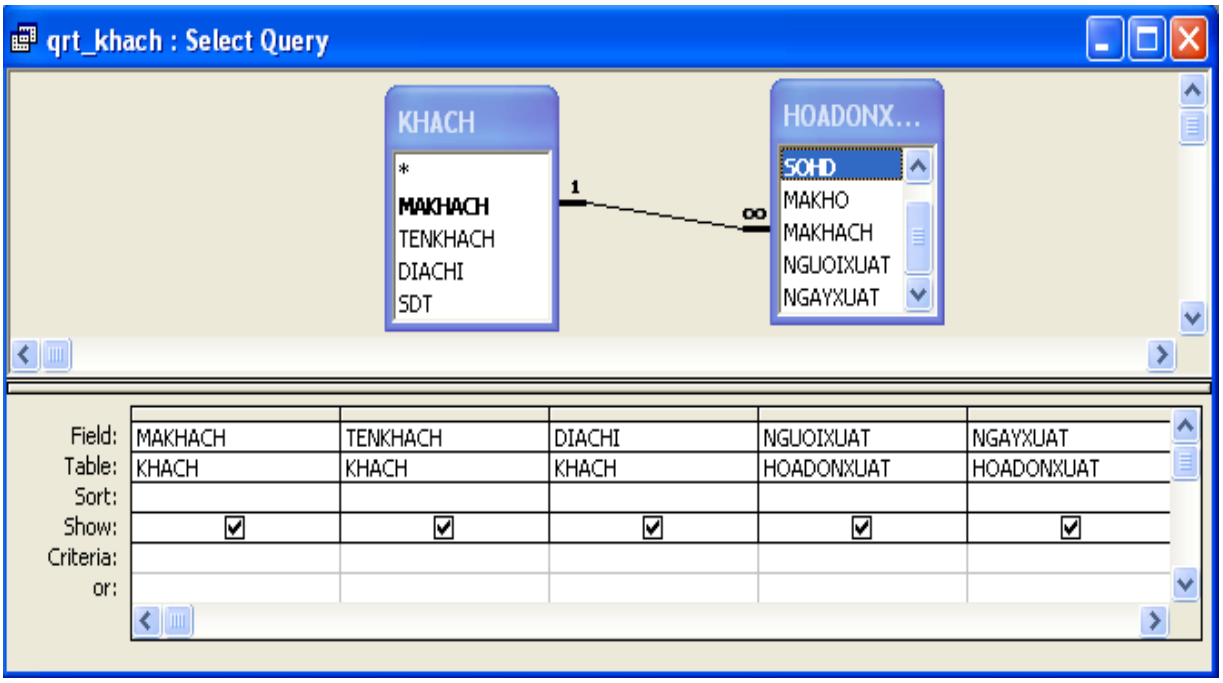


➢ **Qrt_Khachxuat**

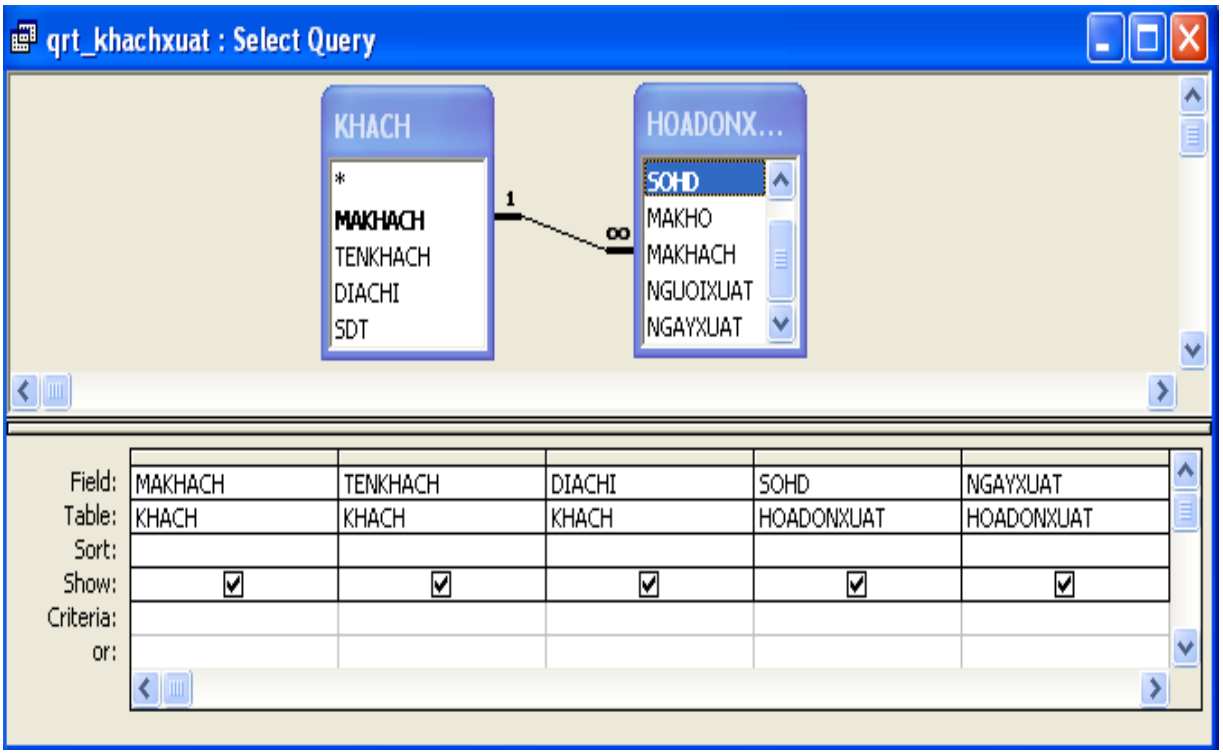


# CHƠNG VI

# HỆ THỐNG CÁC FORM

## A. MÔ HÌNH FORM

Form hay còn gọi là biểu mẫu là công cụ cung cấp giao diện giữa ngời sử dụng và máy tính. Form đợc thiết kế để phục vụ các mục đích.

- Tạo giao diện giữa ngời và máy.
- Trình bày dữ liệu.
- Cập nhật dữ liệu.

• các thành phần cơ bản của biểu mẫu.

+ Form Detail: là thành phần quan trọng nhất của Form, dùng để chữa các điều khiểu nh: nhán hộp văn bản, hộp lựa chọn.

+Page Footer: thành phần này xuất hiện ở cuối mỗi trang.

+Form Foter: thành phần này sẽ đợc xuất hiện ở cuối của Form, thờng đợc sử dụng để thực hiện các công việc thống kê tính toán dữ liệu.

**2. Xây dựng hệ thống From**

1. frm đăng nhập => frmchơng trình chính(form1)

2. frmchơng trình chính(form1) => frm quản lý thông tin ngời dùng

3. frmchơng trình chính(form1) => frm quản lý thông tin khách hàng, frm quản lý thông tin kho hàng

4. frmchơng trình chính => frm quản lý thông tin hoá đơn nhập, frm quản lý thông tin hoá đơn xuất.

5. frmchơng trình chính => frm quản lý thông tin mặt hàng, frm quản lý thông tin hàng nhập, frm quản lý thông tin hàng xuất

6. frm quản lý thông tin ngời dùng=> frm thêm, sửa, xoá thông tin ngời dùng

7. frm quản lý thông tin khách hàng => frm thêm, sửa, xoá thông tin khách hàng.

8. frm quản lý thông tin kho hàng => frm thêm, sửa, xoá thông tin kho hàng.

9. frm quản lý thông tin hoá đơn nhập => frm thêm, sửa, xoá thông tin hoá đơn nhập.

10. frm quản lý thông tin hoá đơn xuất => frm thêm, sửa, xoá thông tin hoá đơn xuất.

11. frm quản lý thông tin mặt hàng => frm thêm, sửa, xoá thông tin về mặt hàng

12. frm quản lý thông tin hàng nhập => frm thêm, sửa, xoá thông tin về hàng nhập

13. frm quản lý thông tin hàng xuất => frm thêm, sửa, xoá thông tin về hàng xuất

- Cách thiết kế.

Tại cửa sổ Database → Form → New → Design view → chọn truy vấn nguồn → OK.

Trớc hết From đăng nhập yêu cầu ngời dùng phải vào tên và password của hệ thống chơng trình

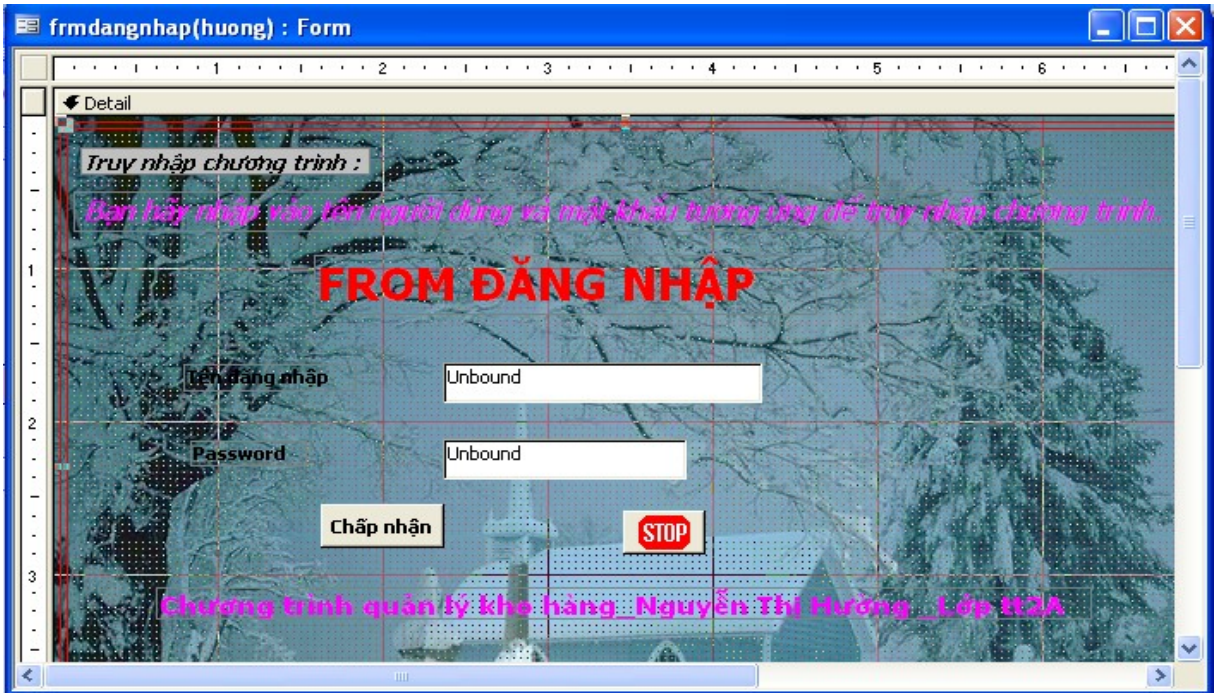


form đăng nhập đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về ngời đăng nhập chơng trình

- Mô tả chi tiết:

  - Một Form hiển thị thông tin về ngời nhập chơng trình
  - Các Textbox dùng để nhập tên đăng nhập của ngời sử dụng
  - Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thông tin ngời sử dụng
+ Nút "Đóng" : Thoát khỏi module này.

**Nút Chấp nhận đợc lập trình nh sau:**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()

Dim db As Database

Dim rs  As Recordset
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("LOGION", dbOpenDynaset)
rs.FindFirst "TENDANGNHAP = '" & txttendangnhap & "'"
If rs.Fields("TENDANGNHAP") = txttendangnhap And rs.Fields("PASSWOR")
= txtpassword Then
DoCmd.OpenForm ("FORM1")

Else
MsgBox " Du lieu khong hop le, moi ban nhap lai ten dang nhap va mat khau,chu
y hay nhap dung thong tin de chuong trinh hoat dong tot hon "
```

```
End If
rs.Close
db.Close
txttendangnhap = ""
txtpassword = ""
End Sub
```

**Nút STOP đợc lập trình nh sau**

```
Private Sub cmdthoat_Click()
tb = MsgBox("ban co muon thoat ko ", vbYesNo + vbCritical)
If tb = vbYes Then
DoCmd.Close
```

**Màn hình from chơng trình chính (From1)**

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: from chong trình chính sử dụng các đối tợng (textbox) để cho phép ngời dùng gọi đến các from tơng ứng trong chơng trình bằng câu lệnh nh sau.

Các đối tợng đợc viết thông qua sự kiện on click bằng lập trình sau:

Private sub tên đối tợng _ click()

Docmd.OpenForm" Tên From cần gọi đến"

End sub

**Màn hình From Quản lý kho hàng**

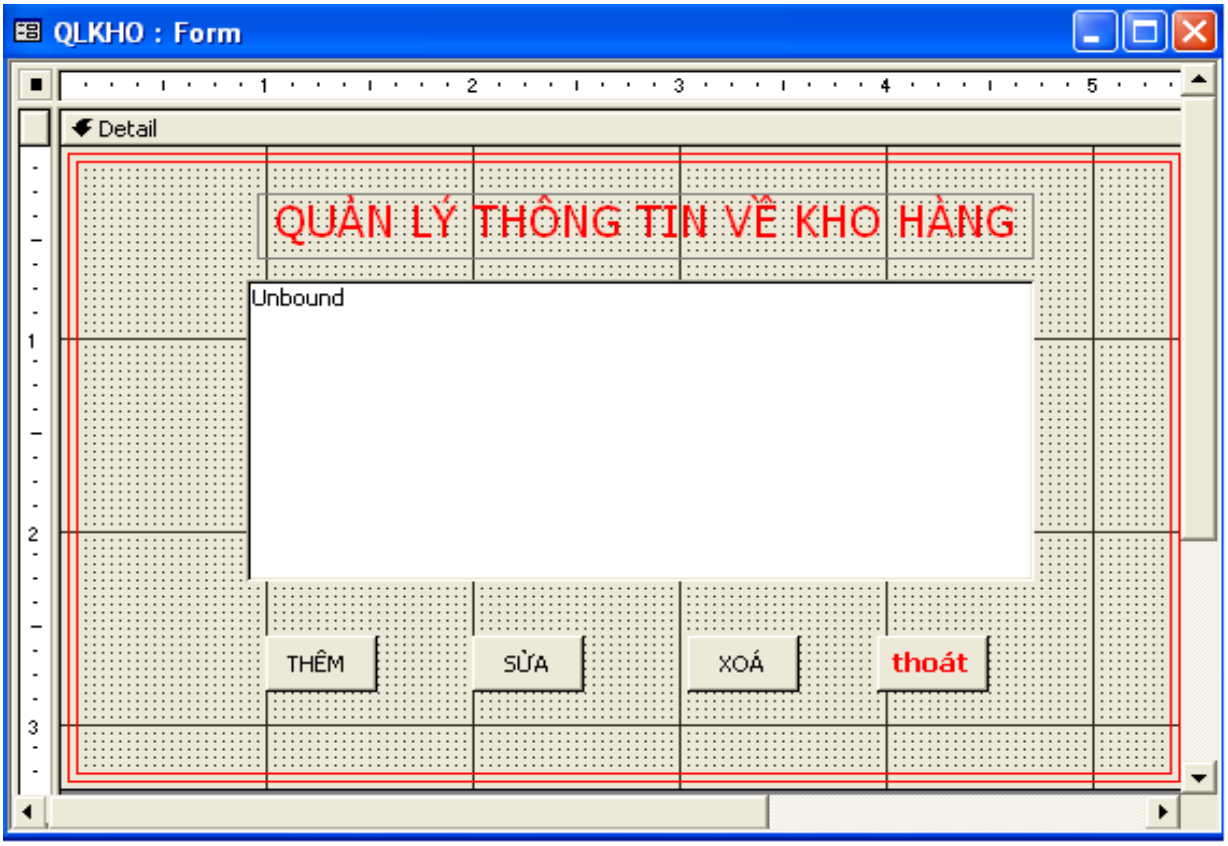


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemkhohang"<br>End Sub | **Nút thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemkhohang"<br>End Sub |
| **Nút Sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br><br>DoCmd.OpenForm "frmsuakho"<br><br>End Sub | **Nút thoát**<br>Private Sub cmdthoat_Click()<br>tb = MsgBox("ban co muon thoat ra ko ", vbYesNo + vbCritical)<br>If tb = vbYes Then<br>DoCmd.Close<br>End If<br>End Sub |

**Màn hình from thêm kho hàng**

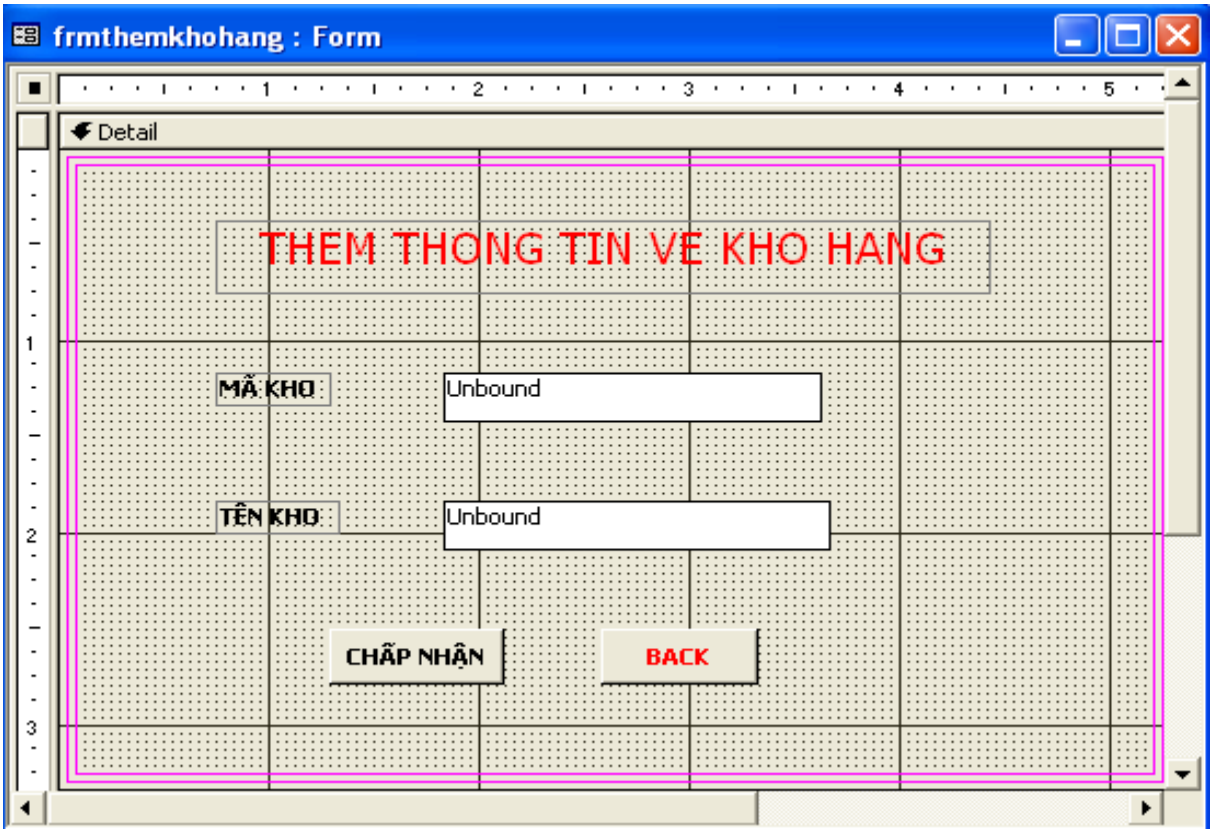


form thêm kho hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về thêm kho hàng

- Mô tả chi tiết:

  – Một Form hiển thị thông tin về thêm kho hàng

  – Các Textbox dùng để nhập mã kho, tên kho

  – Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thông tin kho hàng
+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Lập trình cho nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()

Dim db As Database

Dim rs As Recordset

Set db = CurrentDb()

If IsNull(TXTMAKHO) Or IsNull(TXTTENKHO) Then

MsgBox "ban chua nhan du lieu"

Exit Sub

End If

Set rs = db.OpenRecordset("kho")

rs.AddNew

rs.Fields("makho") = TXTMAKHO

rs.Fields("tenkho") = TXTTENKHO
```

```
rs.Update
rs.Close

TXTMAKHO = ""

TXTTENKHO = ""

End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình from sửa kho hàng**

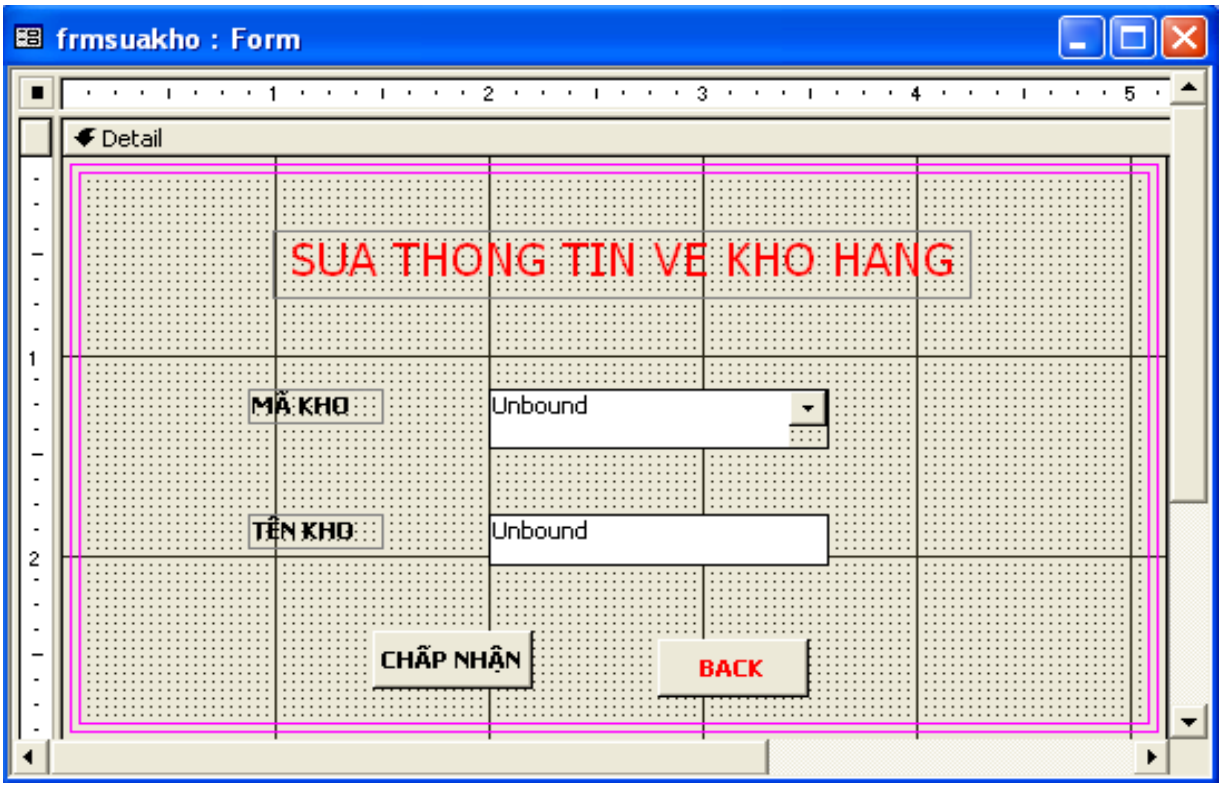


form sửa kho hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về sửa kho hàng

- Mô tả chi tiết:

  - Một Form hiển thị thông tin về sửa kho hàng
  - Textbox dùng để nhập tên kho
  - Một Cobobox dùng để hiển thị thông tin mã kho
  - Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thông tin kho hàng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbomakho**

```
Private Sub CBOmakho_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from kho where makho = '" &
cbomakho & "'")
TXTTENKHO = rs.Fields("tenkho")
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(cbomakho) Or IsNull(TXTTENKHO) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If

Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from kho where makho = '" &
cbomakho & "'")
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
```

```
rs.Edit
rs.Fields("tenkho") = TXTTENKHO
rs.Update
rs.Close
db.Close
cbomakho = ""
TXTTENKHO = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình from xoá kho hàng**

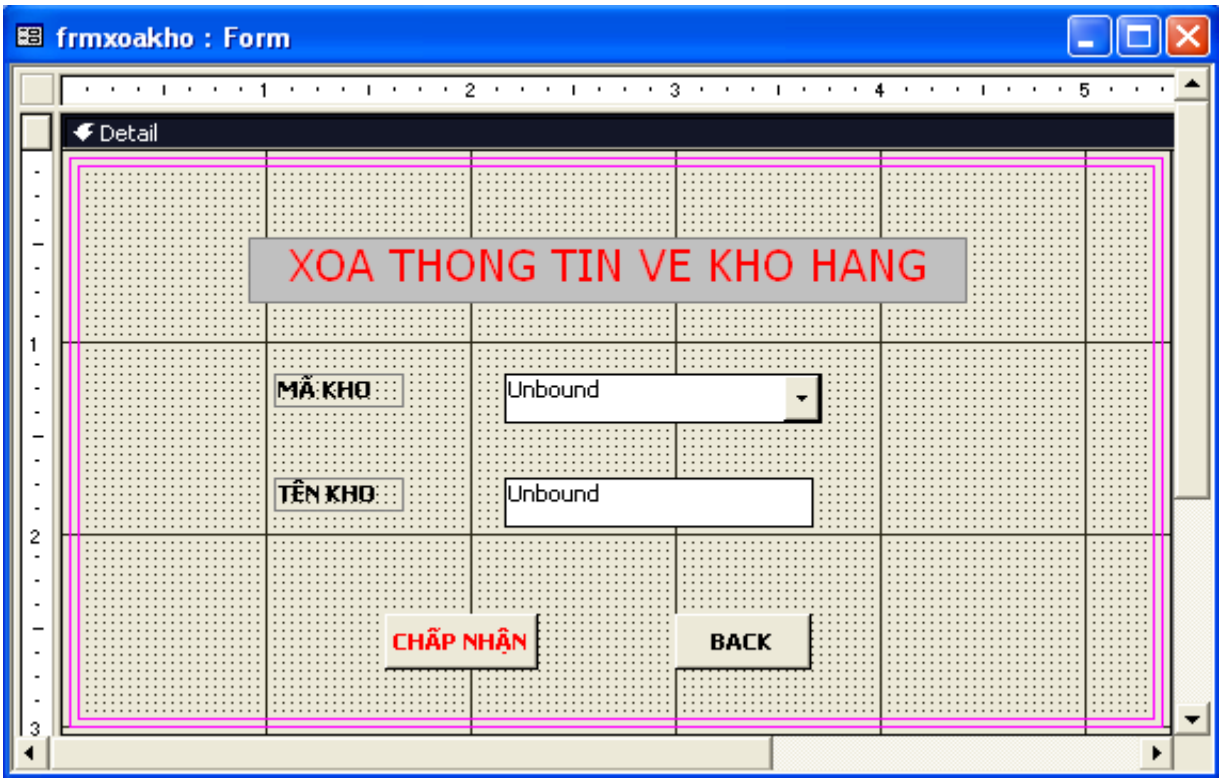


form xoá kho hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về xoá kho hàng

- Mô tả chi tiết:

  - Một Form hiển thị thông tin về xoá kho hàng
  - Textbox dùng để nhập tên kho
  - Một Cobobox dùng để hiển thị thông tin mã kho
  - Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thông tin kho hàng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbomakho**

```
Private Sub CBOmakho_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from kho where makho = '" &
cbomakho & "'")
TXTTENKHO = rs!TENKHO
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database

Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("KHO")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from kho where makho = '" &
cbomakho & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical +
vbYesNo)

If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
```

```
rs.Close
cbomakho = ""
TXTTENKHO = ""
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()

DoCmd.Close

End Sub
```

**Màn hình form quản lý user**

- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemuser"<br>End Sub | Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmsuauser"<br><br>End Sub |
| Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "XOAuser"<br>End Sub | Private Sub cmdthoat_Click()<br>DoCmd.Close<br>End Sub |

**<u>thêm thông tin ngời dùng</u>**

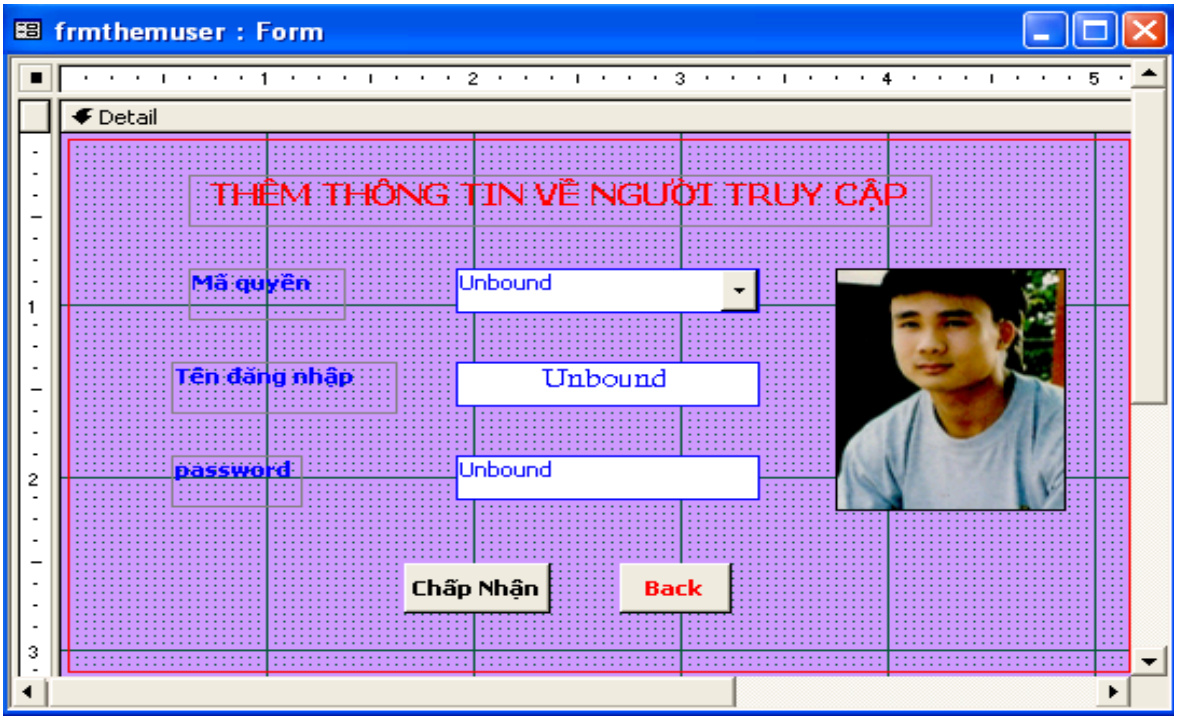


form thêm thông tin ngời dùng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về thêm thông tin ngời dùng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về thêm thông tin ngời dùng

- Các Textbox dùng để nhập password, tên đăng nhập
- Cobobox dùng để hiển thị thông tin về mã quyền
- Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thêm thông tin ngời dùng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb()
If IsNull(cbomaquyen) Or IsNull(txttendangnhap) Or IsNull(txtpassword) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If
Set rs = db.OpenRecordset("logion")
rs.AddNew
rs.Fields("maquyen") = cbomaquyen
rs.Fields("tendangnhap") = txttendangnhap
rs.Fields("passwor") = txtpassword
rs.Update
rs.Close
db.Close
cbomaquyen = ""
txttendangnhap = ""
txtpassword = ""
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close

End Sub
```

**Màn hình Form sửa thông tin ngời dùng**

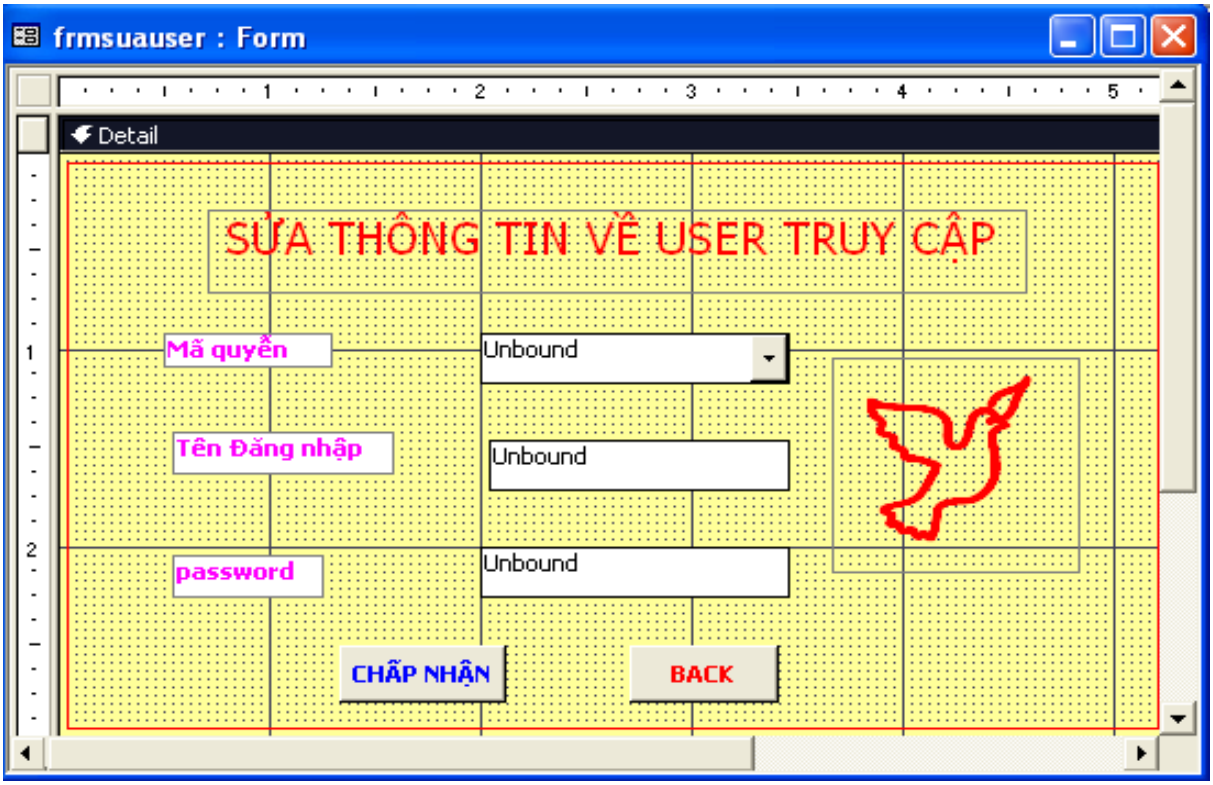


form sửa thông tin ngời dùng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về sửa thông tin ngời dùng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về sửa thông tin ngời dùng

- Các Textbox dùng hiển thị password, tên đăng nhập
- Cobobox dùng để hiển thị thông tin về mã quyền
- Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện sửa thông tin ngời dùng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbomaquyen**

```
Private Sub cbomaquyen_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from logion where maquyen = '" &
cbomaquyen & "'")
txttendangnhap = rs.Fields("tendangnhap")
txtpassword = rs.Fields("passwor")
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(cbomahang) Or IsNull(txttenhang) Or IsNull(txtdvt) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from logion where maquyen = '" &
cbomaquyen & "'")
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
rs.Edit
rs.Fields("tendangnhap") = txttendangnhap
rs.Fields("passwor") = txtpassword
rs.Update
```

```
rs.Close
db.Close
cbomaquyen = ""
txttendangnhap = ""
txtpassword = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

**<u>Nút back</u>**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình form xoá thông tin ngời dùng**

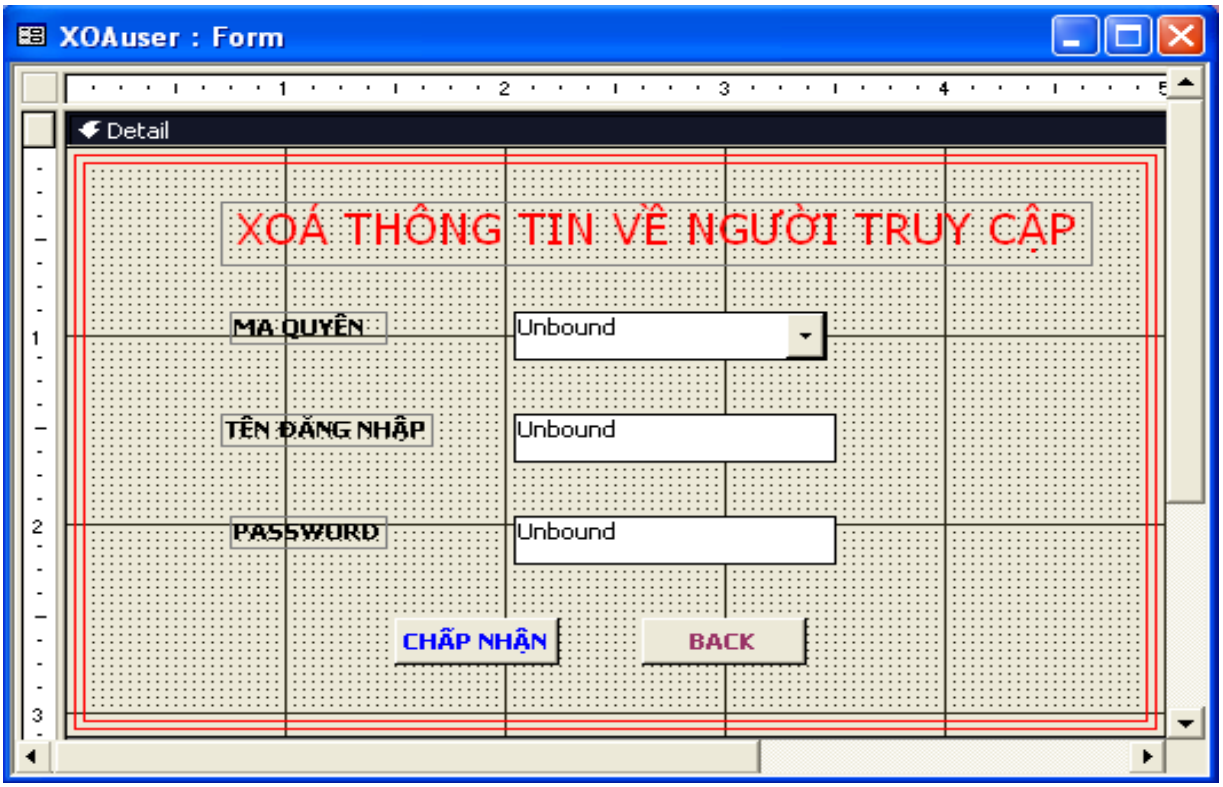


form xoá thông tin ngời dùng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về xoá thông tin ngời dùng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về xoá thông tin ngời dùng

- Các Textbox dùng để hiển thị  password, tên đăng nhập
- Cobobox dùng để hiển thị thông tin về mã quyền
- Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện xoá thông tin ngời dùng

**Nút cbomaquyen**

```
Private Sub cbomaquyen_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from LOGION where maquyen = '" &
cbomaquyen & "'")
txttendangnhap = rs!tendangnhap
txtpassword = rs!passwor
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("logion")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from LOGION where maquyen = '" &
cbomaquyen & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical +
vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
rs.Close
cbomaquyen = ""
txttendangnhap = ""
txtpassword = ""
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình Form quản lý khách**

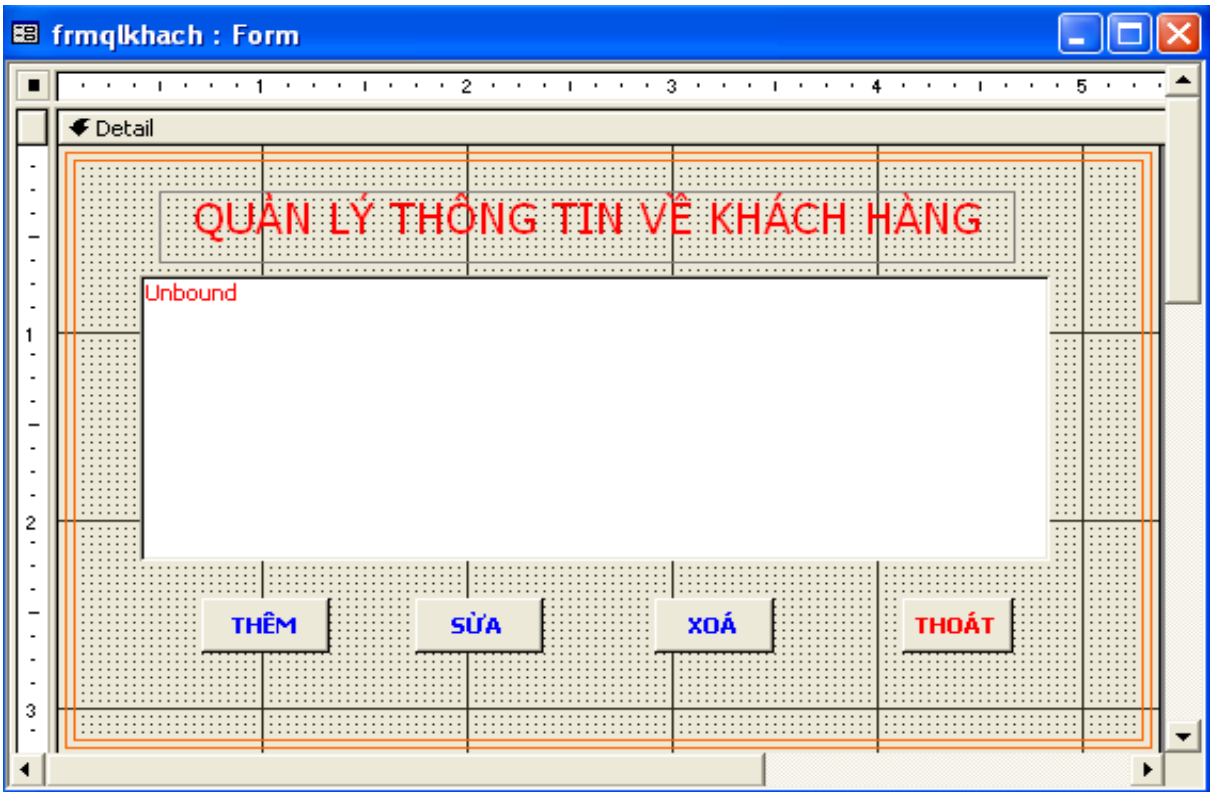


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút Thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthem"<br>End Sub | **Nút sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmsuakhach"<br>End Sub |
| **Nút xoá**<br>Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmxoakhach"<br>End Sub | **Nút thoát**<br>Private Sub cmdthoat_Click()<br>tb = MsgBox("ban co muon thoat ra ko ", vbYesNo + vbCritical)<br>If tb = vbYes Then<br>DoCmd.Close<br>End If<br>End Sub |

**Màn hình Form thêm hàng**

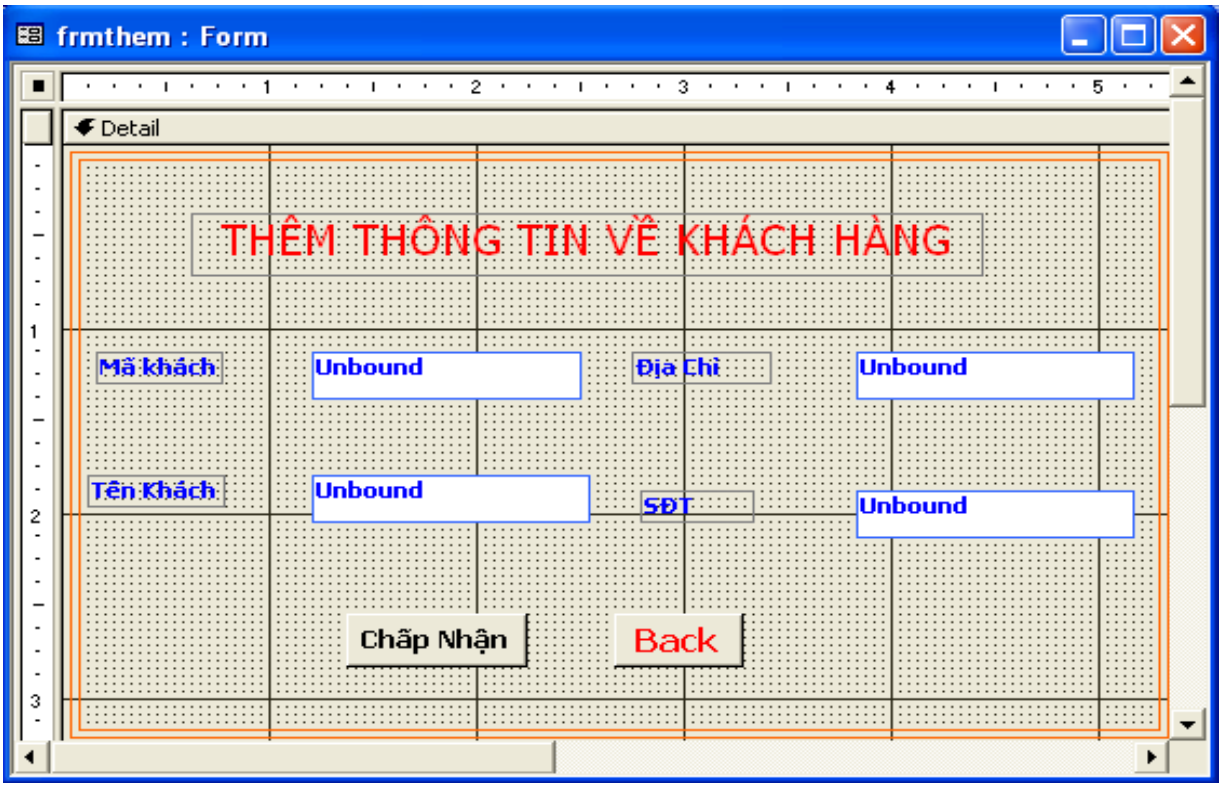


Form thêm thông tin khách hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về thêm thông tin khách hàng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về thêm thông tin ngời dùng

– Các Textbox dùng để nhập mã hàng, tên hàng, mã khách, tên khách, địa chỉ, số điện thoại

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thêm thông tin khách hàng

+ Nút “Back” : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb

If IsNull(TXTMAKHACH) Or IsNull(txttenkhach) Or IsNull(txtdiachi) Or
IsNull(txtsdt) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If

Set rs = db.OpenRecordset("khach")
rs.AddNew
rs.Fields("makhach") = TXTMAKHACH
rs.Fields("tenkhach") = txttenkhach
rs.Fields("diachi") = txtdiachi
rs.Fields("sdt") = txtsdt

rs.Update
rs.Close
db.Close
TXTMAKHACH = ""
txttenkhach = ""
txtdiachi = ""
txtsdt = ""
```

**Nút thoát**

```
Private Sub cmdquay_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình Form sửa hàng**

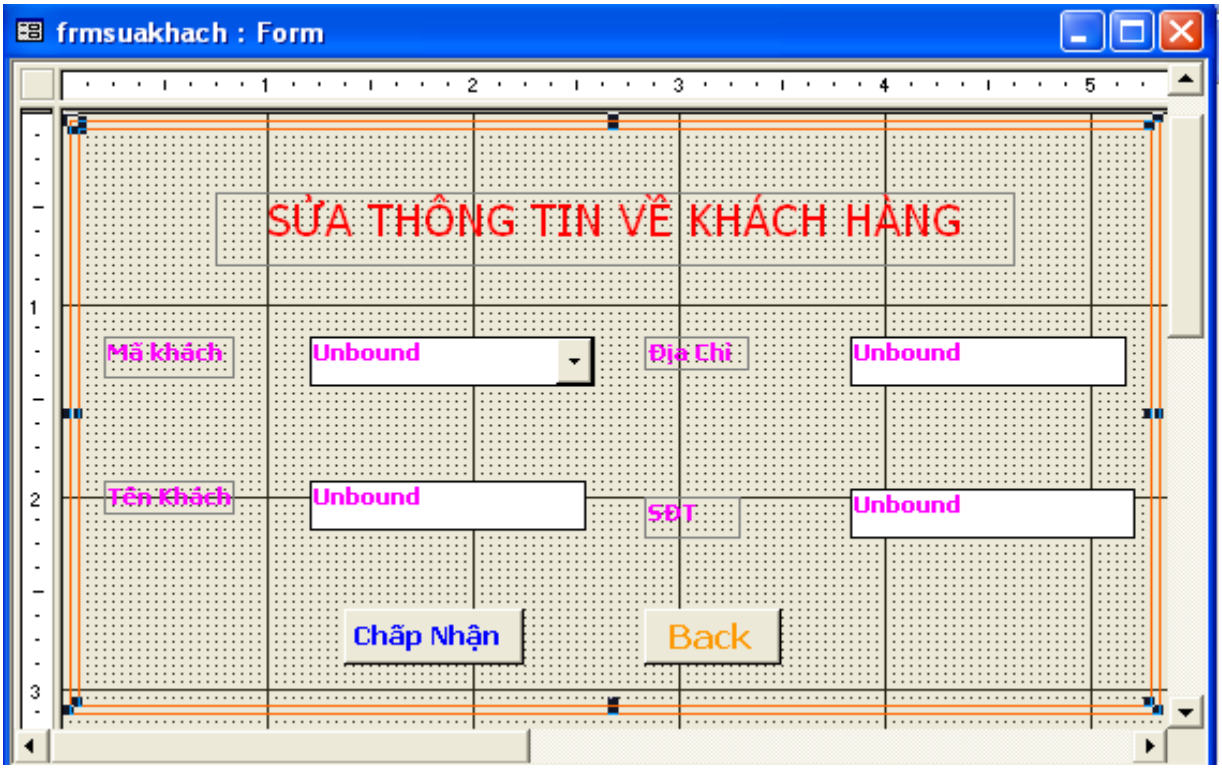


Form sửa thông tin khách hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về sửa thông tin khách hàng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về sửa thông tin ngời dùng

– Các Textbox dùng để nhập tên hàng, mã khách, tên khách, địa chỉ, số điện thoại

– Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện sửa thông tin khách hàng

**Nút cbomakhách**

```
Private Sub cbomakhach_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
	Dim rs As Recordset
	Dim db As Database
	Set db = CurrentDb()
	Set rs = db.OpenRecordset("select * from khach where makhach = '" &
cbomakhach & "'")
	txttenkhach = rs.Fields("tenkhach")
	txtdiachi = rs.Fields("diachi")
	txtsdt = rs.Fields("sdt")
	rs.Close
	End Sub
```

**Nút Chấp nhận**

```
Private Sub cmdchap_Click()
	Dim rs As Recordset
	Dim db As Database
	If IsNull(cbomakhach) Or IsNull(txttenkhach) Or IsNull(txtdiachi) Or
IsNull(txtsdt) Then
	MsgBox " ban chua nhap du lieu"
	Exit Sub
	End If
	Set db = CurrentDb()
	Set rs = db.OpenRecordset("select * from khach where makhach = '" &
cbomakhach & "'")
	If rs.RecordCount > 0 Then
	rs.MoveFirst
	rs.Edit
	rs.Fields("tenkhach") = txttenkhach
	rs.Fields("diachi") = txtdiachi
	rs.Fields("sdt") = txtsdt
	rs.Update
	rs.Close
	db.Close
	cbomakhach = ""
	txttenkhach = ""
	txtdiachi = ""
	txtsdt = ""
	MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
	End If
	End Sub
```

**Màn hình Form xoá khách**

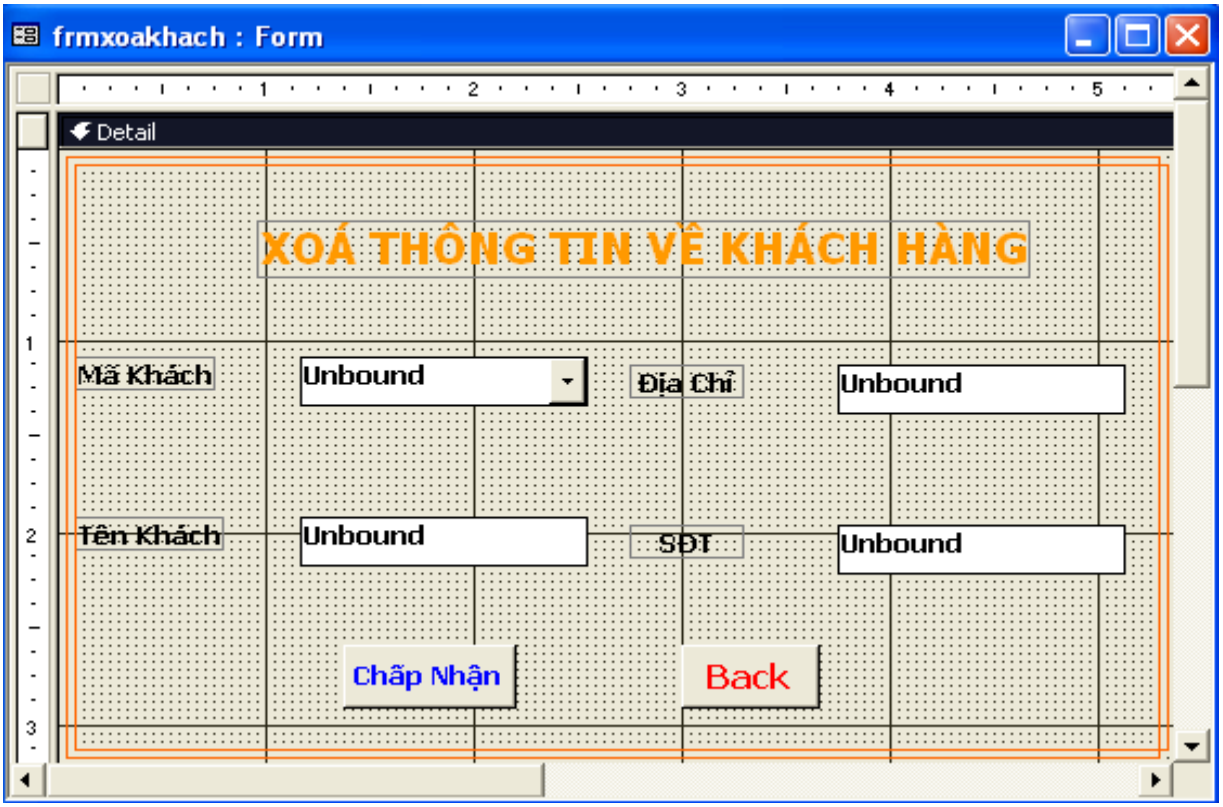


Form xoá thông tin khách hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về xoá thông tin khách hàng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về xoá thông tin ngời dùng

– Các Textbox dùng để nhập tên hàng, mã khách, tên khách, địa chỉ, số điện thoại

– Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện xoá thông tin khách hàng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbomakhach**

```
Private Sub cbomakhach_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from khach where makhach = '" &
cbomakhach & "'")
txttenkhach = rs!tenkhach
txtdiachi = rs!diachi
txtsdt = rs!sdt
rs.Close
End Sub
```

**Nút Chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("khach")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from khach where makhach = '" &
cbomakhach & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical +
 vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
rs.Close
cbomakhach = ""
txttenkhach = ""
txtdiachi = ""
txtsdt = ""
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình Form quản lý Hoá Đơn Nhập**

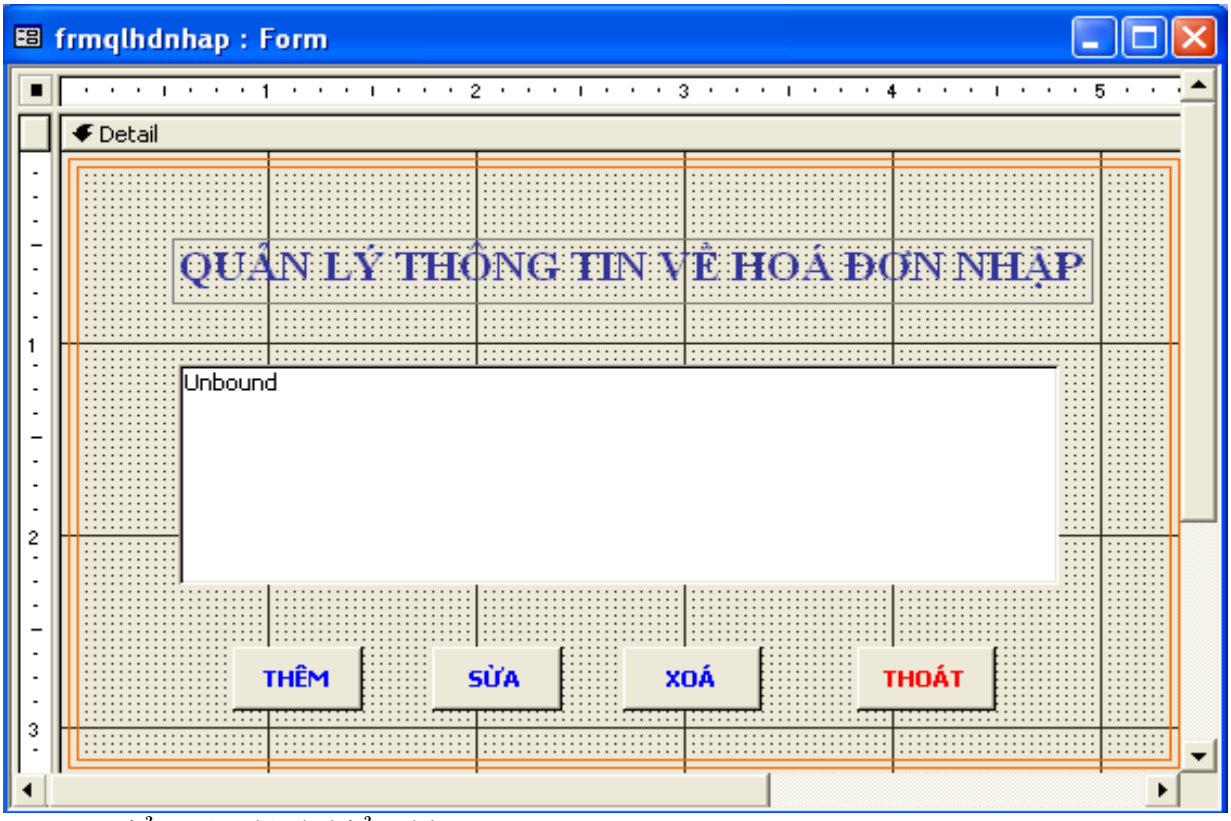


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemhd"<br>End Sub | **Nút xoá**<br>Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmxoahd"<br>End Sub |
| **Nút sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmsuahd"<br>End Sub | **Nút thoát**<br>Private Sub Ccmdthoat_Click()<br>tb = MsgBox("ban co muon thoat ra ko ",<br>vbYesNo + vbCritical)<br>If tb = vbYes Then<br>DoCmd.Close<br>End If<br>End Sub |

**Màn hình Form thêm hoá đơn nhập**

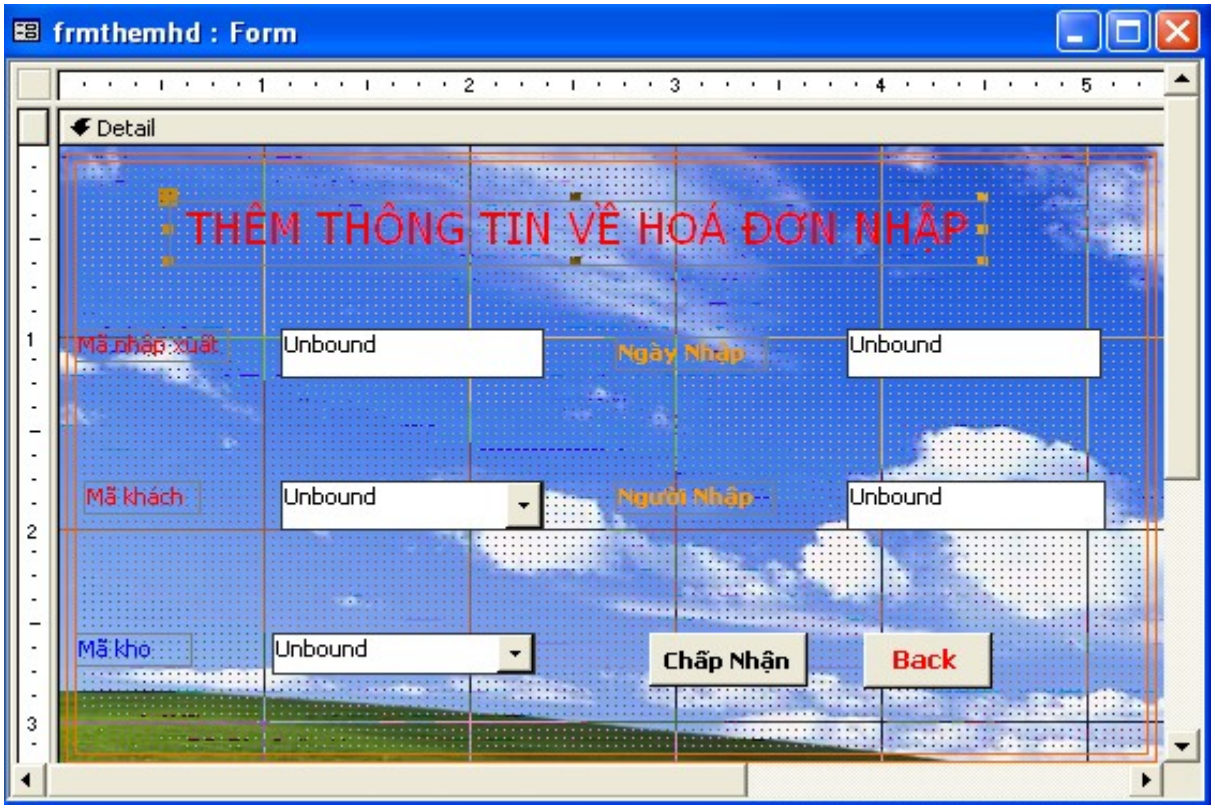


Form thêm thông tin hoá đơn nhập đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về thêm thông tin hoá đơn nhập

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về thêm thông tin hoá đơn nhập

– Các Textbox dùng để nhập mã nhập xuất, ngày nhập. ngời nhập

– Cobobox hiển thị thông tin về mã khách, mã kho

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thêm thông tin về hoá đơn nhập

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb()
If IsNull(txtmanx) Or IsNull(cbomakhach) Or IsNull(cbomakho) Or IsNull(txtngaynhap) Or IsNull(txtnguoinhap) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If
Set rs = db.OpenRecordset("hoadonnhap")
rs.AddNew
rs.Fields("manx") = txtmanx
rs.Fields("makhach") = cbomakhach
rs.Fields("makho") = cbomakho
rs.Fields("ngaynhap") = txtngaynhap
rs.Fields("nguoinhap") = txtnguoinhap
rs.Update
rs.Close
db.Close
txtmanx = ""
cbomakhach = ""
cbomakho = ""
txtngaynhap = ""
txtnguoinhap = ""
```

End Sub

**Nút thoát**

Private Sub CMDBACK_Click()

DoCmd.Close

End Sub

**Màn hình Form sửa hoá đơn nhập**

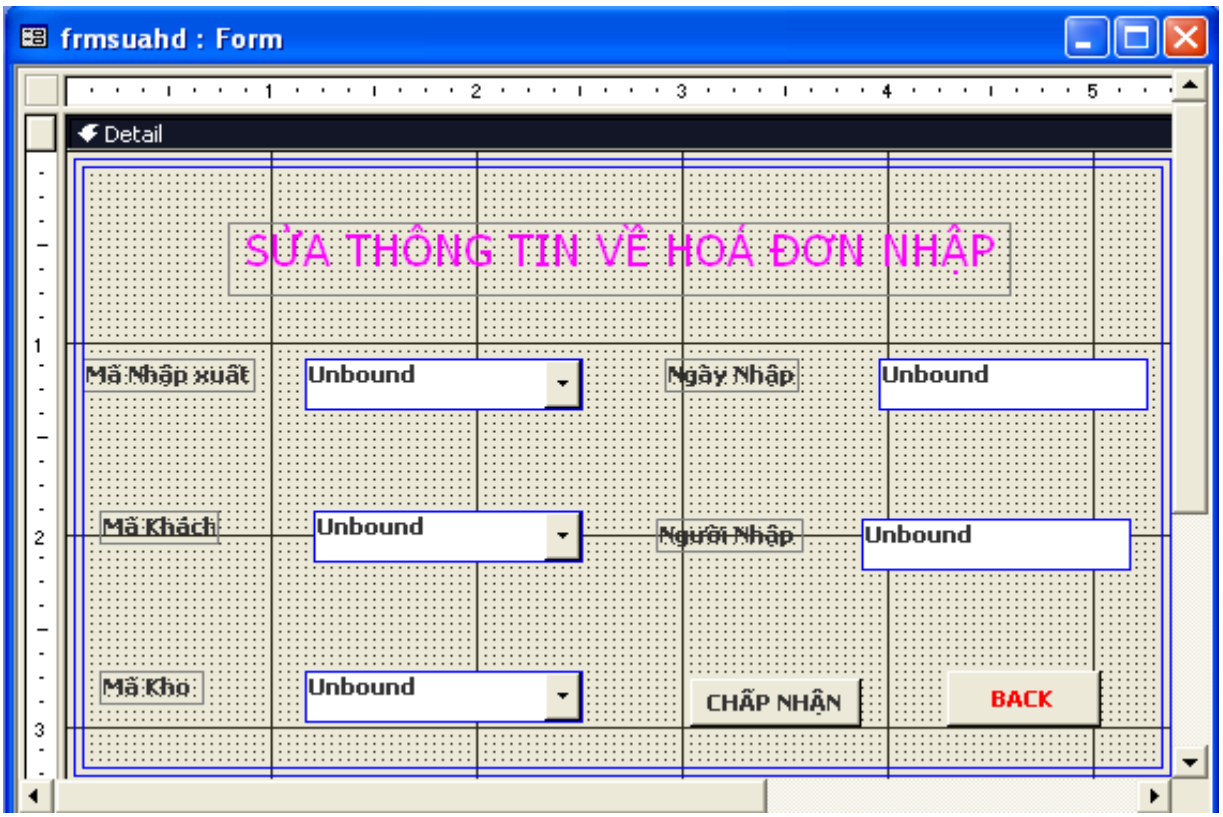


Form sửa thông tin hoá đơn nhập đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về sửa thông tin hoá đơn nhập

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về sửa thông tin hoá đơn nhập

– Các Textbox dùng để nhập ngày nhập. ngời nhập

– Cobobox hiển thị thông tin về mã khách, mã kho, mã nhập xuất

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện sửa thông tin về hoá đơn nhập

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(cbomanx) Or IsNull(txtngaynhap) Or IsNull(txtnguoinhap) Or IsNull(cbomakhach) Or IsNull(cbonguoinhap) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hoadonnhap where manx = '" & cbomanx & "'")
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
rs.Edit
rs.Fields("ngaynhap") = txtngaynhap
rs.Fields("nguoinhap") = txtnguoinhap
rs.Fields("makhach") = cbomakhach
rs.Fields("makho") = cbomakho
rs.Update
rs.Close
```

```
db.Close
cbomanx = ""
txtngaynhap = ""
txtnguoinhap = ""
cbomakhach = ""
cbomakho = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

**Nút thoát**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình Form xoá thông tin Hoá Đơn Nhập**

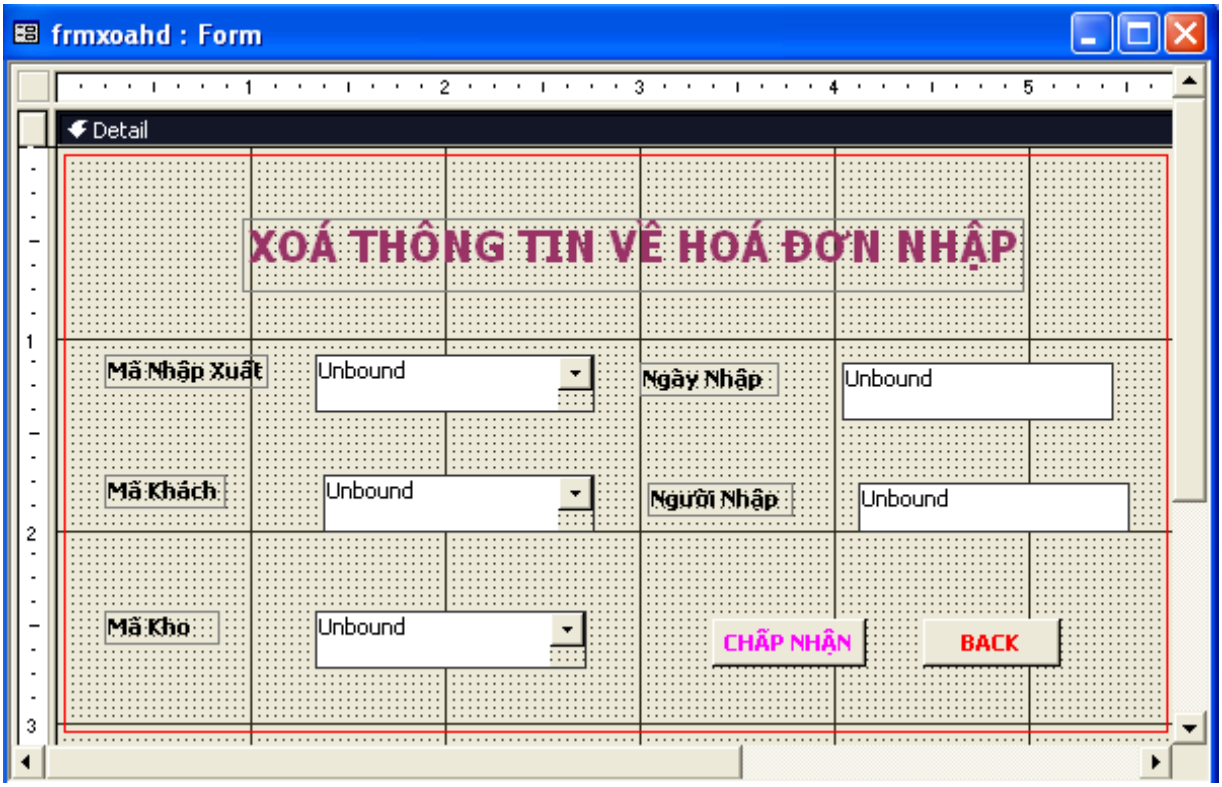


Form xoá thông tin hoá đơn nhập đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về xoá thông tin hoá đơn nhập

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về xoá thông tin hoá đơn nhập

– Các Textbox dùng để nhập ngày nhập. ngời nhập

– Cobobox hiển thị thông tin về mã khách, mã kho, mã nhập xuất

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện xoá thông tin về hoá đơn nhập

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("hoadonnhap")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hoadonnhap where manx = '" & cbomanx & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical + vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
rs.Close
cbomanx = ""
txtngaynhap = ""
txtnguoinhap = ""      cbomakho = ""
End Sub
```

➢ **Màn hình Form Hoá Đơn Xuất**

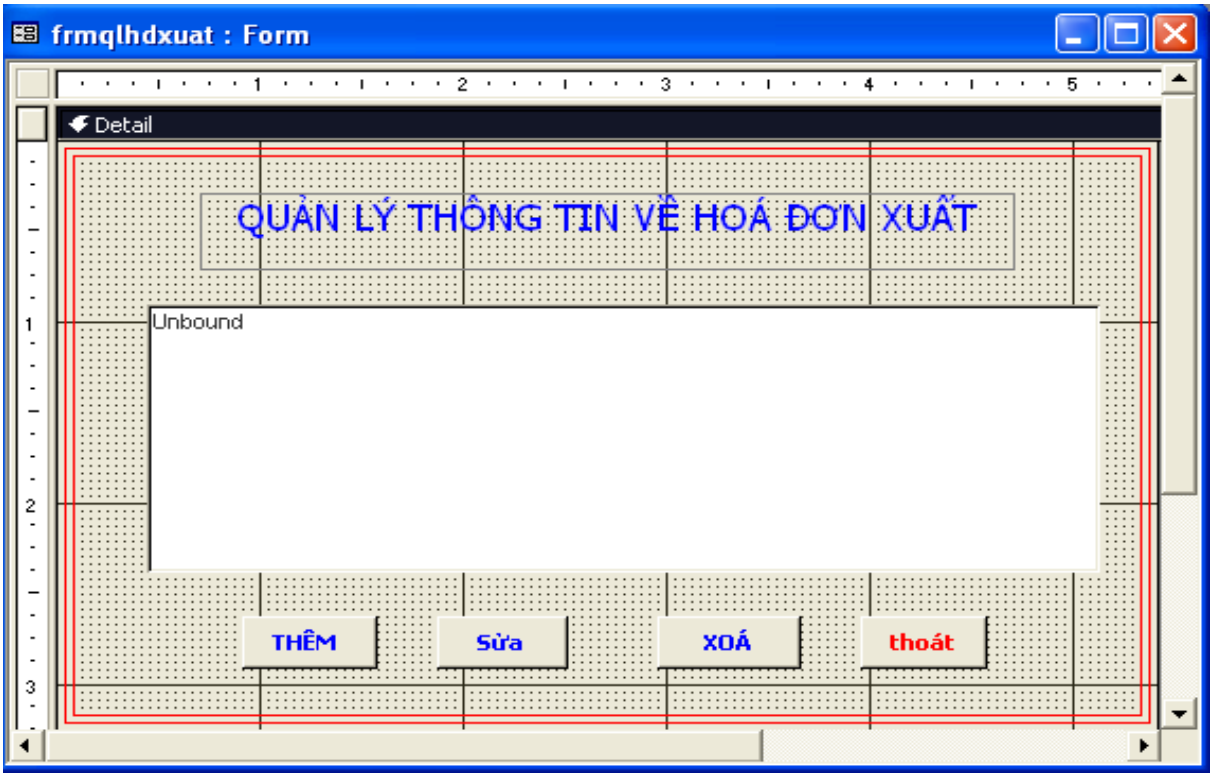


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemhdxuat"<br>End Sub | **Nút sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmsuahdxuat"<br>End Sub |
| **Nút Xoá**<br>Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmxoahdxuat"<br>End Sub | **Nút Thoát**<br>Private Sub cmdthoat_Click()<br>tb = MsgBox("ban co muon thoat ko ", vbYesNo + vbCritical)<br>If tb = vbYes Then<br>DoCmd.Close<br>End If<br>End Sub |

➢ **Màn hình Form thêm Hoá Đơn Xuất**

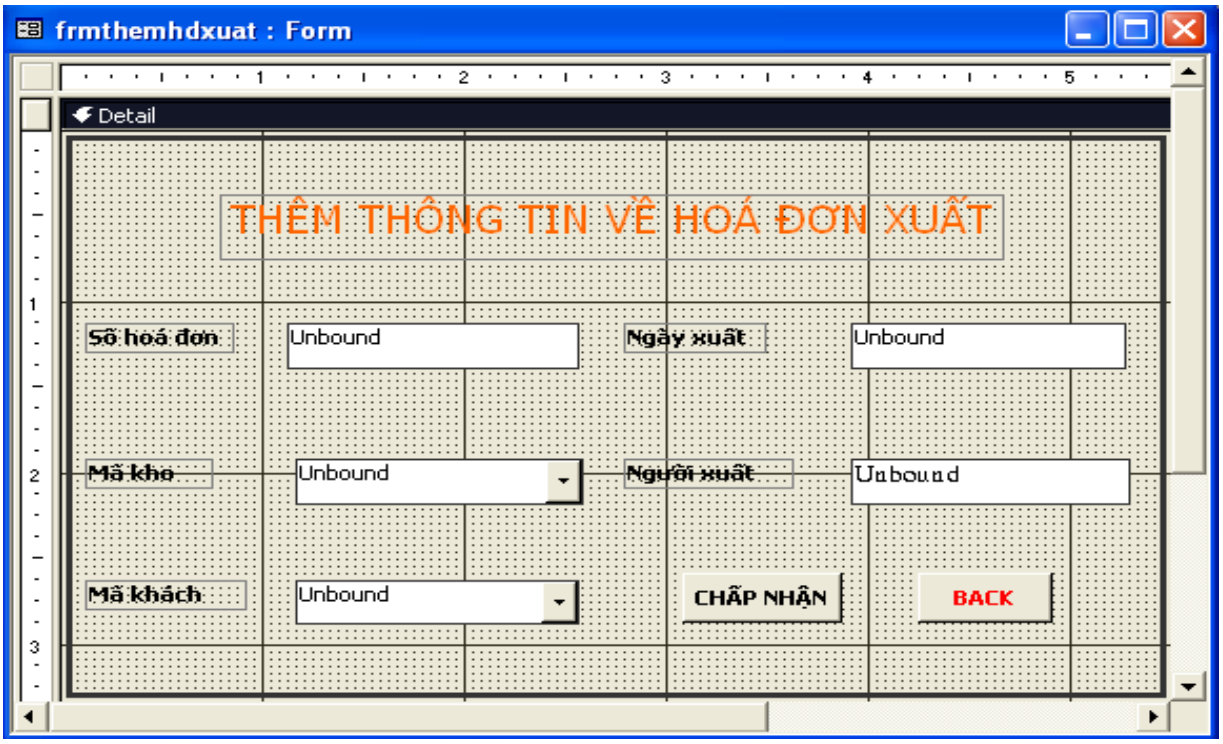


Form thêm thông tin hoá đơn xuất đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về thêm thông tin hoá đơn xuất

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về thêm thông tin hoá đơn xuất

– Các Textbox dùng để nhập mã hoá đơn, ngày xuất. ngời xuất

– Cobobox hiển thị thông tin về mã khách, mã kho

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thêm thông tin về hoá đơn xuất

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb()
If IsNull(txtsohd) Or IsNull(cbomakhach) Or IsNull(cbomakho) Or Not
IsDate(txtngayxuat) Or IsNull(txtnguoixuat) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If
Set rs = db.OpenRecordset("hoadonxuat")
rs.AddNew
rs.Fields("sohd") = txtsohd
rs.Fields("makhach") = cbomakhach
rs.Fields("makho") = cbomakho
rs.Fields("ngayxuat") = txtngayxuat
rs.Fields("nguoixuat") = txtnguoixuat
rs.Update
rs.Close
db.Close
txtsohd = ""
cbomakhach = ""
cbomakho = ""
txtngayxuat = ""
txtnguoixuat = ""

End Sub
```

**Nút thoát**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình Form sửa thông tin Hoá Đơn Xuất**

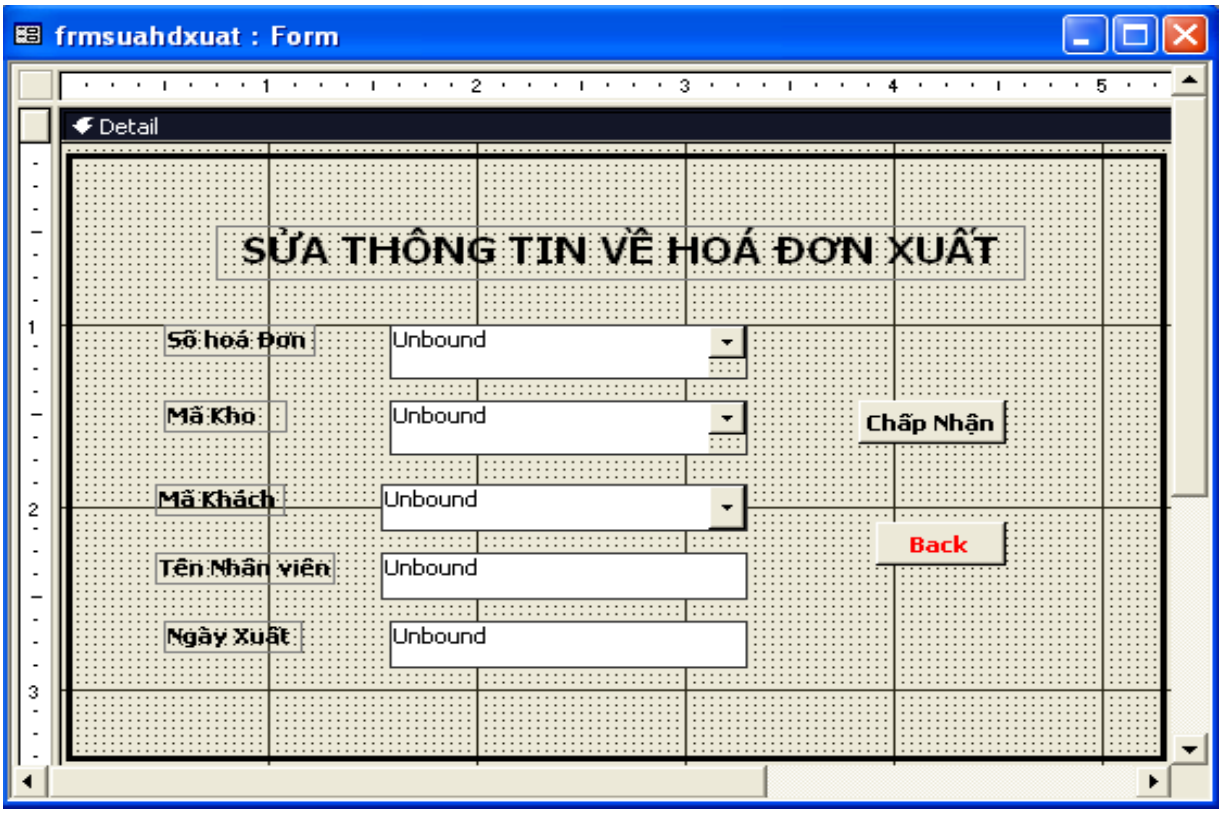


Form sửa thông tin hoá đơn xuất đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị về sửa thông tin hoá đơn xuất

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về sửa thông tin hoá đơn xuất

– Các Textbox dùng để nhập ngày xuất. ngời xuất

– Cobobox hiển thị thông tin về mã khách, mã kho, mã hoá đơn

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện sửa thông tin về hoá đơn xuất

+ Nút “Back” : Thoát khỏi module này.

**Nút cbo Số Hoá Đơn**

```
Private Sub Cbosohd_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
      Set rs = db.OpenRecordset("select * from hoadonxuat where sohd = '"
& Cbosohd & "'")
txtngayxuat = rs.Fields("ngayxuat")
txtnguoixuat = rs.Fields("nguoixuat")
cbomakhach = rs.Fields("makhach")
cbomakho = rs.Fields("makho")
rs.Close
End Sub
```

**Nút Chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(cbomanx) Or IsNull(txtngaynhap) Or IsNull(txtnguoinhap) Or
IsNull(cbomakhach) Or IsNull(cbonguoinhap) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hoadonxuat where sohd = '" &
Cbosohd & "')
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
rs.Edit
rs.Fields("ngayxuat") = txtngayxuat
rs.Fields("nguoixuat") = txtnguoixuat
rs.Fields("makhach") = cbomakhach
rs.Fields("makho") = cbomakho
rs.Update
rs.Close
db.Close
Cbosohd = ""
txtngayxuat = ""
txtnguoixuat = ""
cbomakhach = ""
```

```
cbomakho = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

**Nút Thoát**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

➢ **Màn hình Form Sửa Hoá Đơn Xuất**

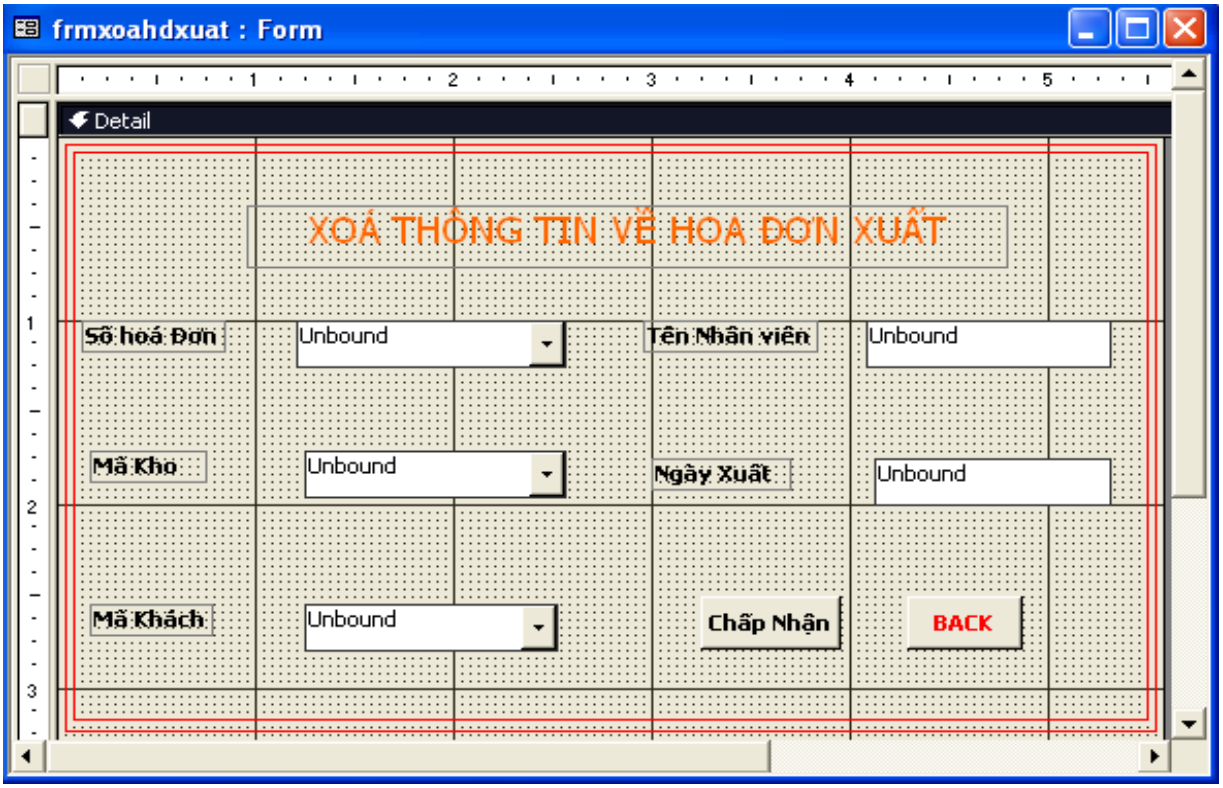


Form xoá thông tin hoá đơn xuất đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về xoá thông tin hoá đơn xuất

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về xoá thông tin hoá đơn xuất

– Các Textbox dùng để nhập ngày xuất. ngời xuất

– Cobobox hiển thị thông tin về mã khách, mã kho, mã hoá đơn

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện xoá thông tin về hoá đơn xuất

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbo số hoá đơn**

```
Private Sub Cbosohd_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hoadonxuat where sohd = '" &
Cbosohd & "'")
txtngayxuat = rs!ngayxuat
txtnguoixuat = rs!NGUOIXUAT
cbomakhach = rs!MAKHACH
cbomakho = rs!MAKHO
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("hoadonxuat")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hoadonxuat where sohd = '" &
Cbosohd & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical +
vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
rs.Close
Cbosohd = ""
```

```
txtngayxuat = ""
txtnguoixuat = ""
cbomakhach = ""
cbomakho = ""
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Màn hình Form quản lý  thông tin hàng**

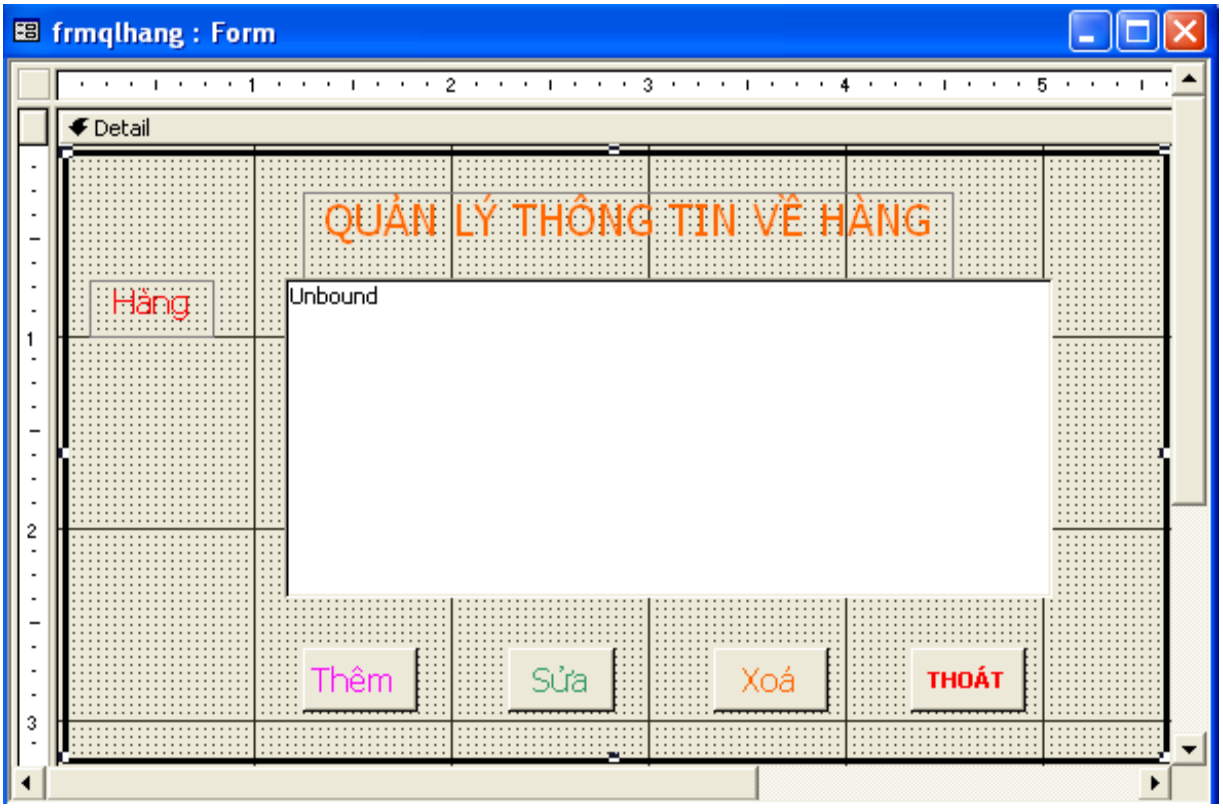


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemhang"<br>End Sub | **Nút sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmsuahang"<br>End Sub |
| **Nút xoá**<br>Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmxoahang"<br>End Sub | **Nút thoát**<br>Private Sub cmdthoat_Click()<br>tb = MsgBox("ban co muon thoat ra ko ", vbYesNo + vbCritical)<br>If tb = vbYes Then<br>DoCmd.Close<br>End If<br>End Sub |

**Màn hình Form thêm hàng**

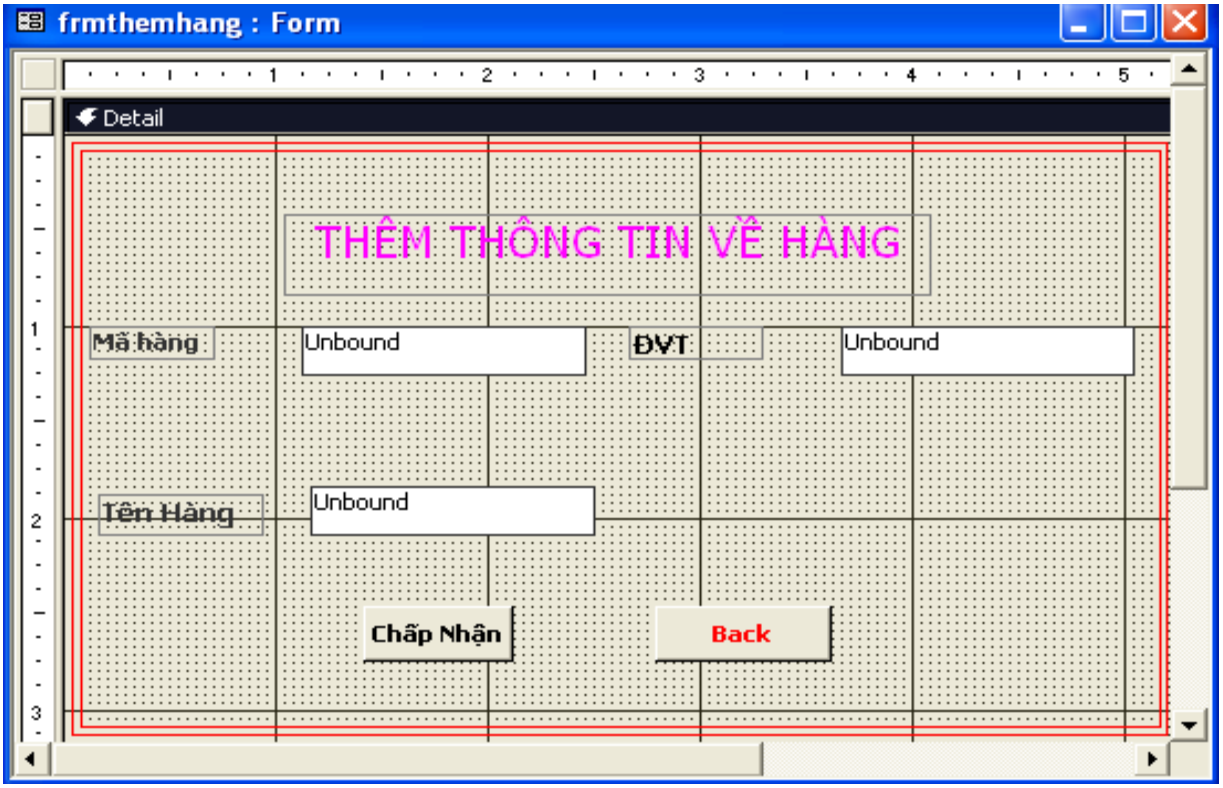


form thêm hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về thêm hàng

- Mô tả chi tiết:

  - Một Form hiển thị thông tin về thêm hàng
  - Các Textbox dùng để nhập mã hàng, tên hàng, đơn vị tính
  - Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện thông tin hàng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb()
If IsNull(txtmahang) Or IsNull(txttenhang) Or IsNull(txtdvt) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If
Set rs = db.OpenRecordset("hang")
rs.AddNew
rs.Fields("mahang") = txtmahang
rs.Fields("tenhang") = txttenhang
rs.Fields("dvt") = txtdvt
rs.Update
rs.Close
txtmahang = ""
txttenhang = ""
txtdvt = ""
End Sub
```

**Nút Back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()

DoCmd.Close

End Sub
```

**Màn hình Form sửa hàng**

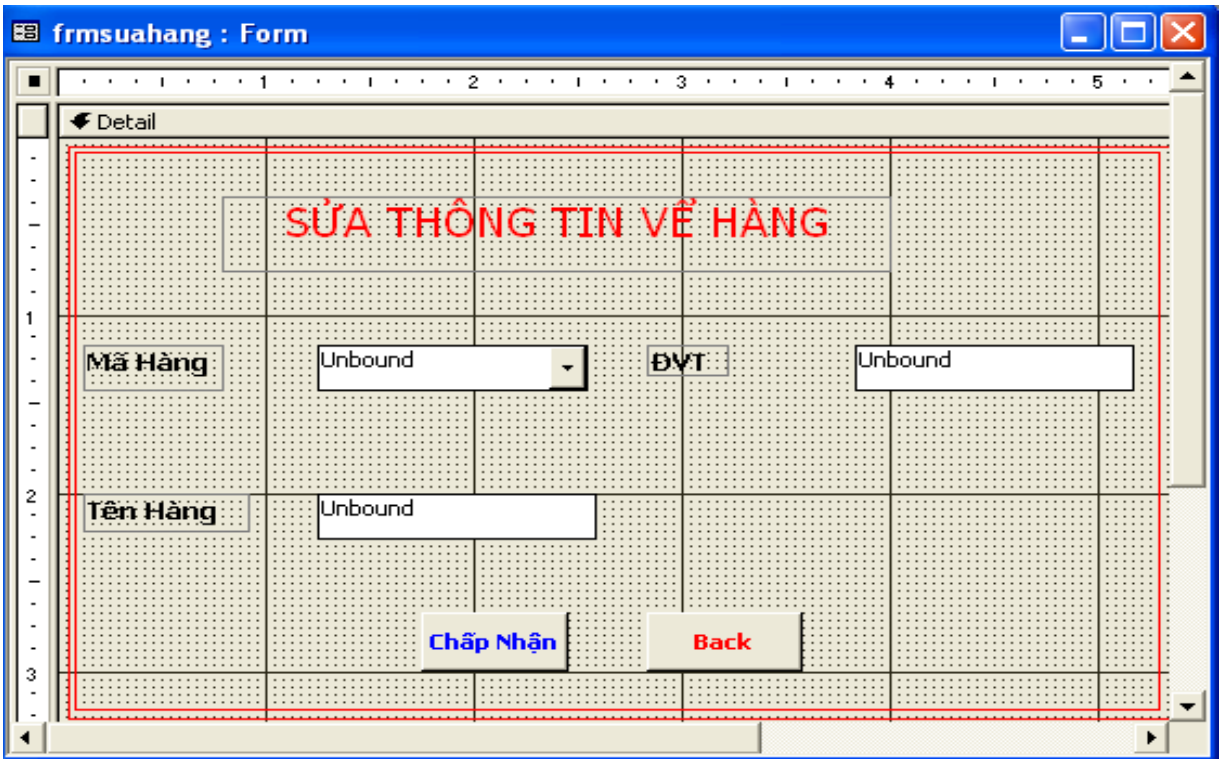


Form sửa thông tin hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về sửa thông tin hàng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về sửa thông tin hàng

– Các Textbox dùng để nhập tên hàng, mã hàng, đơn vị tính

– Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện sửa thông tin hàng

+ Nút “Back” : Thoát khỏi module này.

**Nút cbomahang**

```
Private Sub cbomahang_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hang where mahang = '" &
cbomahang & "'")
txttenhang = rs.Fields("tenhang")
txtdvt = rs.Fields("dvt")
rs.Close
End Sub
```

**Nút thoát**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(cbomahang) Or IsNull(txttenhang) Or IsNull(txtdvt) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hang where mahang = '" &
cbomahang & "'")
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
rs.Edit
rs.Fields("tenhang") = txttenhang
rs.Fields("dvt") = txtdvt
rs.Update
rs.Close
db.Close
cbomahang = ""
txttenhang = ""
txtdvt = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

**Màn hình Form xoá thông tin về hàng**

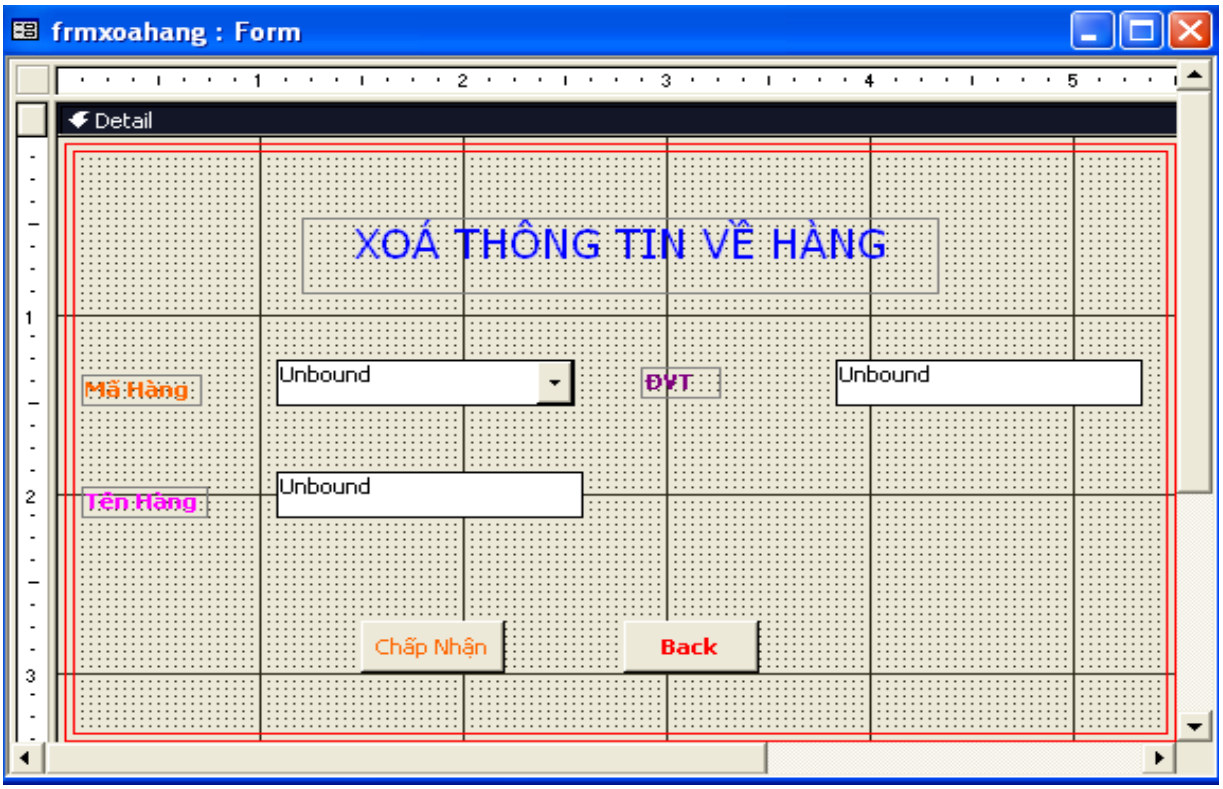


Form xoá thông tin hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc hiển thị thông tin về xoá thông tin hàng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị thông tin về xoá thông tin hàng

– Các Textbox dùng để hiển thị tên hàng, mã hàng, đơn vị tính

– Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Chấp nhận": Dùng để chấp nhận thực hiện xoá thông tin hàng

+ Nút "Back" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbomahang**

```
Private Sub cbomahang_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hang where mahang = '" & cbomahang & "'")
txttenhang = rs!tenhang
txtdvt = rs!dvt
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("hang")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hang where mahang = '" & cbomahang & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical + vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
```

```
rs.Close
cbomahang = ""
txttenhang = ""
txtdvt = ""
End Sub
```

**Nút back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

➢ **Màn hình Form quản lý hàng nhập**

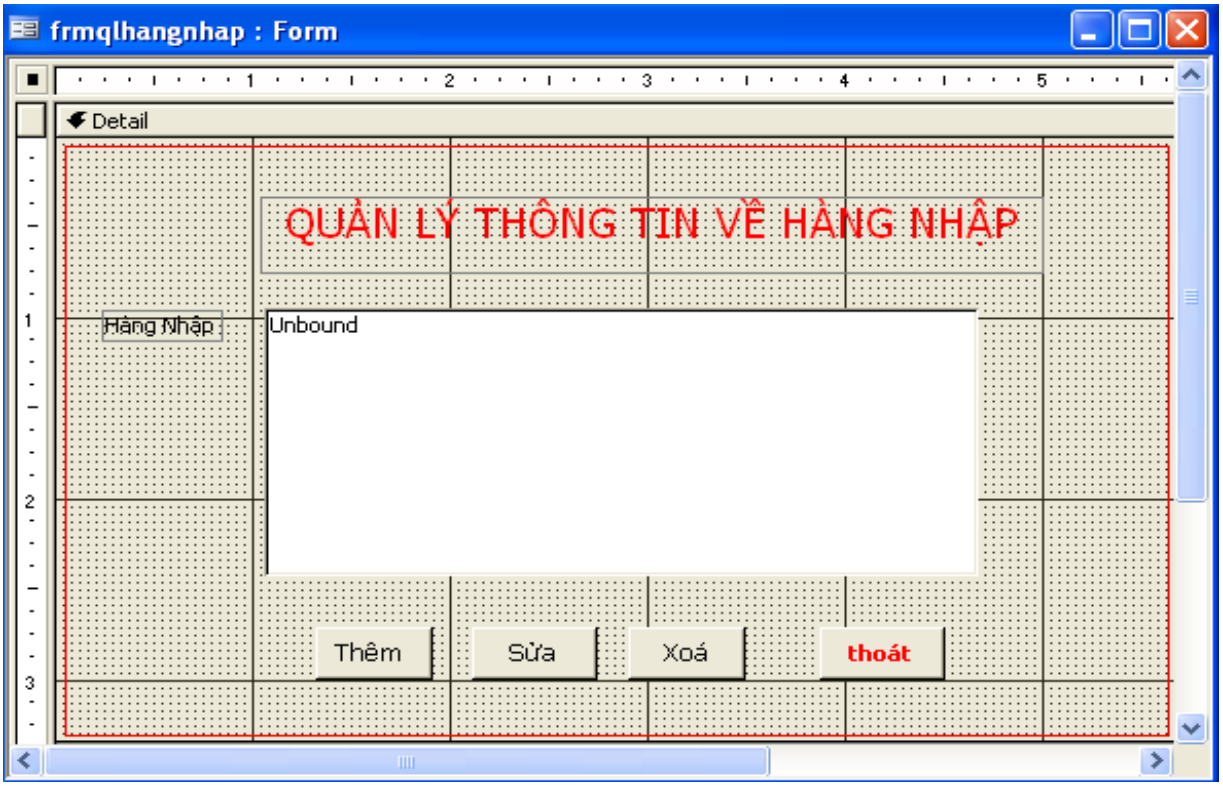


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmsuahangnhap"<br>End Sub | **Nút thêm**<br>Private Sub CMDTHEM_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemhangnhap"<br>End Sub |
| **Nút thoát**<br>Private Sub cmdthoat_Click()<br>tb = MsgBox("ban co muon thoat ra ko ", vbYesNo + vbCritical)<br>If tb = vbYes Then<br>DoCmd.Close<br>End If<br>End Sub | **Nút xoá**<br>Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmxoahangnhap"<br>End Sub |

➢ **Màn hình Form thêm hàng nhập**

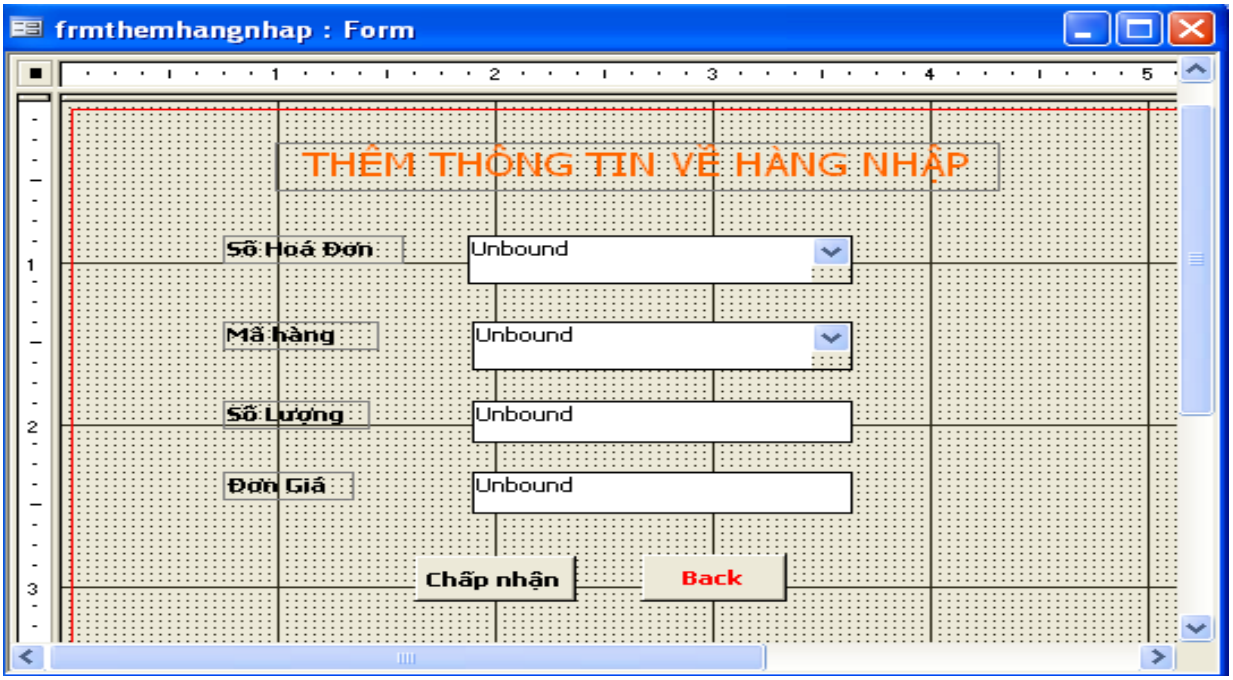


**Nút back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb()
If IsNull(Cbosohd) Or IsNull(cbomahang) Or IsNull(txtsoluong) Or IsNull(Txtdongia) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If
Set rs = db.OpenRecordset("hangnhap")
rs.AddNew
rs.Fields("sohd") = Cbosohd
rs.Fields("mahang") = cbomahang
rs.Fields("soluong") = txtsoluong
rs.Fields("dvt") = Txtdongia
rs.Update
rs.Close
db.Close
Cbosohd = ""
cbomahang = ""
txtsoluong = ""
Txtdongia = ""
End Sub
```

- **Màn hình Form sửa hàng nhập**

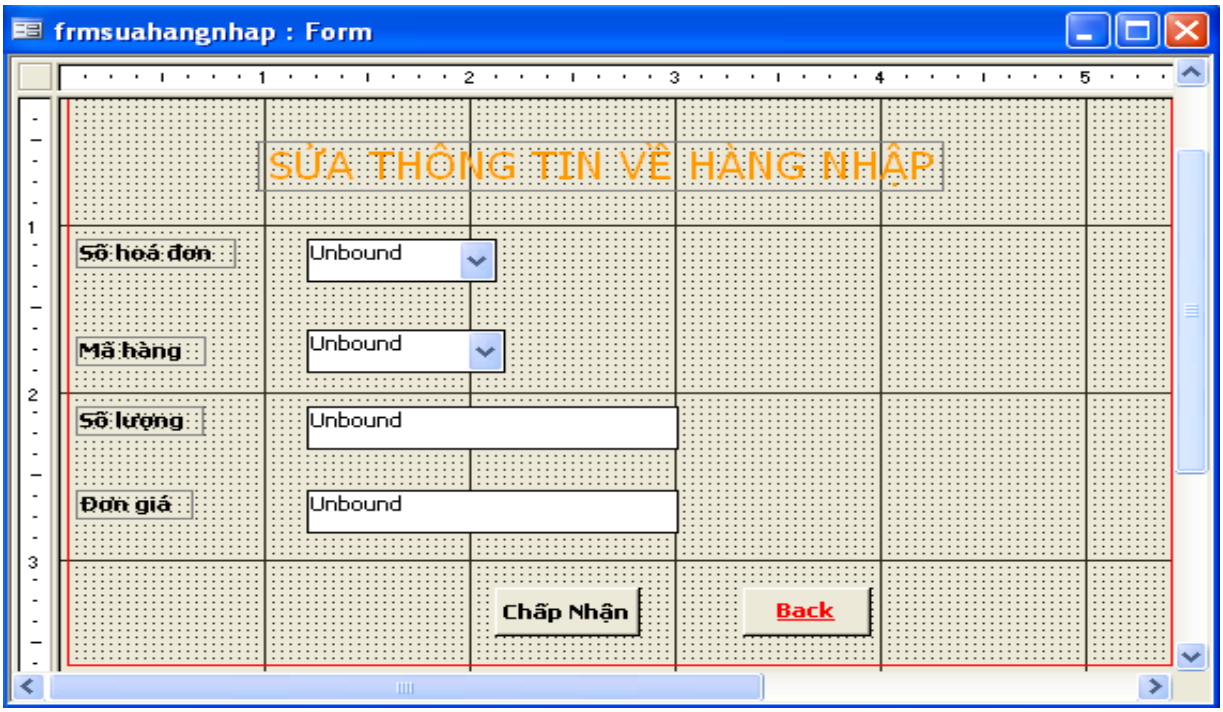


**Nút cbo số hoá đơn**

```
Private Sub Cbosohd_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangnhap where sohd = '" & Cbosohd & "'")
Txtdongia = rs.Fields("dvt")
txtsoluong = rs.Fields("soluong")
cbomahang = rs.Fields("mahang")
rs.Close
End Sub
```

**Private Sub CMDBACK_Click**()

```
DoCmd.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(Cbosohd) Or IsNull(Txtdongia) Or IsNull(txtsoluong) Or
IsNull(cbomahang) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangnhap where sohd = '" &
Cbosohd & "'")
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
rs.Edit
rs.Fields("dvt") = Txtdongia
rs.Fields("soluong") = txtsoluong
rs.Fields("mahang") = cbomahang
rs.Update
rs.Close
db.Close
Cbosohd = ""
Txtdongia = ""
txtsoluong = ""
cbomahang = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

- **Màn hình Form xoá hàng nhập**

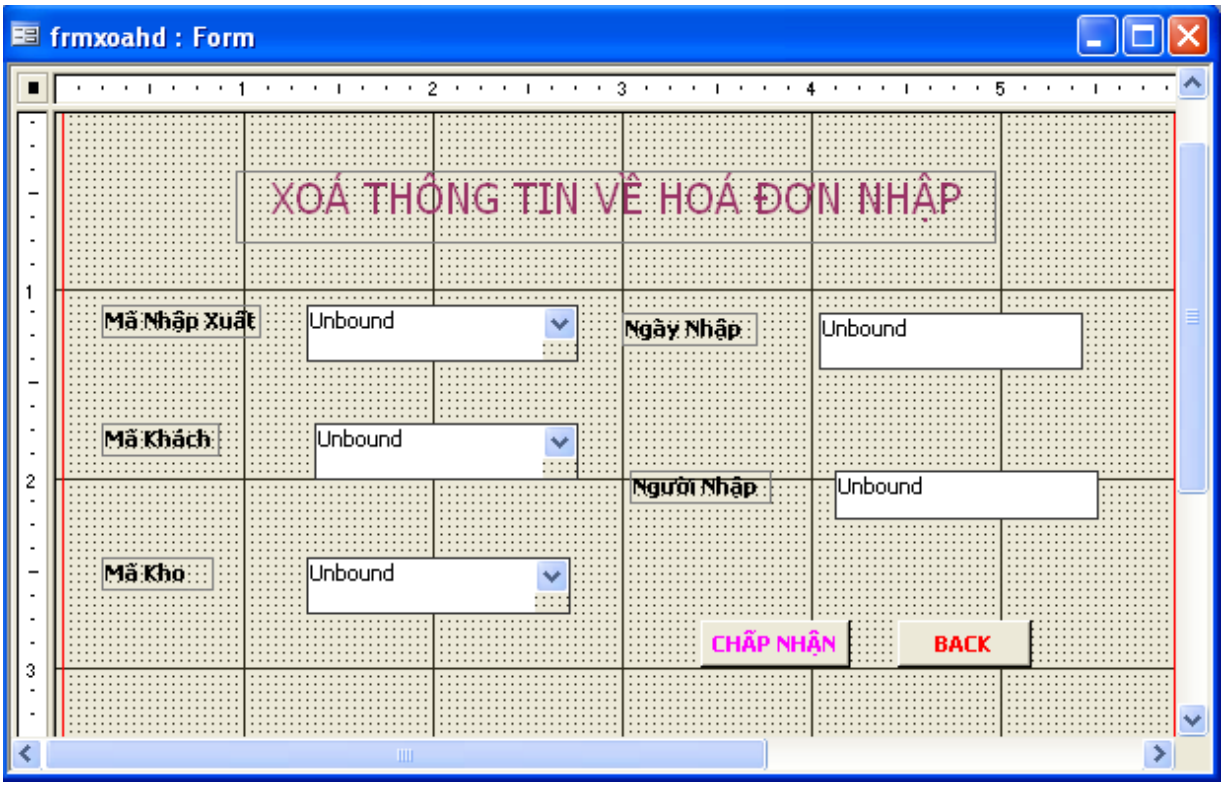


**Nút cbo sốhoá đơn**

```
Private Sub Cbosohd_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangnhap where sohd = '" & Cbosohd & "'")
Txtdongia = rs!dvt
txtsoluong = rs!soluong
cbomahang = rs!MAHANG
End Sub
```

**Private Sub CMDBACK_Click()**

```
DoCmd.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("hangnhap")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangnhap where sohd = '" & Cbosohd & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical + vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
rs.Close
Cbosohd = ""
Txtdongia = ""
txtsoluong = ""
cbomahang = ""
End Sub
```

**Màn hình Form quản lý thông tin hàng xuất**

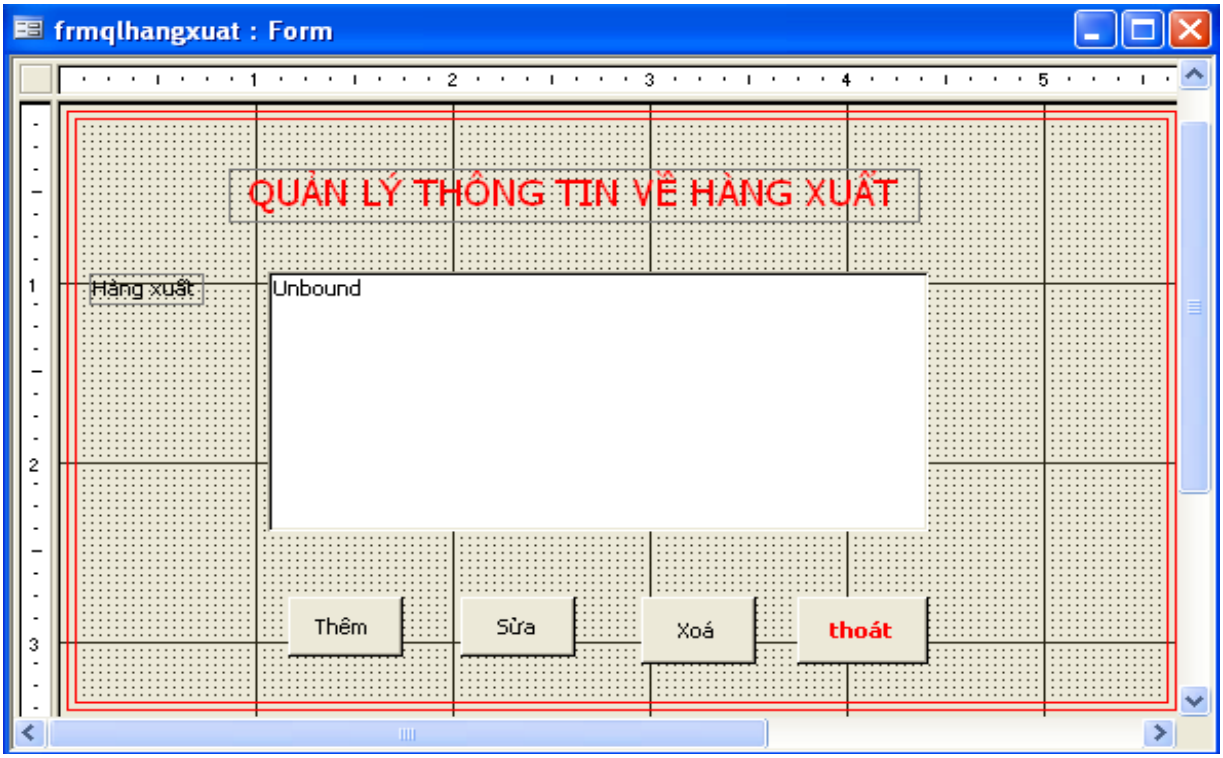


- Kiểu màn hình hiển thị

-Diễn giải: Form này sử dụng bốn đối tợng( command) có chức năng gọi đến Forn tơng ứng đợc viết bằng sự kiện on click sau:

| | |
|---|---|
| **Nút sửa**<br>Private Sub cmdsua_Click()<br>DoCmd.OpenForm<br>"frmsuahangxuat"<br>End Sub | **Nút xoá**<br>Private Sub cmdxoa_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmxoahangxuat"<br>End Sub |
| **Nút thoát**<br>Private Sub cmdthoat_Click()<br>Docmd.close<br>End sub | **Nút Thêm**<br>Private Sub cmdthem_Click()<br>DoCmd.OpenForm "frmthemhangxuat"<br>End Sub |

➢ **Màn hình Form thêm hàng xuất**

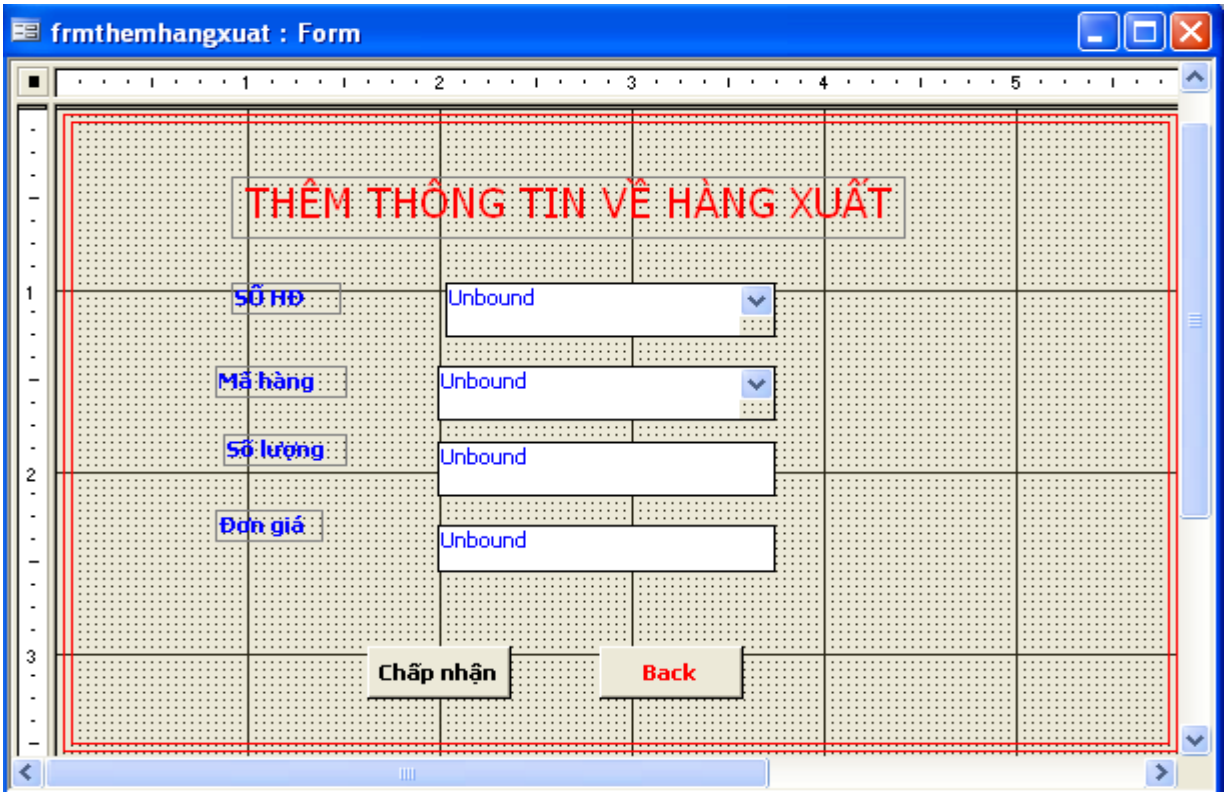


**Nút back**

```
Private Sub CMDBACK_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim db As Database
Dim rs As Recordset
Set db = CurrentDb()
If IsNull(txtsohd) Or IsNull(cbomahang) Or IsNull(txtsoluong) Or IsNull(Txtdongia) Then
MsgBox "ban chua nhan du lieu"
Exit Sub
End If
```

```
Set rs = db.OpenRecordset("hangxuat")
rs.AddNew
rs.Fields("sohd") = Cbosohd
rs.Fields("mahang") = cbomahang
rs.Fields("soluong") = txtsoluong
rs.Fields("Dongia") = Txtdongia
rs.Update
rs.Close
db.Close
Cbosohd = ""
cbomahang = ""
txtsoluong = ""
Txtdongia = ""
End Sub
```

➢ **Màn hình Form sửa hàng xuất**

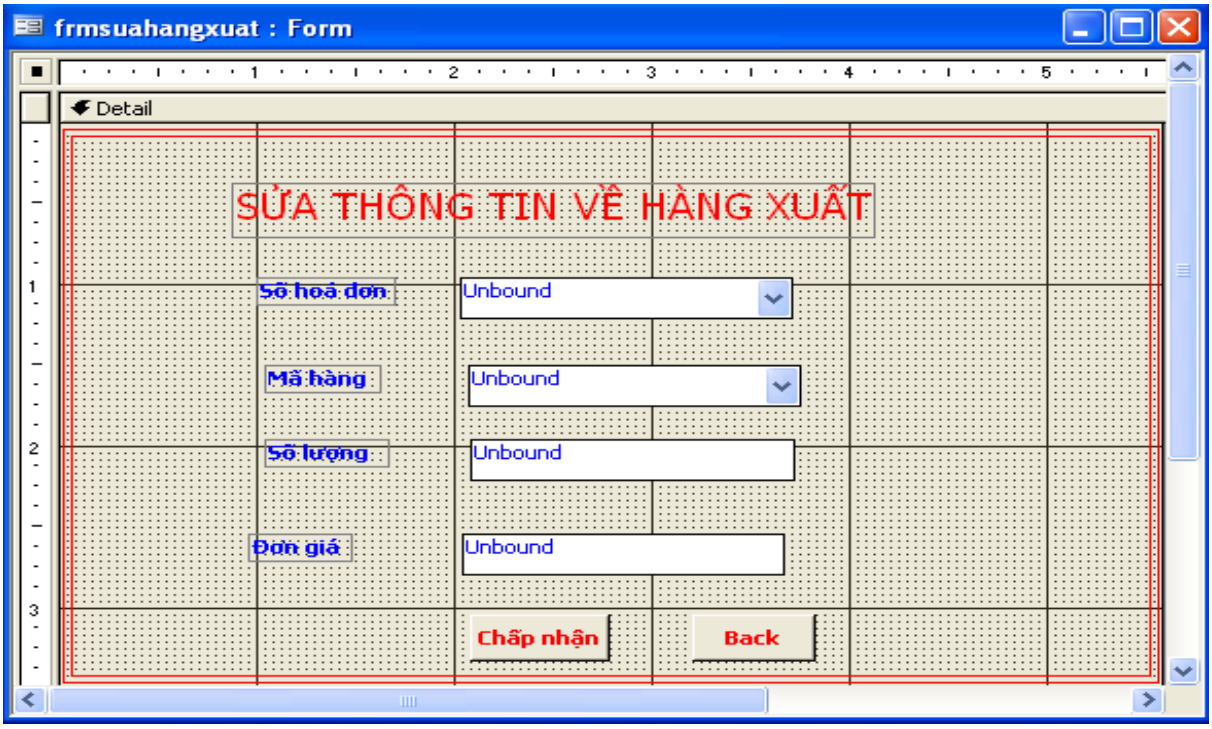


**<u>Nút cbo số hoá đơn</u>**

```
Private Sub Cbosohd_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangxuat where sohd = '" & Cbosohd & "'")
Txtdongia = rs.Fields("dongia")
txtsoluong = rs.Fields("soluong")
cbomahang = rs.Fields("mahang")
rs.Close
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
If IsNull(Cbosohd) Or IsNull(Txtdongia) Or IsNull(txtsoluong) Or IsNull(cbomahang) Then
MsgBox " ban chua nhap du lieu"
Exit Sub
End If
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangxuat where sohd = '" & Cbosohd & "'")
If rs.RecordCount > 0 Then
rs.MoveFirst
rs.Edit
rs.Fields("dongia") = Txtdongia
rs.Fields("soluong") = txtsoluong
```

```
rs.Fields("mahang") = cbomahang
rs.Update
rs.Close
db.Close
Cbosohd = ""
Txtdongia = ""
txtsoluong = ""
cbomahang = ""
MsgBox "ban ghi nay da duoc sua xong"
End If
End Sub
```

➢ **Màn hình Form xoá hàng xuất**

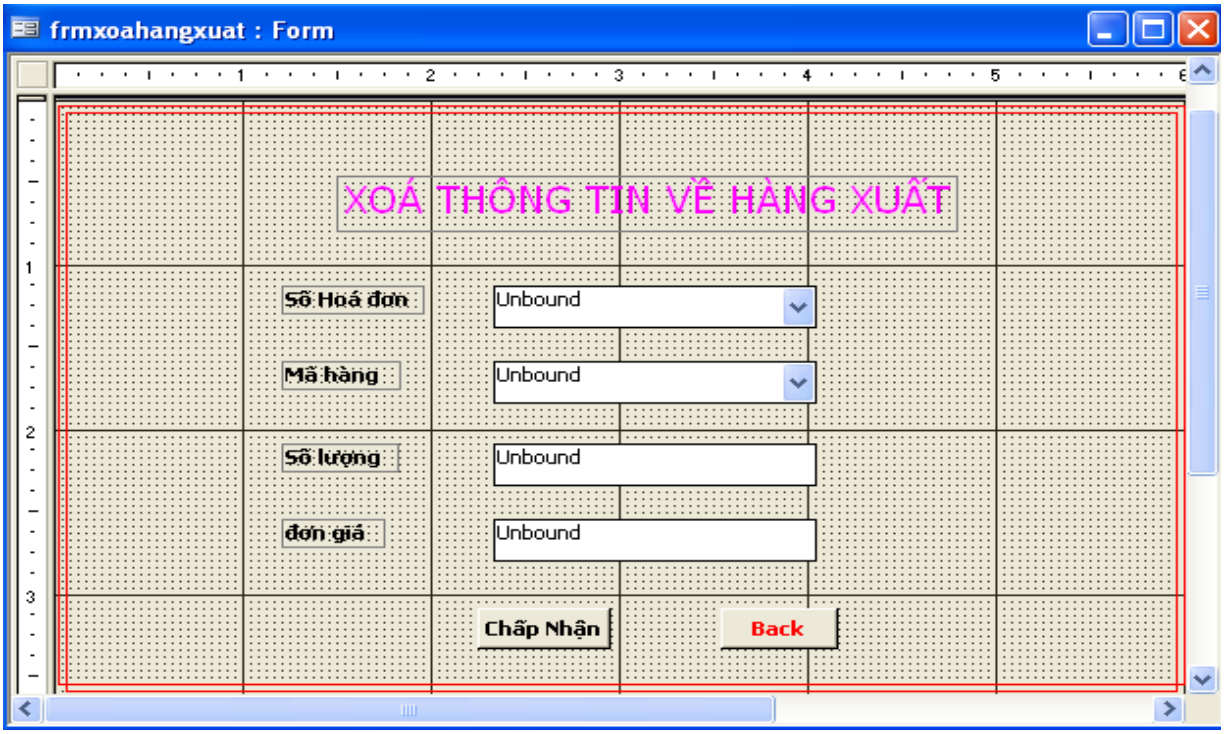


**<u>Nút cbo số hoá đơn</u>**

```
Private Sub Cbosohd_BeforeUpdate(Cancel As Integer)
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
```

```
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangxuat where sohd = '" & Cbosohd & "'")
Txtdongia = rs!dongia
txtsoluong = rs!soluong
cbomahang = rs!MAHANG
End Sub
```

**Nút chấp nhận**

```
Private Sub cmdchapnhan_Click()
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("hangxuat")
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hangxuat where sohd = '" & Cbosohd & "'")
thongbao = MsgBox(" ban co thuc suc muon xoa khong", vbCritical + vbYesNo)
If thongbao = vbYes Then
rs.Delete
rs.MoveNext
End If
rs.Close
Cbosohd = ""
Txtdongia = ""
txtsoluong = ""
cbomahang = ""
End Sub
```

- ***Màn hình Form báo cáo hoá đơn nhập***

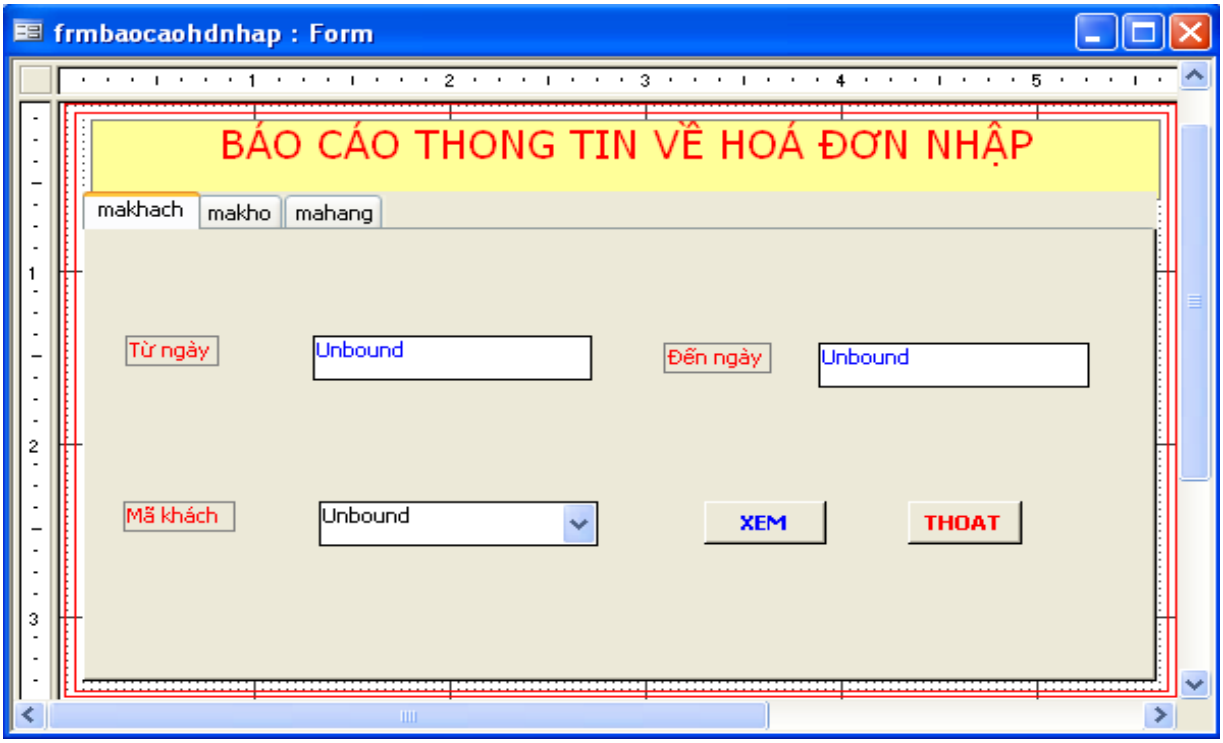


Form báo cáo hoá đơn nhập đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc báo cáo thông tin hoá đơn nhập

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị báo cáo hoá đơn nhập

- Các Textbox dùng để hiển thị từ ngày,đến ngày
- Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng, mã kho, mã khách
- Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Xem": Dùng để chấp nhận thực hiện báo cáo số hóa đơn nhập

+ Nút “Thoát” : Thoát khỏi module này.

**Nút thoát**

```
Private Sub cmdthoat_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

**Nút xem báo cáo khách**

```
Private Sub cmdxem_Click()
Dim qrt As QueryDef
Dim st As String
Set qrt = CurrentDb.QueryDefs("qrt_khach")
st = " SELECT KHACH.MAKHACH, KHACH.TENKHACH, KHACH.DIACHI,HOADONXUAT.NGUOIXUAT, HOADONXUAT.ngayxuat, HOADONXUAT.SOHD"
st = st & " FROM KHACH INNER JOIN HOADONXUAT ON KHACH.MAKHACH = HOADONXUAT.MAKHACH"
st = st & " WHERE (((KHACH.MAKHACH)='" & cbomakhach & "') AND ((HOADONXUAT.ngayxuat)>#"&txttungay&"#And (HOADONXUAT.ngayxuat)<#" & txtdenngay & "#))"
qrt.SQL = st
DoCmd.OpenReport "rpt_khach", acViewPreview
txttungay = ""
txtdenngay = ""
cbomakhach = ""
End Sub
```

**Nút Xem báo cáo kho hàng**

```
Private Sub Command25_Click()
Dim qrt As QueryDef
Dim st As String
Set qrt = CurrentDb.QueryDefs("qrt_kho")
```

```
st = " SELECT HOADONNHAP.MANX, HANGNHAP.MAHANG, HANGNHAP.SOLUONG, HANGNHAP.DVT, HANGNHAP.THANHTIEN, HOADONNHAP.MAKHACH, KHO.MAKHO, HOADONNHAP.NGUOINHAP, HOADONNHAP.NGAYNHAP"
st = st & " FROM KHO INNER JOIN (HOADONNHAP INNER JOIN HANGNHAP ON HOADONNHAP.MANX = HANGNHAP.SOHD) ON KHO.MAKHO = HOADONNHAP.MAKHO "
st = st & "  WHERE (((KHO.MAKHO)='" & cbomakho1 & "') AND ((HOADONNHAP.NGAYNHAP)>#" & txtt1 & "# And (HOADONNHAP.NGAYNHAP)<#" & txtn1 & "#))"
qrt.SQL = st
DoCmd.OpenReport "rpt_kho", acViewPreview
txtt1 = ""
txtn1 = ""
cbomakho1 = ""
End Sub
```

**Màn hình Form báo cáo hoá đơn xuất**

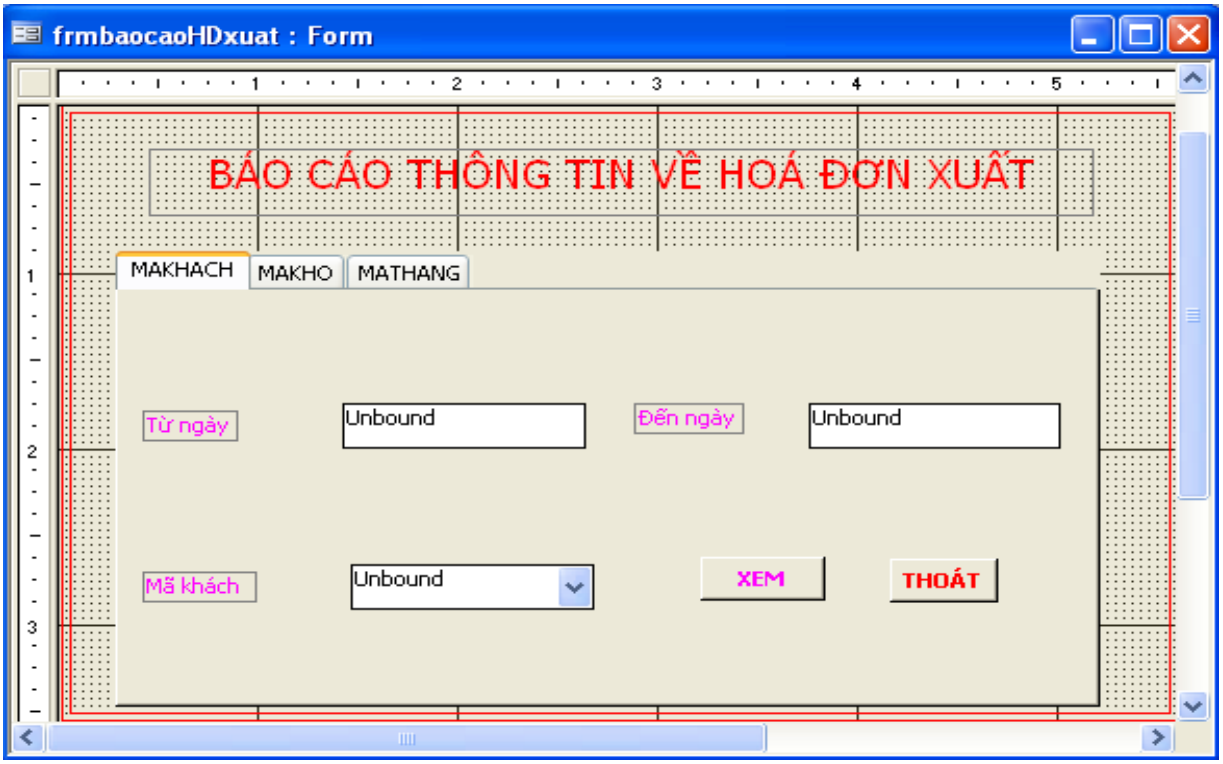


Form báo cáo hoá đơn xuất đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc báo cáo thông tin hoá đơn xuất

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị báo cáo hoá đơn xuất

– Các Textbox dùng để hiển thị từ ngày, đến ngày

– Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng, mã kho, mã khách

– Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Xem": Dùng để chấp nhận thực hiện báo cáo số hóa đơn xuất

```
Private Sub cmdin12_Click()
Dim qrt As QueryDef
Dim st As String
Set qrt = CurrentDb.QueryDefs("qrt_khoxuat")
st = "SELECT KHO.TENKHO, HOADONXUAT.NGUOIXUAT,
HOADONXUAT.ngayxuat, KHO.MAKHO, HOADONXUAT.SOHD "
st = st & "FROM KHO INNER JOIN (HOADONXUAT INNER JOIN
HANGXUAT ON HOADONXUAT.SOHD = HANGXUAT.SOHD) ON
KHO.MAKHO = HOADONXUAT.MAKHO"
st = st & "WHERE (((HOADONXUAT.ngayxuat)>#" & txtt2 & "# And
(HOADONXUAT.ngayxuat)<#" & txtd2 & "#) AND ((KHO.MAKHO)='"
& cbomakho1 & "'))"
qrt.SQL = st
DoCmd.OpenReport "rpt_khoxuat", acViewPreview
txtt2 = ""
txtd2 = ""
cbomakho1 = ""
End Sub

Private Sub cmdthoat_Click()
DoCmd.Close
End Sub

Private Sub cmdxem1_Click()
Dim qrt As QueryDef
Dim st As String
Set qrt = CurrentDb.QueryDefs("qrt_khachxuat")
st = " SELECT KHACH.MAKHACH, KHACH.TENKHACH,
KHACH.DIACHI, HOADONXUAT.SOHD, HOADONXUAT.ngayxuat"
st = st & " FROM KHACH INNER JOIN HOADONXUAT ON
KHACH.MAKHACH = HOADONXUAT.MAKHACH "
st = st & "WHERE (((KHACH.MAKHACH)='" & cbomakhach & "')
AND ((HOADONXUAT.ngayxuat)>#" & txtt1 & "# And
(HOADONXUAT.ngayxuat)<#" & txtd1 & "#))"
qrt.SQL = st
DoCmd.OpenReport "rpt_khach1", acViewPreview
txtt1 = ""
txtd1 = ""
cbomakhach = ""
End Sub
```

- **Màn hình Form báo cáo tồn kho**

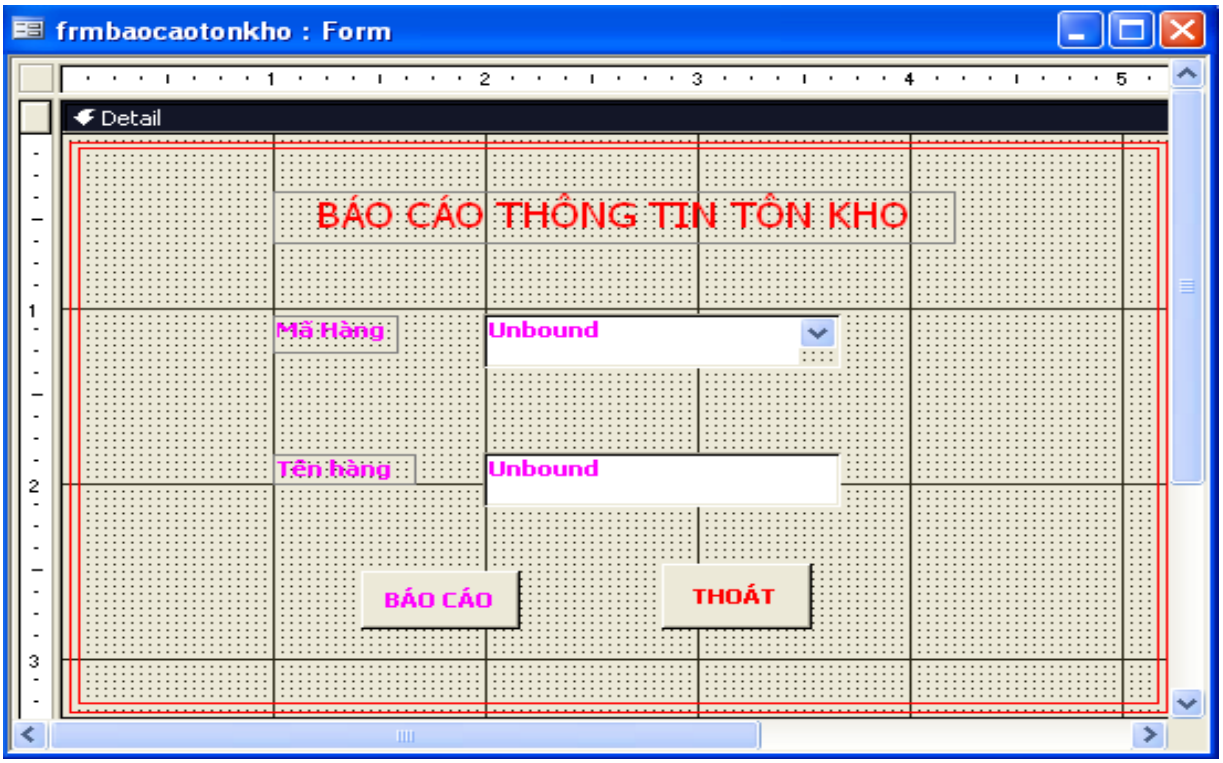


Form báo cáo tồn kho đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc báo cáo thông tin tồn kho

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị báo cáo tồn kho

- Các Textbox dùng để hiển thị tên hàng
- Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng
- Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Báo cáo". Dùng để chấp nhận thực hiện báo cáo tồn kho

+ Nút "Thoát" : Thoát khỏi module này.

**Nút cbo mã hàng**

Private Sub cbomahang_BeforeUpdate(Cancel As Integer)

```
Dim rs As Recordset
Dim db As Database
Set db = CurrentDb()
Set rs = db.OpenRecordset("select * from hang where mahang = '" &
cbomahang & "'")

txttenhang = rs.Fields("tenhang")
rs.Close
End Sub
```

**Nút báo cáo**

```
Private Sub CMDBAOCAO_Click()
Dim qrt As QueryDef
Dim st As String
Set qrt = CurrentDb.QueryDefs("tonkho")
st = "SELECT HANGNHAP.SOHD, HANGNHAP.SOLUONG,
HANGXUAT.SOLUONG, [hangnhap].[soluong]-[hangxuat].[soluong] AS
tonkho, HANGNHAP.MAHANG, HANG.TENHANG"
st = st & " FROM (HANG INNER JOIN HANGNHAP ON
HANG.MAHANG = HANGNHAP.MAHANG) INNER JOIN
HANGXUAT ON HANG.MAHANG = HANGXUAT.MAHANG"

st = st & " WHERE (((HANGNHAP.MAHANG)='" & cbomahang & "'))"
qrt.SQL = st
DoCmd.OpenReport "rpt_tonkho", acViewPreview
cbomahang = ""
txttenhang = ""
End Sub
```

**Nút thoát**

```
Private Sub cmdthoat_Click()
DoCmd.Close
End Sub
```

- **Màn hình Form tra cứu thông tin mặt hàng**

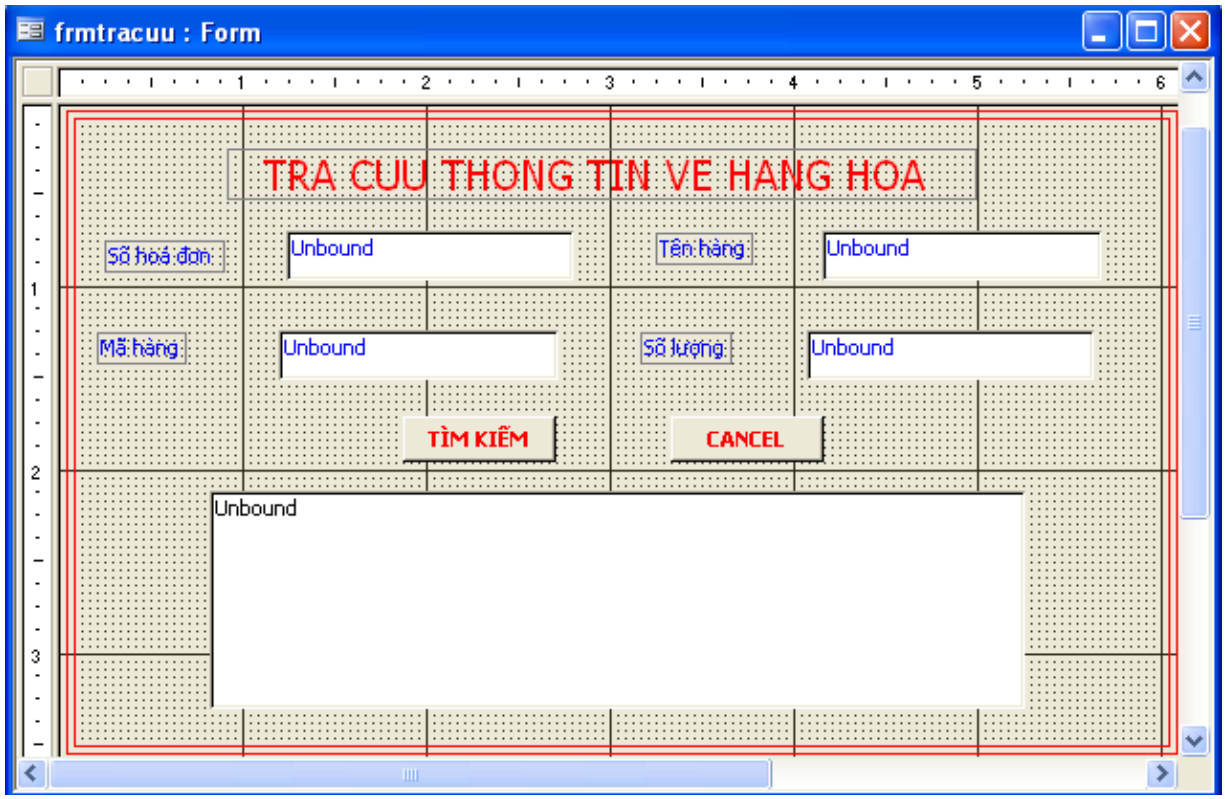


Form tra cứu thông tin mặt hàng đợc thiết kế bằng hai đối tợng (command) cụ thể nh sau:

- Kiểu: Màn hình hiển thị.

- Diễn giải: Thực hiện việc công việc tra cứu thông tin mặt hàng

- Mô tả chi tiết:

Một Form hiển thị báo cáo tồn kho

- Các Textbox dùng để hiển thị tên hàng , số hoá đơn , số lợng,
- Cobobox dùng để hiển thị thông tin của mã hàng
- Các Command để thực hiện các công việc sau:

+ Nút "Báo cáo". Dùng để chấp nhận thực hiện tra cứu thông tin mặt hàng

+ Nút "Thoát" : Thoát khỏi module này.

# CHƠNG VII

## . HỆ THỐNG BÁO CÁO (REPORT)

*** Công cụ**: Phục vụ cho việc thiết kế các báo cáo, thống kê dữ liệu để đa ra máy in.

- Các thành phần:

  + Đầu báo cáo (Report).

  + Đầu trang (Page header).

  + Thân báo cáo (Detail): là thành phần quan trọng nhất của Report dùng để chữa các điều khiển sẽ đợc trình bày trên mỗi trang in.

  + Cuối trang (Page Footer)

- Cách thiết kế:

  - Chuẩn bị dữ liệu để báo cáo (thờng phải thiết kế Query).

  - Report / New/ Design view/ chọn nguồn dữ liệu/ OK.

  - Thực hiện các thao tác thiết kế Report.

Dới đây là các báo cáo

➢ .**Báo cáo hoá đơn nhập**

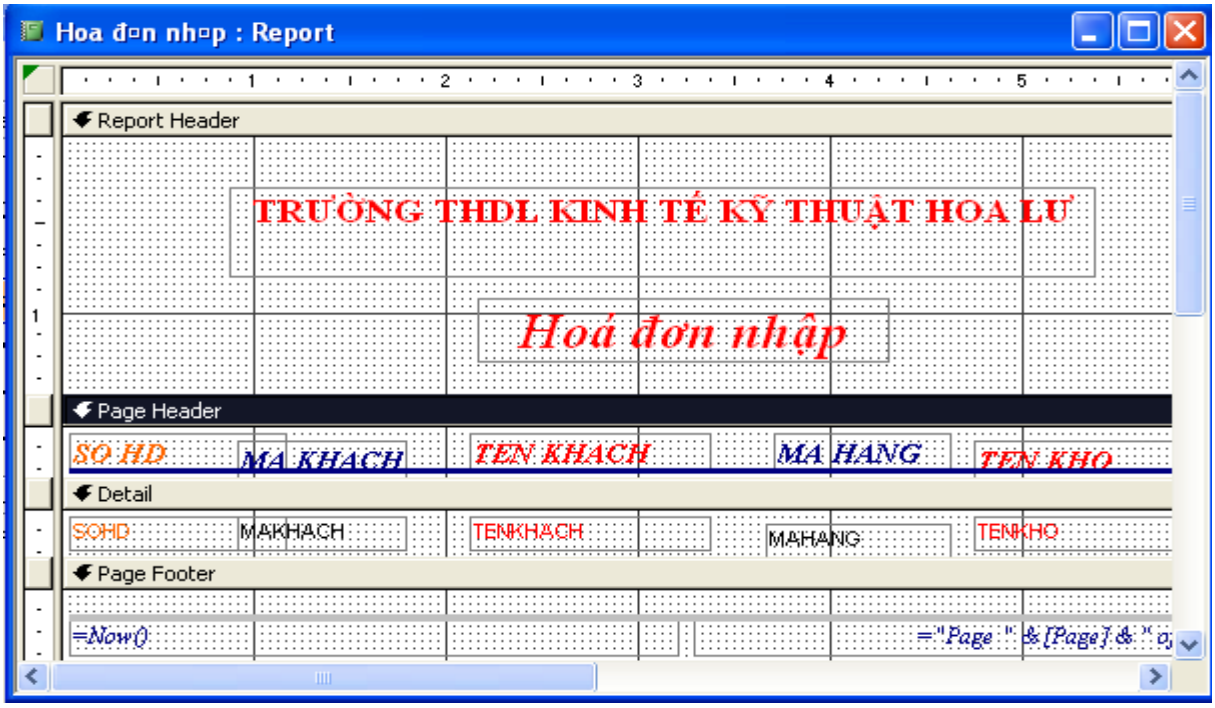


**=>Kết quả**

➢ **Báo cáo hoá đơn xuất**

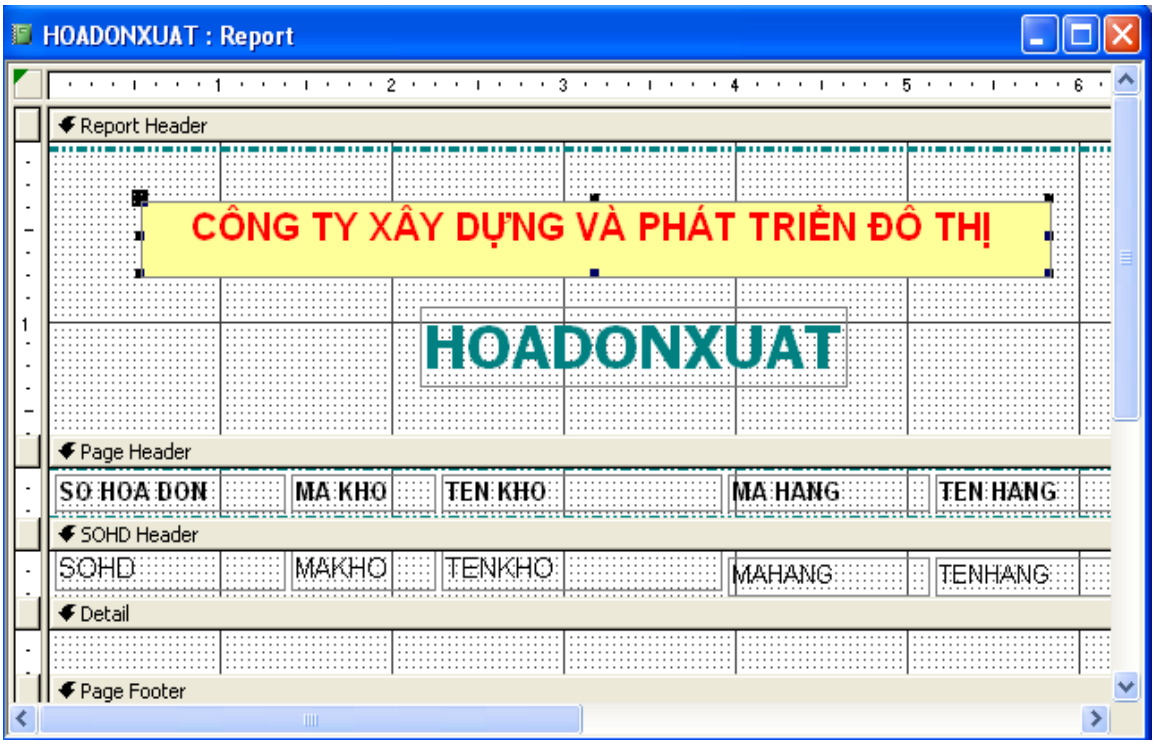


⇨ **Kết quả**

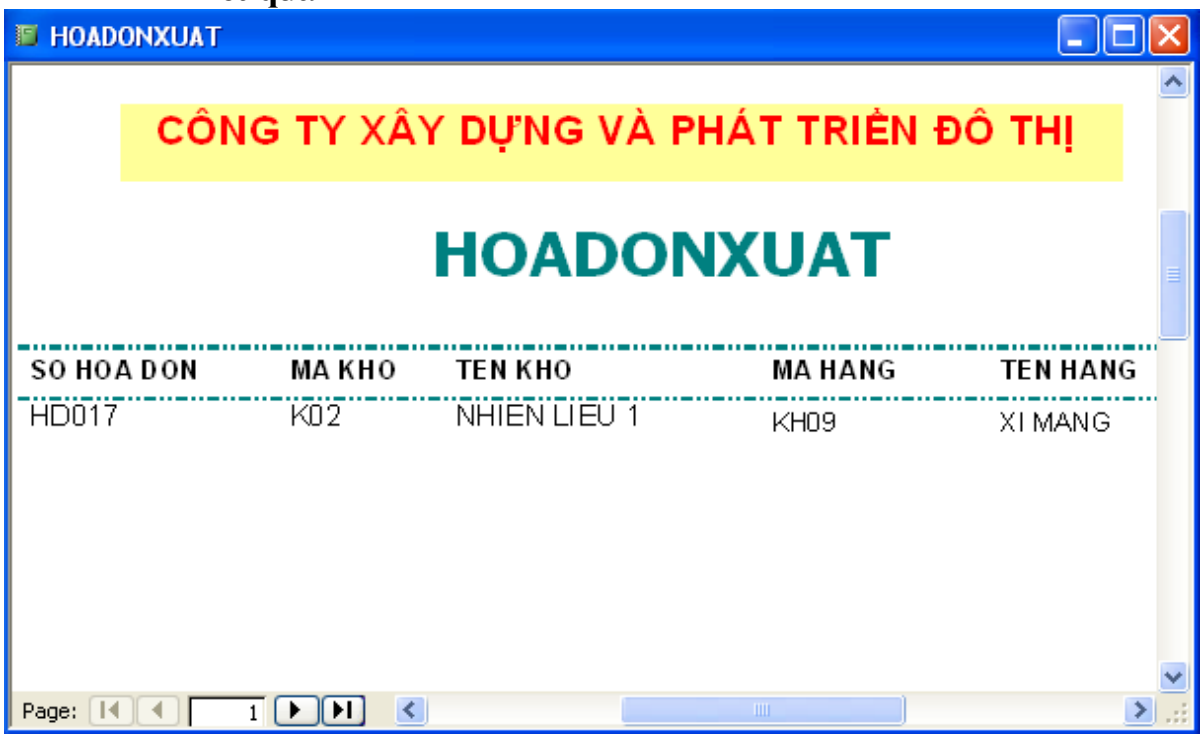

➢ **Báo cáo Kho**

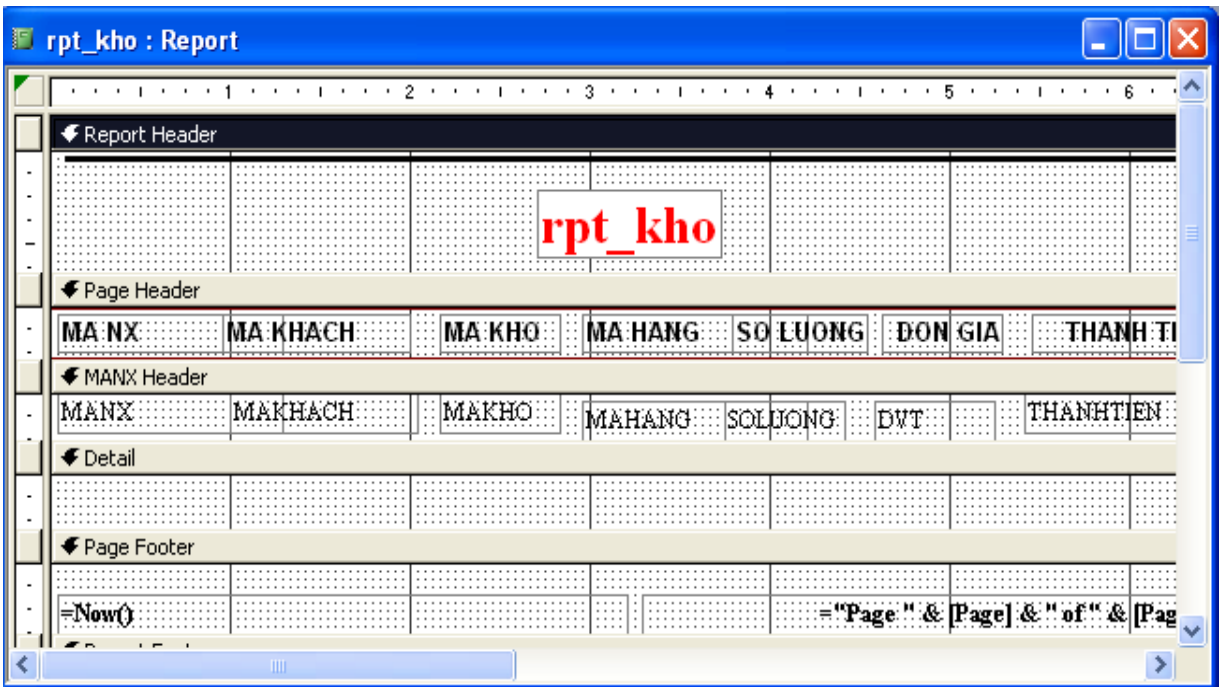


**=>Kết quả**

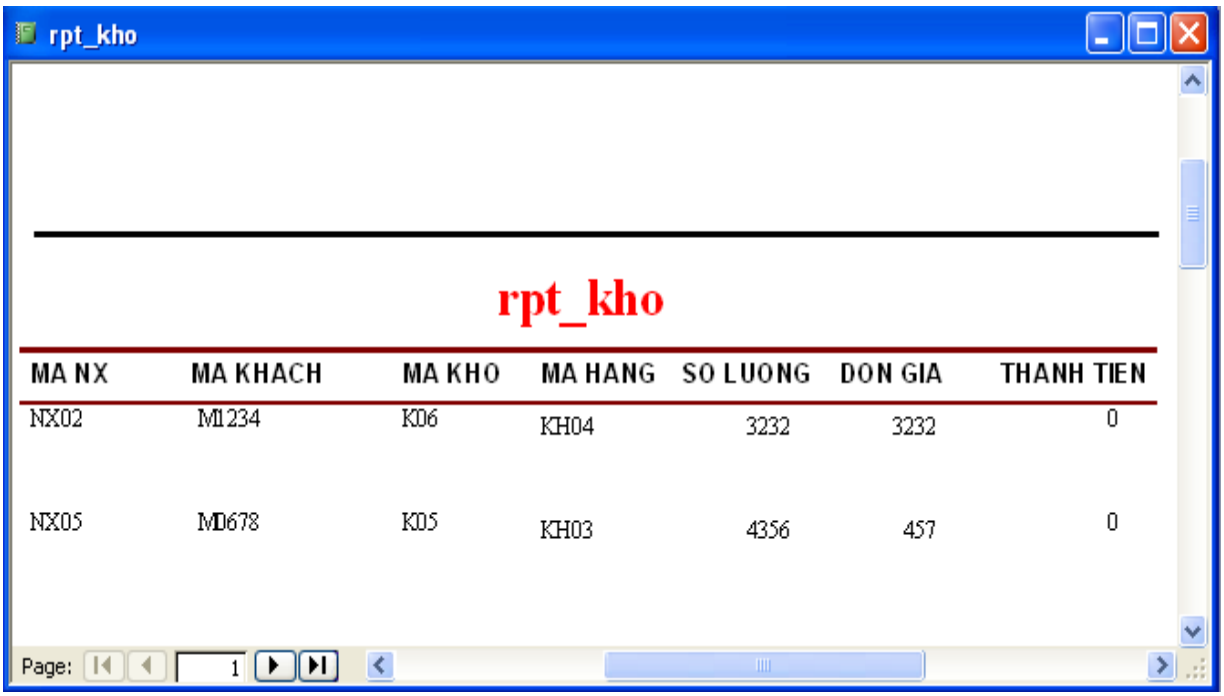

➢ **Báo cáo Khách**

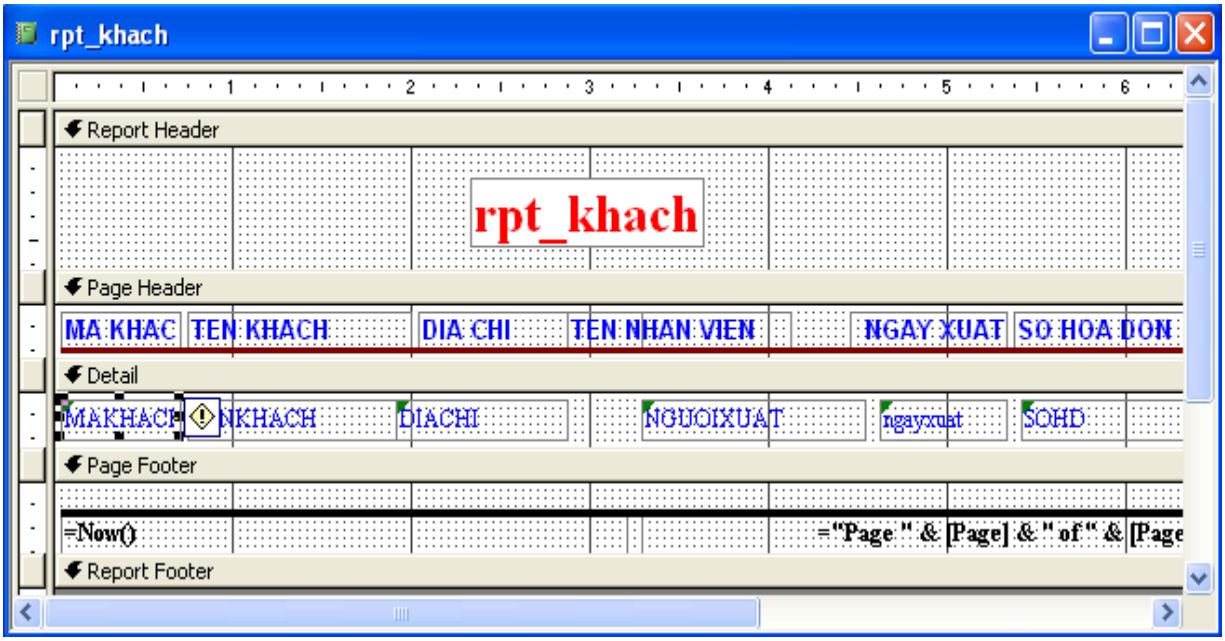


⇨ **Kết quả**

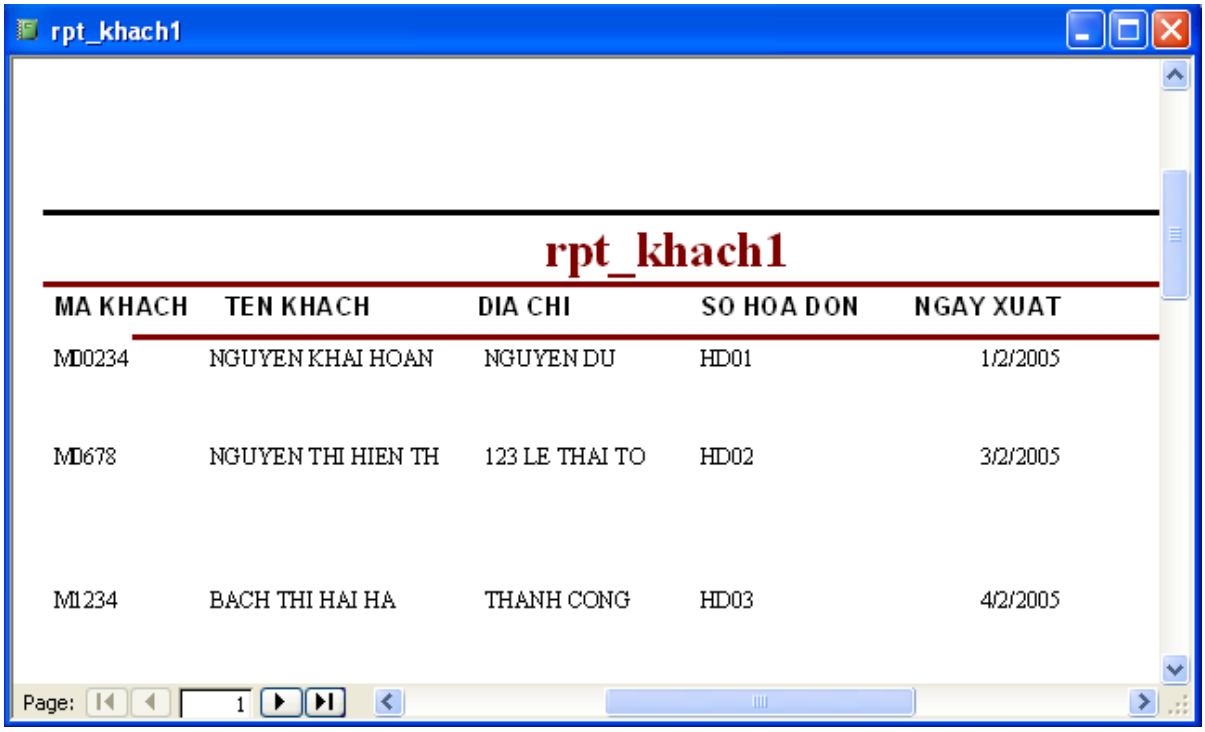

➢ **Báo cáo tồn kho**

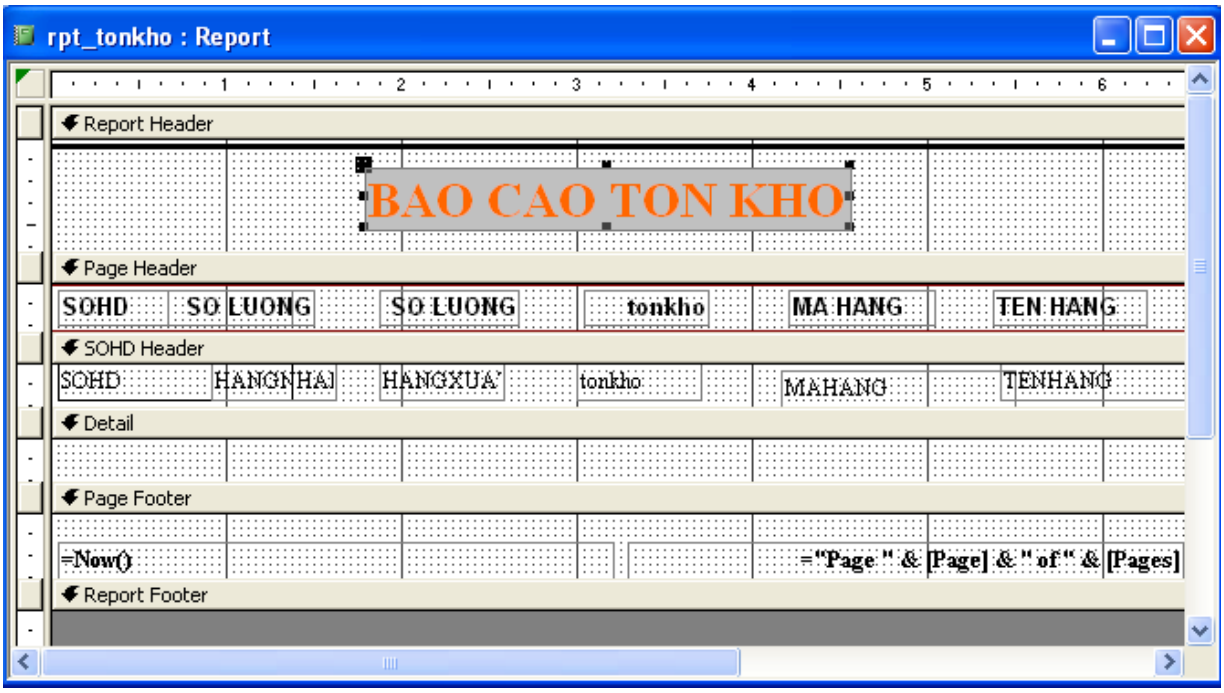


Kết quả

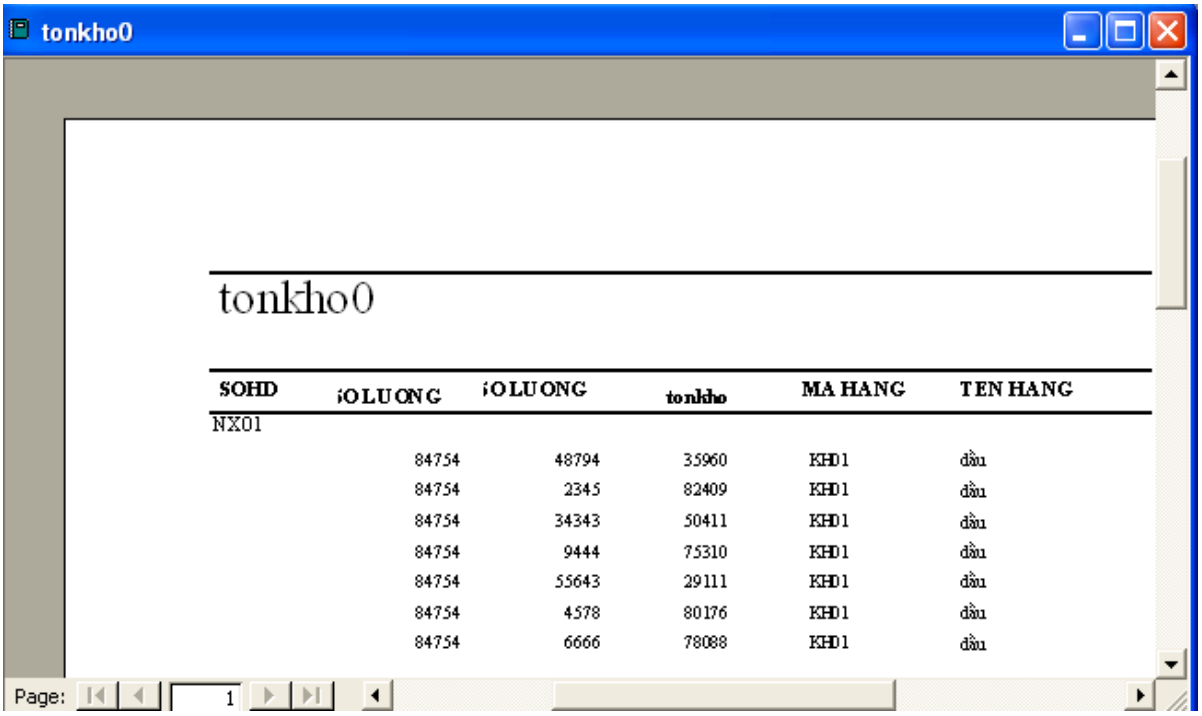

# CHƠNG VIII
# THIẾT KẾ MACRO

## ➢ Macro Quản lý thông tin

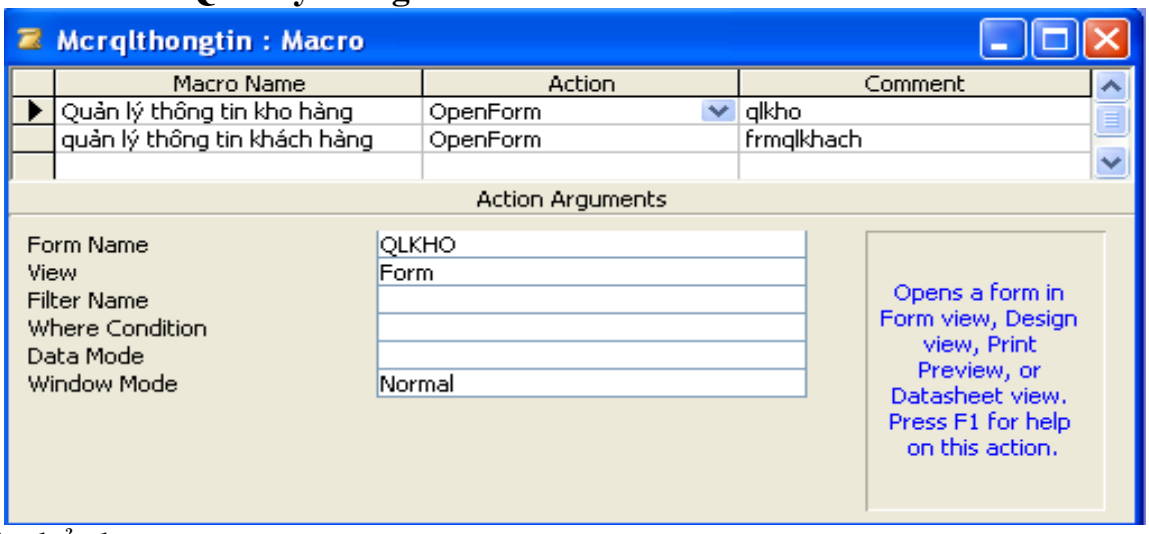


Cụ thể nh sau:

| **Mcrqlthongtin** | | |
|---|---|---|
| Macro Name | Action | Form Name |
| Quản lý thông tin kho hàng | Open Form | Frmqlkho |
| Quản lý thông tin khách hàng | Open Form | FrmqlKhach |

## ➢ Macro Quản lý hoá đơn

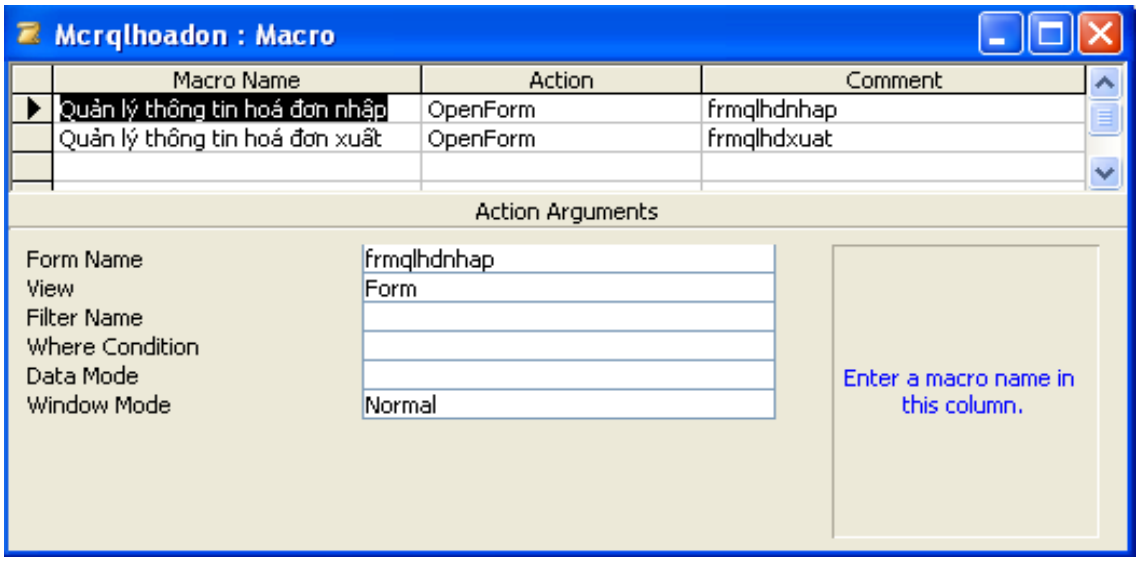

Cụ thể nh sau:

| **Mcrqlhoadon** | | |
|---|---|---|
| Macro Name | Action | Form Name |
| Quản lý thông tin HD nhập | Open Form | FrmqlHDnhap |
| Quản lý thông tin HD xuất | Open Form | FrmqlHDxuat |

➢ **Macro Hệ thống**

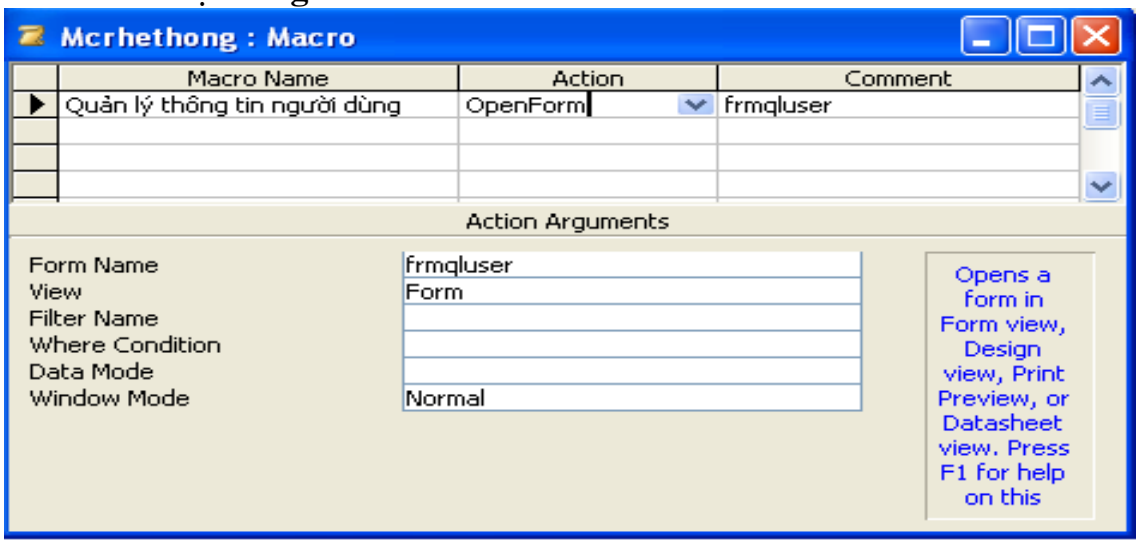


| **Mcrqlhethong** | | |
|---|---|---|
| Macro Name | Action | Form Name |
| Quản lý thông tin ngời dùng | Open Form | Frmqluser |

➢ **Macro tra cứu**

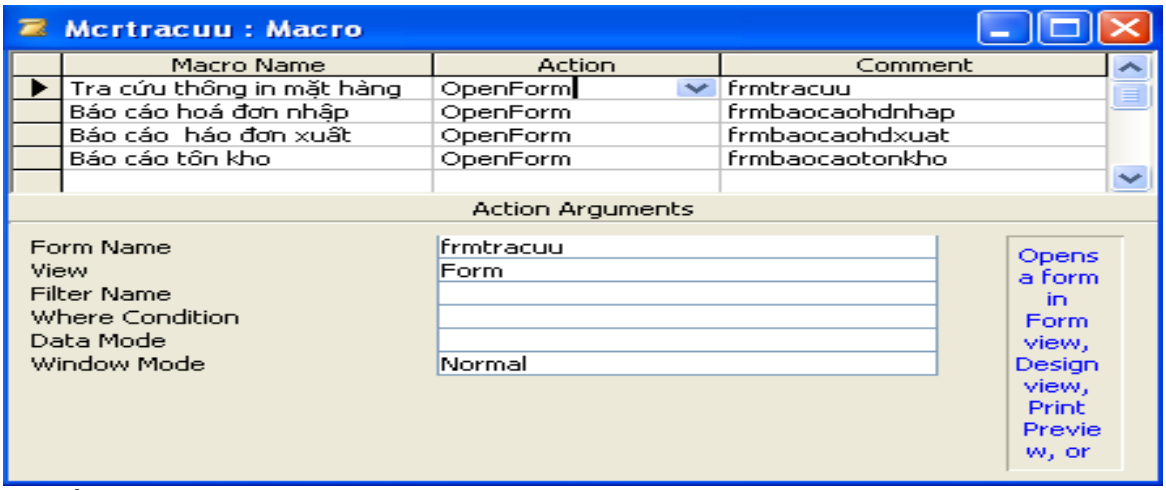


Cụ thể nh sau:

| **Mcrtracuu** | | |
|---|---|---|
| Macro Name | Action | Form Name |
| Tra cứu thông tin mặt hàng | Open Form | Frmtracuu |
| Báo cáo hoá đơn nhập | Open Form | FrmbaocaoHDnhap |
| Báo cáo hoá đơn xuất | Open Form | FrmbaocaoHDxuat |
| Báo cáo tồn kho | Open Form | Frmbaocaotonkho |

- **Macro Thoát**

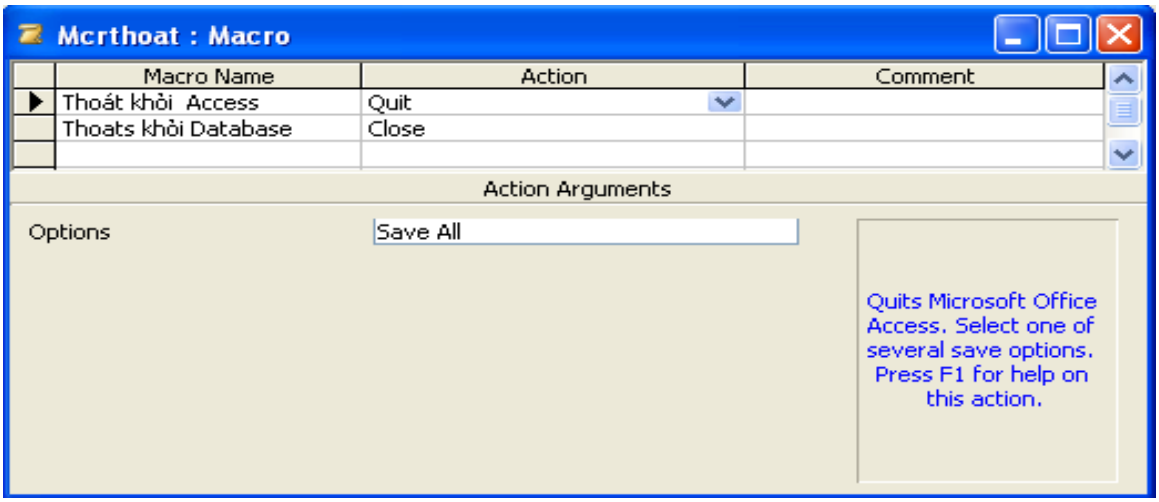


| **McrThoat** | | |
|---|---|---|
| Macro Name | Action | |
| Thoát khỏi Access | Quit | |
| Thoát khỏi DataBase | Close | |

- **Macro Menu Main**

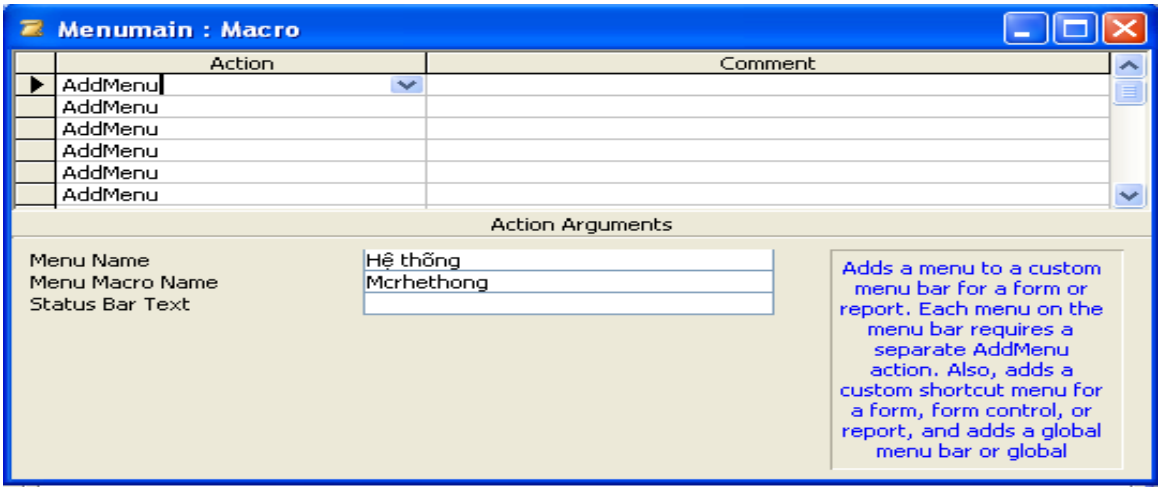

Cụ thể nh sau:

| **MenuMain** | | |
|---|---|---|
| Action | Menu Name | Menu Macro Name |
| AddMenu | Hệ thống | Mcrhethong |
| AddMenu | Quản lý thông tin | Mcrqlthongtin |
| AddMenu | Quản lý Hoá Đơn | Mcrqlhd |
| AddMenu | Quản lý hàng | Mcrqlhang |
| AddMenu | Tra cứu_thống kê | Mcrtracuu |
| AddMenu | Thoát | Mcrthoat |

⇨ **Kết quả**

# PHẦN II
# MS- EXCEL

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MICROSOFT EXCEL.

Ngày nay EXCEL đã trở nên quá quen thuộc để giải các bài toán kinh doanh, tài chính ,kế toán thờng nảy sinh trong các cơ quan và doanh nghiệp và vì vậy các bạn đọc là kỹ s hay nhà khoa học sẽ có thể đặt ra các câu hỏi nghi ngờ đại loại nh :

- Liệu độ chính xác của các phép toán trên EXCEL có thoả mãn yêu cầu của các tính toán khoa học hay không ?
- Liệu các hàm có sẵn trong EXCEL có đủ và phù hợp yêu cầu của các tính toán khoa học hay không ?
- Liệu có thể xây dựng các thuật toán hữu ích , thiết thực trên EXCEL hay không ?

Có thể khẳng định trả lời ngay là EXCEL đủ công cụ tính toán và độ chính xác tính toán để đáp ứng các tính toán khoa học kỹ thuật thông dụng trong mọi ngành kỹ thuật Ngoài ra, số lợng các hàm có sẵn của EXCEL còn nhiều hơn một số ngôn ngữ lập trình thông dụng khác nh PASCAL chẳng hạn.

## II. ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA CÁC PHÉP TOÁN TRÊN EXCEL

Độ chính xác của các phép toán trên EXCEL và độ lớn của trị số xử lý đợc trong EXCEL hoàn toàn thoả mãn các tính toán kỹ thuật . Chúng ta đều còn nhớ rằng ngay trớc khi máy tính điện tử ra đời thì cái thớc tính cầm tay đã từng là công cụ chính của mọi kỹ s trên thế giới và độ chính xác của thớc tính lấy đến 3 số lẻ sau dấu thập phân đó cũng tất nhiên không thể so sánh với máy vi tính đợc.

Tuy nhiên có nhiều thuật toán của phơng pháp số rất nhậy cảm với độ chính xác làm toán số học của công cụ tính toán . Đặc biệt là khi tính toán theo sơ đồ sai phân hoặc giải bằng số các phơng trình vi phân .

Các phép tính thiên văn và khí tợng thờng đòi hỏi độ chính xác rất cao

### A. ĐỘ CHÍNH XÁC SỐ HỌC

EXCEL cung cấp độ chính xác số học đáp ứng hoặc vợt quá so với khả năng của một số công cụ tính toán thông dụng trong khoa học kỹ thuật. EXCEL lu trữ trị số với 15 chữ số . Các máy tính tay dùng trong khoa học thờng chỉ thể hiện đợc 10 chữ số . Máy tinh mi ni điển hình là máy VAX chỉ lu giữ 7 chữ số với độ chính xác đơn , dấu phảy động và lu giữ 15 chữ số với độ chính xác kép . Siêu máy tính điển hình là CRAY-1 chỉ chứa 15 chữ số với độ chính xác đơn, dấu phảy động .

EXCEL lu giữ 15 chữ số trong bộ nhớ nhng làm tròn số rồi thể hiện lên màn hình trị số tuỳ theo định dạng của ô đã đợc chính ngời sử dụng quy định trong bảng tính . Nếu muốn lu giữ số trong bộ nhớ đúng nh con số hiện ra trong ô bảng tính thì hãy chọn lệnh Calculation từ thực đơn Option rồi chọn hộp kiểm tra với mục Precision as Displayed trong hộp đối thoại Calculation Options . Nhiều khi nên giảm bớt độ chính xác của phép tính vì nh vậy tốc độ tính toán sẽ tăng lên nhiều. Điều này cũng nên làm khi bạn tính tiền mà chỉ xét đến đơn vị đồng chứ không muốn chú ý đến đơn vị hào hay xu.

Xin nhắc lại về cách định dạng chữ số hiện ra trong ô . Hãy dùng chuột để chọn theo trình tự sau :

Format => Cells... => Number (Category) => Code:
rồi nhập vào hộp Code những chữ số 0 bằng tổng số chữ số mà bạn muốn hiện ra trong ô, nhng nh trên đã nói : chúng ta chỉ thể hiện đợc nhiều nhất là 15 chữ số thôi. Nếu cứ cố nhập nhiều hơn nữa thì từ chữ số thứ 16 trở đi, EXCEL sẽ làm tròn số và coi nh số 0

Ví dụ nếu chúng ta nhập số 12345678901234567890
thì máy hiểu là 12345678901234500000 .

Điều này có thể giảm mất độ chính xác của các phép toán với các số có quá nhiều chữ số
Với cách làm tròn nh vậy mà trong quá trình tính toán thì máy sẽ thực hiện vô số phép tính lặp cho nên có thể dự báo rằng kết quả cuối cùng có thể sai khá nhiều.

## III. GIỚI HẠN CÁC TRỊ SỐ TRONG EXCEL

- EXCEL xử lý các trị số trong khoảng từ $2,226 \times 10^{-308}$ đến $1798 \times 10^{+308}$
- Một máy tính bấm tay thờng chứa số cỡ $10^{\pm 99}$
-Máy tinh mini VAX chứa các số cỡ $10^{\pm 38}$ với độ chính xác đơn và cỡ $10^{\pm 308}$ với độ chính xác kép
- Siêu máy tính CRAY-1 chứa các số cỡ $10^{\pm 2500}$

Bạn đọc có thể tự rút ra nhận xét khi so sánh các con số nói trên

Mặc dù EXCEL lu giữ đợc con số lớn nhất là $1798 \times 10^{\pm 308}$ nhng con số lớn nhất mà chúng ta có thể đánh vào máy tính chỉ là $9,999 \times 10^{307}$. Nếu bạn cố tình nhập vào số lớn hơn thì EXCEL sẽ hiểu đó là chuỗi ký tự chứ không phải là con số .

Thực ra hầu hết các tính toán khoa học kỹ thuật chỉ liên quan đến các con số trong khoảng $10^{-40}$ đến $10^{+40}$. Tuy nhiên khi các con số này đợc dùng đến trong phơng trình thì các kết quả tính trung gian có thể quá lớn đến mức vợt quá

khả năng lu giữ của máy tính và kết quả sẽ sai . Ví dụ xét biểu thức đơn giản của cơ học lợng tử nh sau ;

$$\frac{2m}{h^2}$$

trong đó :

h - hằng số Planck chia cho $2\pi$ ,(1,0546 x $10^{-34}$ J-s )

m - khối lợng điện tử còn lại ( 9,11 x $10^{-31}$ kg )

Kết quả phép tính này là :1,64 x $10^{-38}$, đó vẫn còn là con số kich cỡ hợp lý . Nh-ng kết quả trung gian của phép tính bình phơng rồi nghịch đảo đã là 8,99 x $10^{-67}$ nghĩa là lớn gấp rất nhiều lần so với kết quả cuối cùng. Máy tính bấm tay cũng sẽ cho kết quả sai trong bài toán đơn giản này .

Hiện tợng tràn ô nhớ dẫn đến kết quả tính toán sai thực ra là bắt đầu từ sai lầm của ngời đăt ra bài toán mà không hiểu rõ bài toán của chính mình. Cách tránh tình trạng này rất đơn giản là phân chia nhỏ và xắp xếp quá trình tính toán sao cho không bao giờ nảy sinh kết quả tính trung gian quá lớn đến nỗi tràn ô nhớ.

## IV. LỖI TRONG EXCEL

EXCEL sẽ thông báo về 7 trờng hợp lỗi nh sau :

1> # DIV/0! - chia cho số 0.
2> # NAME? - cha định nghĩa tên biến trong ô.
3> # N/A - không có trị số nào sẵn có cho tình huống đang xét.
4> # NULL! - kết quả chẳng có gì cả.
5> # NUM! - tràn ô nhớ hoặc dùng tham số vô nghĩa , ví dụ SQRT (-1)
6> # REF! - tham chiếu ô không có giá trị , ô này không có trên bảng tính.
7> # VALUE! - kiểu của đối số không đúng, ví dụ đáng lẽ là con số thi trong ô

lại là ký tự

Khi gặp một trong các lỗi này thì kết quả sẽ là sai. Sai lầm này sẽ lan

truyền đi kháp bảng tính . Vì vậy EXCEL dùng các thông báo nh trên để cảnh

báo cho ngời tính toán .

## V. KHÁI NIỆM VỀ THAM CHIẾU Ô TRONG BẢNG TÍNH EXCEL

Các ô trong bảng tính EXCEL có thể chứa con số hoặc ký tự hoặc công thức. EXCEL đủ thông minh để theo dõi những gi bạn đang gõ vào từ bàn phím

và gán cho nó kiểu đúng nh ý của bạn . Nếu nội dung ô là trị số thi EXCEL sẽ lu giữ nó dới dạng con số và sau này bạn có thể dùng số đó để tính toán . Nếu nội dung ô lẫn lộn cả ký tự và chữ số thì EXCEL coi đó nh là văn bản . Nếu nội dung ô bắt đầu với dấu bằng ( = ) thì EXCEL cất giữ theo dạng công thức .

Mọi ô trong bảng tính EXCEL đều có 2 phần liên kết với nhau chặt chẽ : phần nội dung và phần giá trị . Nội dung là cái mà bạn gõ nhập vào ô , còn giá trị là cái mà bạn nhìn thấy trên màn hình. Việc định dạng ô không ảnh hởng đến giá trị của ô mặc dù có thể làm thay đổi trị số xuất hiện trên màn hình . Đối với văn bản hay con số thì nội dung và giá trị là giống nhau .Đối với các công thức thì nội dung là công thức mà bạn gõ vào còn giá trị là kết quả tính toán theo công thức đó .

Bạn có thể chèn giá trị của một ô nào đó trong bảng tính vào công thức đang đợc bạn gõ vào bằng cách dùng tham chiếu ô. Một tham chiếu ô bao gồm nhóm ký tự và chữ số mà chữ cái chỉ ra tên cột chứa ô tham chiếu còn chữ số chỉ ra tên của dòng tham chiếu . Ví dụ B8 sẽ liên quan đến giá trị của ô thuốc cột B và dòng thứ 8 của bảng tính . Bạn cũng có thể tham chiếu theo tên kép cả cột và dòng nh R5C7 , kiểu tham chiếu này gọi là kiểu R1C1

Bạn sẽ đặt kiểu tham chiếu ô mà bạn muốn bằng cách đánh dấu kiểm tra hay dấu không kiểm tra vào ô kiểm tra R1C1 trong hộp đối thoại Workspace . Để hiện lên hộp đối thoại này, bạn hãy chọn lệnh Workspace trên thực đơn Option . Nếu bạn tạo ra một bảng tính dùng một kiểu rồi thay đối sang kiểu R1C1 nhờ hộp kiểm tra R1C1 thì mọi tham chiếu của bạn sẽ đổi sang kiểu khác nói trên .

## A. THAM CHIẾU Ô NGOÀI

Nếu bạn tham chiếu đến một ô thuộc một bảng tính khác với bản tính mà bạn đang gõ công thức vào thì bạn phải thêm tên của bảng tính đó vào để EXCEL biết chỗ mà tham chiếu . Điều này gọi là tham chiếu ngoài. Bảng tính chứa ô tham chiếu ngoài không cần phải đợc mở . Để tạo tham chiếu ngoài hãy gõ tên bảng tính, rồi gõ dấu chấm than, rồi gõ tên ô tham chiếu . Nếu bảng tính không thuộc th mục mà bạn đang làm việc thì bạn phải báo thêm đờng dẫn đến th mục chứa bảng tính tham chiếu . Ví dụ bạn muốn tham chiếu ô S5 trên bảng tính SOLIEU.XLS thuộc th mục hiện hành , thì bạn sẽ viết nh sau ;

**SOLIEU.XLS ! S5**

Nếu bảng tính nói trên lại thuộc th mục E:\KETCAU chẳng hạn thì bạn sẽ phải tham chiếu đến :

**E:\KETCAU\ SOLIEU.XLS !S5**

Dấu nháy đơn là phải đa vào khi có thông báo đờng dẫn đến th mục .

Con đờng đơn giản nhất để bảo đảm đúng địa chỉ ô mà bạn muốn tham chiếu trong một bảng tính khác là hãy mở bảng tính đó ra. Sau đó chuyển về bảng tính đang làm rồi gõ công thức vào ô mà bạn muốn thực hiện, khi gõ đến chỗ cần thêm tên ô tham chiếu thì hãy lại chuyển trở về bảng tính cần tham chiếu rồi nhắp chuột vào ô nào mà bạn muốn tham chiếu . Thế là tên ô đó sẽ tự đông đợc ghi đúng chỗ bạn muốn trong bảng tính hiện hành .

## B. THAM CHIẾU VÙNG Ô

Đôi khi chúng ta cần tham chiếu cả một vùng ô . Quy ớc một vùng ô là một hình chữ nhật trên bảng tính . Mọi ô nằm trong vùng đó coi nh thuộc nội dung của vùng đó ( nghĩa là không có ô trống nào ) . Tên một vùng sẽ gồm tên ô trên cùng bên trái và tên ô dới cùng bên phải của vùng đó , hai tên này cách nhau bởi dấu hai chấm ( : ) , ví dụ A3:F7

Bạn có thể tổ hợp nhiều vùng vào trong một tham chiếu ô duy nhất bằng cách thêm dấu phẩy ( , ) vào giữa tên các vùng . Ví dụ tham chiếu H4 : J6, L2 : M3 chứa hai vùng là vùng H4 : J6 và vùng L2 : M3 . Khi đó mọi ô trong hai vùng đó đều đợc tham chiếu ( nghĩa là các ô H4, H5, H6, I4, I5, I6, J4, J5, J6, L2, L3, M2 và M3 ) . Nếu bạn gõ dấu cách trống để thay cho dấu phẩy nhằm phân cách hai tên vùng thì kết quả tham chiếu sẽ là những ô nào nằm trong miền giao của hai vùng đó . Ví dụ , H4:J6 L2:M3 sẽ chỉ là tham chiếu đến các ô J5 và J6 vì chúng đồng thời nằm trong cả 2 vùng nói trên .

Cũng giống khi tham chiếu ô đơn lẻ ,cách thức đơn giản nhất để tham chiếu vùng ô là chọn nó bằng cách nhấn và rê chuột trong khi đang gõ công thức vào ô.

## C. THAM CHIẾU Ô TƠNG ĐỐI VÀ THAM CHIẾU Ô TUYỆT ĐỐI

### a). Tham chiếu ô tơng đối

Phần lớn các tham chiếu ô mà chúng ta thờng dùng đều là tham chiếu tơng đối . Nó nói lên mối tong quan vị trí giữa ô đang xét và ô đợc tham chiếu . Ví dụ công thức trong ô G5 có chứa tham chiếu ô E3. Khi đó ký hiệu E3 không thực sự cứng nhắc là tham chiếu đến nội dung của ô thụôc cột E và dòng thứ 3 mà là đại diện cho nội dung ô nằm cách ô G5 hai cột về bên trái và nằm cách ô G5 hai dòng về phía trên .Nếu bạn sao chép công thức của ô G5 vào ô I8 chẳng hạn thì bạn sẽ thấy ngay là ô tham chiếu bây giờ sẽ là ô G6 ,ô này nằm cách ô I8 hai cột về bên trái và cách hai dòng về phía trên .

Trong kiểu tham chiếu R1C1 , bạn sẽ đặt các đấu ngoặc vuông bao ra ngoài sổ hiệu cột và dòng , điều này sẽ làm cho chùng thay đổi cả về hớng và về khoảng cách . Điểm gốc của hệ thống tham chiếu ô là góc trái trên của bảng tính,các hớng dơng là hỡng xuống dới và hớng sang phải . Ví dụ R [-2] C [2] là tham chiếu ô tơng đối đến ô nằm cách 2 dòng về phía trên và nằm cách 2 cột vè phía bên phaỉ của ô đang xét

Kiểu tham chiếu ô tơng đối rất tiện lợi khi bạn muốn dùng 1 công thức để sử lý cả dẫy số liệu cùng kiểu. Giả sử bạn đang tính toán theo cùng 1 công thức với 50 bộ số liệu ban đầu khác nhau , đáng lẽ bạn sẽ phải gõ 50 lần công thức đó thì bây giờ bạn chỉ gõ 1 lần công thức vào ô của dòng đầu tiên , sau đó nhờ việc sao chép sang các ô khác trong cùng cột đó , EXCEL sẽ thực hiện việc tham chiếu ô tơng đối và bạn sẽ hoàn thành công việc sau vài lần nhắp chuột .

**b). Tham chiếu ô tuyệt đối**

Một tham chiếu ô tuyệt đối sẽ không thay dổi khi bạn sao chép công thức ,nó luôn tham chiếu nội dung của ô đã đợc chỉ định .bất kể bạn sao chép công thức đén ô nào trong bảng tính hiện hành . Để tham chiêu ô tuyệt đối bạn chỉ cần thêm dấu $ trớc tên cột hay tên dòng của ô tham chiếu . Ví dụ $G$5 là tham chiếu tuyệt đối đến ô G5

Kiểu tham chiếu R1C1 luôn là tham chiếu tuyệt đối , trừ khi bạn dùng các dấu ngoặc để đánh dấu đó là tham chiếu tơng đối . Ví dụ R5C7 là tham chiếu đến các ô nằm ở vùng giao của dòng 5 và cột 7.

Tham chiếu tuyệt đối rát hữu ích khi bạn muốn tham chiếu các hệ số trong các công thức mà bạn đang sao chép .mà các hệ số này lại có giá trị đã đợc quy định không thay đổi từ trớc . Nh vậy khi lập bảng tính cho một bài toán kỹ thuật, bạn hãy đặt các hệ số vào một số ô rồi sau này khi viết công thức và sao chép công thức sẽ tham chiếu tuyệt đối đến các ô đó . Bằng cách này bạn còn có thể theo dõi các diễn biến kết quả khi vẫn dùng cùng công thức nào đó nhng cho tính toán với các giá trị khác nhau của các hệ số .

**c). Tham chiếu ô hỗn hợp**

Một tham chiếu hỗn hợp sẽ vừa tham chiếu tơng đối đến tên cột hoặc tên dòng và vừa tham chiếu tuyệt đối đến tên cột hay tên dòng còn lại .

Ví dụ , tham chiếu $G5 sẽ cố định xét cột G nhng số hiệu dòng thì có thể thay đổi trong lúc sao chép công thức . Trong kiểu tham chiếu R1C1 thì R2C[4] là tham chiếu tuyệt đối đến dòng 2 nhng tham chiếu tơng đối đến cột nằm cách ô đang xét 4 ô về phía bên phải .

## VI.LÀM VIỆC VỚI MICROSOFT EXCEL.

- ta vào: start / chọn Program / chọn Ms Excel / ấn Enter.

1. Của sổ ứng dung của excel bao gồm các thành phần sau:
   - Titlebar: Thanh tiêu đề chứa tên chơng trình và tài liệu đang mở.
   - Menubar: Thanh thực đơn chứa các lệnh của chơng trình .
   - formulabar: Thớc đo và thanh cuộn dùng để căn, di chuyển tài liệu và đóng văn bản.
   - Stabar: Thanh trạng thái nằm ở dới màn hình cho biết một số thông tin về số trang vị trí con trỏ.

A. Cửa sổ Workbook cửa sổ làm việc chính .

Phía trên đầu workbook là thanh tiêu đề chứa chứa tên workbook.

- Cấu tạo của workbook:
  - trong một Workbook gồm có tối đa 255 Sheets mỗi sheet đ-ợc xem nh là một bảng tính chứa dữ liệu, biểu đồ, hình ảnh.
- Cấu tạo của Sheets: trong một sheet gồm có:
  - 256 cột đợc đánh bằn các ký tự chữ cái A, B, C…IV gọi là địa chỉ cột nằm trên hàng đầu tiên của Worksheets gọi là tên tiêu đề các cột của bảng.
  - 65536 hàng đơc đánh thứ tự từ 1,2, 3…, 65536 gọi là địa chỉ hàng nằm trên cột đầu tiên của Worksheet.

B. Quản lý Workbook:

- Lu Workbook nhấp biêu tợng save trên thanh công cụ.
- Tạo Workbook mới chọn file New hoặc chọn biểu tơng trên thanh công cụ. Mở file có sẵn trên đĩa ta nhấp nút open hoặc file open.
- Đóng cửa sổ Workbook đang làm việc ta chon **file - close** hoặc **ctrl + f4.**

C. Nhập dữ liệu cho bảng:

- chọn ô cần nhập
- gõ dữ liệu cần nhập vào ô.
- kết thúc nhập gõ enter

D. Kiểu dữ liệu:

- Kiểu chuỗi ký tự: là tổ hợp cửa sổ khoảng trắng không phải alf số.
- Kiểu số Number: là các số từ 0 đến 9 hoặc các ký tự +, -, *, /…
- Date time ngày giờ :

F.Địa chỉ tơng đối và địa chỉ tuyệt đối :

- địa chỉ tơng đối thay đổi theo số hàng và số cột.
- Địa chỉ tuyệt đối sử dụng trong một hàng và một cột.

E. Công thức

- Cú pháp của một công thức trong Microsoft Excel đợc bắt đầu bằng dấu bằng(=) tiếp theo là các toán hạng và các toán tử

H.Địa chỉ tham chiếu sử dụng trong hàm đợc dùng trong các công thức để tính toán.

F. Các hàm cơ bản trong excel:

Hàm là một công thức định trớc để tự động tính toán kết qủa thông qua tên hàm và các danh sách đối số trong hàm.

a. Hàm SUM: là hàm tính tổng trong phạm vi
b. Hàm AVERAGE: chức năng tính trung bình cộng.
c. Hàm CUONT: đếm những ô số liệu trong phạm vi.
d. Hàm MAX: chức năng tìm giá trị lớn nhất trong phạm vi.
e. Hàm MIN: trả về giá trị nhỏ nhất.
f. Hàm CUONTIF : đếm những ô có chữa dữ liêu thoả mãn điều kiện.
g. Hàm SUMIF: tính tổng nhng ô thoả mãn điều kiện.
h. Hàm RANK: Xác định thứ bậc của một số trong bảng cho trớc.

❖ Hàm LOGIC:

a. Hàm AND: Trả về giá trị TRUE các điều kiện đều đúng trả về giá trị FALSE nếu một trong các điều kiện là sai.
b. Hàm OR: Trả về giá trị TRUE nếu một trong các điều kiện là đúng và FALSE nếu tất cả cùng sai.
c. Hàm NOT: Phủ định đổi ngợc từ giá trị TRUE>FALSE và ngợc lại.
d. Hàm IF: Trả về giá trị của biểu thức 1 nếu thoả mãn điều kiện , ngợc lại trả về giá trị của biểu thức 2.

❖ Các hàm xử lý chuỗi ký tự:

a. Hàm LEN: cho biết độ dài của chuỗi và khoảng trắng.
b. Hàm LEFT: lấy ký tự n ký tự chuỗi tính từ trái sang phải.
c. Hàm RIGHT lấy ký tự từ bên phải của chuỗi.

❖ Các hàm tìm kiếm:

a. Hàm VLOOKUP: Tìm giá trị cần tìm trong cột đầu tiên của dãy tham chiếu, nếu tìm thấy dóng sang phải n cột và lấy giá trị ô đó làm giá trị của hàm.

b. Hàm HLOOKUP: Tìm kiếm ô hàng đầu tiên và khi tim thấy thì dóng xuống dới n cột để lấy giá trị.

❖ Xắp xếp dữ liệu:

- Đặt ô cần xếp vào vùng
- chọn biểu tợng Sort Accending để săp xếp theo chiều tăng.
- Sắp xếp theo chiều tăng bấm biểu tợng Sort Descending sắp xếp theo chiều xuống

## VII. CÔNG THỨC MỘT SỐ HÀM CƠ BẢN

**1 – Tính tổng**

=SUM(ĐCđầu : ĐCcuối)

**2 – Hàm tìm giá trị lớn nhất của dãy số:**

=MAX(ĐCđầu : ĐCcuối)

**3 – Hàm tìm giá trị nhỏ nhất của dãy số:**

=MIN(ĐCđầu : ĐCcuối)

**4 – Hàm tìm giá trị trung bình:**

=AVERAGE(ĐCđầu :

**5 – Hàm đếm ô có chứa dữ liệu kiểu số:**

=COUNT(ĐCđầu : ĐCcuối)

=COUNT(ĐCđầu : ĐCcuối)

**6 – Hàm làm tròn:**

=ROUND(dữ liệu, n)

**7 – Hàm tìm kiếm giá trị khi bảng phụ có dạng cột**

Công thức: =VLOOKUP(x, quét bảng phụ,N,0)

Trong đó: x là ô địa chỉ đầu cần lấy giá trị ở bảng dữ liệu gốc.

N là số thứ tự của cột cần lấy giá trị trong bảng phụ, thứ tự cột phải tính bằng số.

Ví dụ: =VLOOKUP(A2, $D$5:$F$3,2,0)

**8 – Hàm tìm kiếm giá trị khi bảng phụ có dạng dòng:**

Công thức:=HLOOKUP(x,Quét bảng phụ,N,0)

Trong đó: x là ô địa chỉ đầu cần lấy giá trị ở bảng dữ liệu gốc

**9 – Hàm điều kiện (Hàm LOGICS)**

Hàm sử dụng khi có mệnh đề: nếu……, thì…….(IF……..)

✷ Hàm kiểm tra 1 điều kiện:

Công thức:=IF(ĐK1, GTrị1, GTrị2,…..)

✷Hàm kiểm tra nhiều điều kiện:

a) Hàm có chứa từ và(AND) thoả mãn đồng thời các điều kiện đúng

Công thức:=IF(AND(ĐK1,ĐK2…,ĐKn),GTRị1,GTrị2)

b) Hàm có chứa từ hoặc(OR) Hàm thoả mãn một trong các điều kiện:

Nếu có một ĐK đúng OR tất cả các điều kiện đều đúng thì nhận GTrị1

Nếu tất cả các ĐK đều sai thì nhận GTrị2.

Công thức:=IF(OR(ĐK1,ĐK2….,ĐKn),GTrị1,Gtri2)

c) Trong một công thức có thể lồng nhiều hàm IF với nhau:

Ví dụ: tính phụ cấp chức vụ

Công thức :

=IF(B2=”GĐ”,50000,IF(OR(B2=”PGĐ”,B2=”TP”),40000,IF(AND(B2 =”NV”,C>25),30000,0)))

# BÀI TOÁN CỤ THỂ:
## *Đề tài* : QUẢN LÝ PHÒNG KHÁCH SẠN

**I. Lý do chọn đề tài.**

Chơng trình quản lý phòng khách sạn là một đề tài nóng bỏng ở các công ty du lịch hiện nay, đề tài này đợc rất nhiều ngời quan tâm và xây dựng vì nó có tính ứng dụng cao trong thực tế. Đây là chơng trình có nguồn thông tin dữ liệu vào ra rất lớn, có khả năng bao quát rất phong phú và đa dạng.

Ở các nớc đang phát triển nh hiện nay, khi có cơ sở hạ tầng cũng nh phơng tiện, thiết bị, con ngời về công nghệ thông tin nói chung vững mạnh thì ứng dụng tin học vào các vấn đề quản lý, sản xuất, kinh doanh là mục tiêu hàng đầu đặt ra cho nền kinh tế nớc ta hiện nay. Trong đó giải phải kể tới "*quản lý phòng khách sạn*" là một chong trình quản lý rất lớn giúp cho các giám đốc, các lễ tân, kế toán quản lý tốt các tốt các thông tin có liên quan tới tình hình hoạt động của công ty.

Sự thống nhất, chặt chẽ và có hệ thống là cả một vấn đề lớn đòi hỏi các lễ tân, kế toán phải có vốn hiểu biết nhiều về hệ thống này. Hiện nay với tiến độ phát triển mạnh mẽ của tin học, yêu cầu của công việc này đòi hỏi ngày càng cao thì hệ thống quản lý khách sạn cũng phải hoàn thiện và phát triển theo. Mặc dù đã có nhiều đề tài nghiên cứu về quản lý khách sạn bằng công nghệ thông tin, nh-ng với sự phát triển nh ngày nay thì không thể lờng trớc những thách thức hiện tại và tơng lai trong vấn đề này đợc. Là học sinh chuyên ngành Tin Học, với sự học hỏi và tìm tòi trong lĩnh vực này. Đồng thời đợc sự hớng dẫn và giúp đỡ tận tình của thầy giáo **Cao Thanh Hà**, các thầy cô trong khoa cùng các bạn trong lớp **TT2A,** em đã quyết định chọn đề tài này, đề tài " ***Quản lý phòng khách sạn***". Trớc hết nhằm củng cố kiến thức về mặt Tin Học của bản thân đồng thời đa Tin Học dần dần tiếp cận với thực tế tạo điều kiện cho công tác "***Quản lý phòng khách sạn***" trong các cơ quan doanh nghiệp đợc thuận tiện hơn, chính xác hơn.

**II. Mục đích nghiên cứu của đề tài.**

Đề tài này đợc nghiên cứu trên cơ sở phân tích thực trạng của vấn đề quản lý, kết hợp với nghiên cứu các vấn đề:

- Nhập số liệu.
- Xử lý số liệu.
- Kết xuất báo cáo.

Đây là đề tài đã đựơc nghiên cứu và với bào viết chỉ nhằm hoàn thiện hơn các vấn đê còn thiếu sót.

- Bộ phận lễ tân là bộ phận đầu tiên tiếp xúc với khách, tạo cho khách những ấn tợng ban đầu về khách sạn, về chất lợng phục vụ của khách sạn. Tại đây khách đến đặt buồng, đến đăng ký, trao đổi thông tin, thanh toán trả buồng… Bộ phận lễ tân còn là nơi tập trung mọi hoạt động kinh doanh khách sạn và đợc ví nh "thần kinh trung ơng" của khách sạn. Tầm quan trọng của bộ phận lễ tân trong khách sạn đợc thể hiện:

- Bộ phận lễ tân đóng vai trò trung tâm, phối hợp hoạt động của các bộ phận trong khách sạn giúp các bộ phận hoạt động một cách có kế hoạch. Vì mỗi bộ phận trong khách sạn đều có chức năng, nhiệm vụ riêng, nhng nó lại mang một mục đích chung là phục vụ khách và mang lại lợi nhuận kinh doanh cho khách sạn. Để làm đợc điều này thì các bộ phận trong khách sạn phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau theo kế hoạch của khách sạn, trong đó bộ phận lễ tân đóng vai trò chủ đạo.

- Bộ phận lễ tân đóng vai trò quan trọng trong việc giúp ban giám đốc đề ra các chiến lợc, các chính sách sản phẩm và thị trờng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của khách sạn.

Là bộ phận đợc tiếp xúc trực tiếp với khách nhiều nhất cho nên bộ phận lễ tân nắm vng đợc thị hiếu, sở thích và tâm lý của khách. Vì vậy bộ phận lễ tân có thể cung cấp cho ban giám đốc và hành vi tiêu dùng của khách. Những thông tin

này rất hữu ích cho ban giám đốc khách sạn đề ra các chiến lợc và các chính sách kinh doanh cho phù hợp.

- Bộ phận lễ tân đóng vai trò đại diện cho khách sạn trong công việc mở rộng các mối liên hệ, liên doanh, liên kết trong công tác thu hút khách cho khách sạn..

Cụ thể công việc quản lý phòng khách sạn nh sau:

Nh vậy khách muốn đặt phòng phải qua Lễ Tân. Khách phải cung cấp các thông tin nh họ và tên, năm sinh, quê quán, địa chỉ, số ngày dự kiến ở, loại phòng khác lựa chọn . Nếu còn phòng thì khách nhận phòng.
Khi trả phòng, lễ tân đa hoá đơn cho khách ở, loại phòng, số tiền phải thanh toán. Ngoài ra vào hồi 12h hàng ngày lễ tân phải báo cáo cho giám đốc biết tình hình kinh doanh của khách sạn: số phòng có khách, số lợng khách, số phòng trống, tra cứu thông tin của khách tại khách sạn

Trớc tiên đợc thể hiện ở Sheets 1(**Bảng thông tin chính**)

QUAN LI KHACH SAN (HUONG TT2A)

Bảng Chính

| | Mã Phòng | A001 | A002 | A003 | B001 | B002 | C001 | C002 | A004 | B004 | C004 | C005 | A005 | B005 | A006 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Ngày | 01/06/2006 | KL001 | | | | | | | | | | | | | |
| | 02/06/2006 | KL002 | KL002 | | | | | | | | | | | | |
| | 03/06/2006 | KL003 | KL003 | KL003 | | | | | | | | | | | |
| | 04/06/2006 | KL004 | KL004 | KL004 | KL004 | | | | | | | | | | |
| | 05/06/2006 | KL005 | KL005 | KL005 | KL005 | KL005 | | | | | | | | | |
| | 06/06/2006 | KL006 | KL006 | KL006 | KL006 | KL006 | KL006 | | | | | | | | |
| | 07/06/2006 | KL007 | KL007 | KL007 | KL007 | KL007 | KL007 | KL007 | | | | | | | |
| | 08/06/2006 | KL008 | KL008 | KL008 | KL008 | KL008 | KL008 | KL008 | KL008 | | | | | | |
| | 09/06/2006 | KL009 | KL009 | KL009 | KL009 | KL009 | KL009 | KL009 | KL009 | KL009 | | | | | |
| | 10/06/2006 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | KL010 | | | | |
| | 11/06/2006 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | KL011 | | | |
| | 12/06/2006 | KL012 | KL012 | KL012 | KL012 | KL012 | | KL012 | KL012 | KL012 | KL012 | KL012 | KL012 | | |
| | 13/06/2006 | KL013 | KL013 | KL013 | KL013 | KL013 | | KL013 | KL013 | KL013 | KL013 | KL013 | KL013 | KL013 | |
| | 14/06/2006 | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 | | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 | KL014 |
| | 15/06/2006 | KL015 | KL015 | KL015 | KL015 | | | KL015 | KL015 | KL015 | KL015 | KL015 | KL015 | KL015 | KL015 |
| | 16/06/2006 | KL016 | | KL016 | | | | KL016 | KL016 | | KL016 | KL016 | KL016 | KL016 | KL016 |
| | 17/06/2006 | | | KL017 | | | | KL017 | KL017 | | KL017 | KL017 | KL017 | KL017 | KL017 |
| | 18/06/2006 | | | | | | | KL018 | KL018 | | KL018 | KL018 | KL018 | KL018 | KL018 |
| | 19/06/2006 | | | | | | | KL019 | | | KL019 | KL019 | | KL019 | KL019 |
| | 20/06/2006 | | | | | | | | | | KL020 | KL020 | | KL020 | KL020 |
| | 21/06/2006 | | | | | | | | | | KL021 | | | KL021 | KL021 |
| | 22/06/2006 | | | | | | | | | | KL022 | | | | KL022 |
| | 23/06/2006 | | | | | | | | | | KL023 | | | | KL023 |
| | 24/06/2006 | | | | | | | | | | KL024 | | | | KL024 |

bang chinh / TTKHACH / BANGHD(khach) / Bangphu / hd

Ở bảng theo dõi phòng này ta sẽ theo dõi đợc ngày khác ở( ngày đến, ngày trả phòng), ở bảng này ta có thể nắm bắt đợc thông tin về phòng( phòng trống, phòng có khách)

**Sheets2( Bảng Thông Tin Khách)**

| | A | B | C | D | E | F | G | H | I | J | K |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bảng thông tin Khách | | | | | | | | | | |
| 2 3 | Mã khách | Mã phòng | Khách | Loại Phòng | Tên khách | Số CMND | Ngày đến | Ngày đi | số ngày ở | Đơn giá ngày | Tiền thuê |
| 4 | KL001 | A001 | K- lẻ | A | Bùi Lệ | 123456 | 01/06/2006 | 16/06/2006 | 15 | 14 | 300 |
| 5 | KL002 | A002 | K- lẻ | A | Nguyên Thao | 123457 | 02/06/2006 | 15/06/2006 | 13 | 16 | 260 |
| 6 | KL003 | A003 | K- lẻ | A | Trần Hai | 123458 | 03/06/2006 | 17/06/2006 | 14 | 16 | 280 |
| 7 | KL004 | A004 | K- lẻ | A | Thanh Liêm | 6123459 | 04/06/2006 | 15/06/2006 | 11 | 16 | 220 |
| 8 | KL005 | B001 | K- lẻ | B | Trương An | 6789654 | 05/06/2006 | 14/06/2006 | 9 | 13.5 | 135 |
| 9 | KL006 | B002 | K- lẻ | B | Lê Tiến | 2654532 | 06/06/2006 | 11/06/2006 | 5 | 13.5 | 75 |
| 10 | KL007 | B003 | K- lẻ | B | Ma Hứa | 256286 | 07/06/2006 | 19/06/2006 | 12 | 12 | 180 |
| 11 | KL008 | B004 | K- lẻ | B | Nguyễn Hường | 556246 | 08/06/2006 | 18/06/2006 | 10 | 12 | 150 |
| 12 | KL009 | C001 | K- lẻ | C | Lê Hiền | 546262 | 09/06/2006 | 15/06/2006 | 6 | 9 | 60 |
| 13 | KL010 | C002 | K- lẻ | C | Vũ Ánh | 266536 | 10/06/2006 | 28/06/2006 | 18 | 7 | 180 |
| 14 | KL011 | C003 | K- lẻ | C | Nguyễn Chiến | 565458 | 11/06/2006 | 20/06/2006 | 9 | 9 | 90 |
| 15 | KL012 | C004 | K- lẻ | C | Trần Hạnh | 154897 | 12/06/2006 | 18/06/2006 | 6 | 9 | 60 |
| 16 | KL013 | A005 | K- lẻ | A | Mai Hiến | 356987 | 13/06/2006 | 21/06/2006 | 8 | 18 | 160 |

Ở bảng thông tin khách ta có thể quản lý đợc thông tin của khách hàng với mã khách cụ thể, mã phòng, loại phòng khách muốn chọn, tên khách, số chứng minh th,

ơ đây ta có thể tính đợc đơn giá ngày hay tiền thuê mà khách phải trả dựa trên những u đãi của công ty là :

Nếu khách là khách lẻ có số ngày ổ dới 5 ngày , dới 10 ngày, dới 15 ngày, trên 15 ngày tơng ứng với số phòng cụ thể thì sẽ có những mức u đãi riêng

**Sheets 3(Bảng hoá Đơn)**

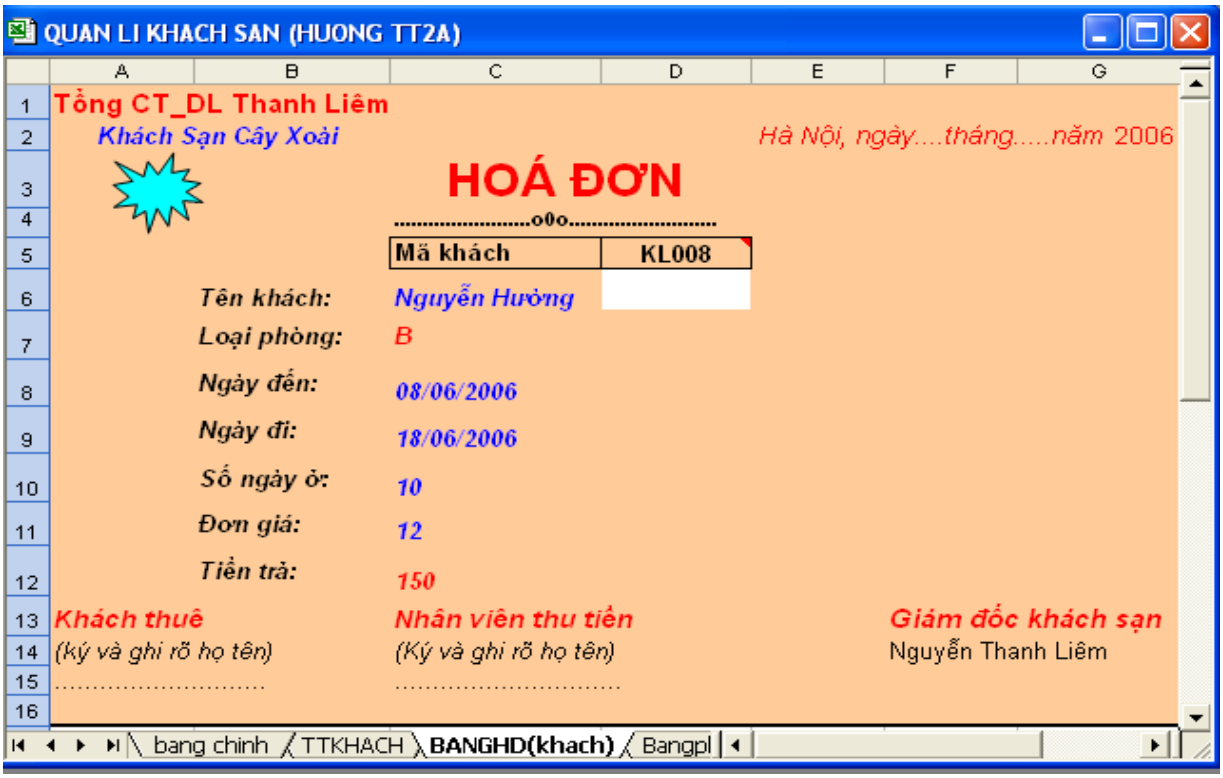


Bảng hoá đơn trên là bảng hoá đơn thanh toán tiền cho khách với u đãi cụ thể dành cho loại từng khách khác nhau với mã khách của khách hàng (tên khách, loại phòng khách ở, ngày khách đến, ngày trả phòng, tổng số ngày khách ở, đơn giá ngày, số tiền khách phải trả .

Ở hoá đơn này nhân viên lễ tân phải lý xác nhận vã cũng yêu cầu khách hàng ký nhận, Nhân viên lễ tân phả lu lại 1 liên biên lai thanh toán trên để làm cơ sở cho mọi tình huống không nh ý muốn, và để báo cáo giám đốc khách sạn khi cần thiết.

**Sheets 4(Bảng Phụ)**

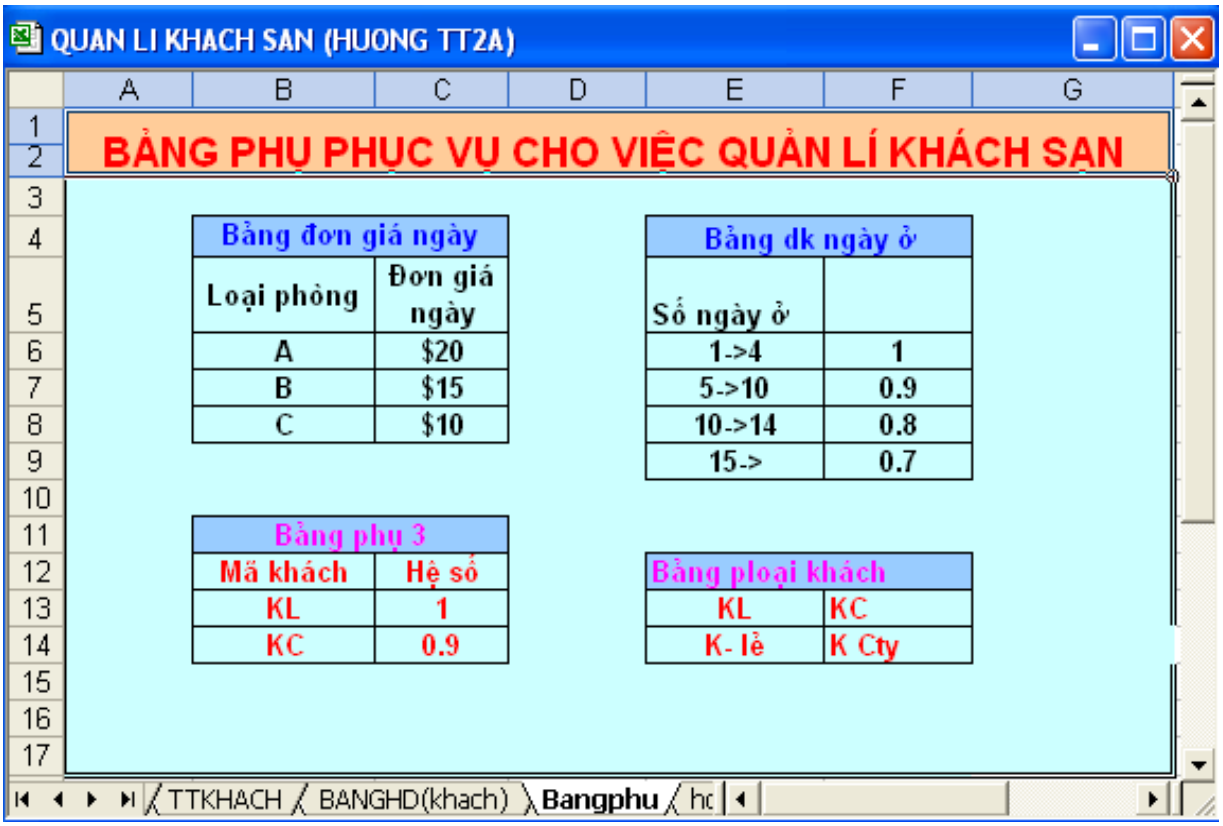


**Đ**ây là bảng phụ phục vụ cho việc quản lý khách sạn của nhân viên lễ tân ở đây ta có thể thấy đợc bảng đơn giá ngày cho từng loại phòng cùng với bảng điều kiện ngày ở để có những đãi hợp lý

- ✓ Nếu là khách lẻ sẽ có mức thanh toán khác với khách đi theo công ty du lịch
- ✓ Khách sạn có 3 loại phòng A,B, C tơng ứng với số phòng a, b, c
- ✓ Khách hàng là các công ty du lịch đợc giảm giá 10% so với khách thờng (lẻ)
- ✓ Khách thuê từ 5-> 10 ngày giảm 10 %
- ✓ Khách thuê từ 10-> 15 ngày giảm 20 %
- ✓ Khách thuê từ 15-> giảm giá 30%

QUAN LI KHACH SAN (HUONG TT2A)

| | A | B | C | D |
|---|---|---|---|---|
| 1 | BÁO CÁO THÁNG | | | |
| 2 | Ngày khách hàng ở | 01/06/2006 | Ngày khách ở | 30/6/2006 |
| 3 | Số Phòng | | | |
| 4 | A001 | | | |
| 5 | A002 | | | |
| 6 | A003 | | | |
| 7 | A004 | | | |
| 8 | B001 | | | |
| 9 | B002 | | | |
| 10 | B003 | | | |
| 11 | B004 | | | |
| 12 | C001 | | | |
| 13 | C002 | | | |
| 14 | C003 | | | |
| 15 | C004 | | | |
| 16 | Tổng phòng trống | | | |
| 17 | | | | |
| 18 | Tổng số ngày khách ở / tháng 7 | | 13 | |
| 19 | Tổng số ngày khách ở / tháng 6 | | 142 | |
| 20 | | | | |
| 21 | Tổng số tiền thu được trong tháng 6 | | $1645 | |
| 22 | Tổng số tiền thu được trong tháng 7 | | $0490 | |

BANGHD(khach) / Bangphu / báo cáo ngày

Microsoft Excel - Anh Hieu

File Edit View Insert Format Tools Data Window Help Type a question for help

B8 =VLOOKUP(B3,btheodoiphong,5,0)

| | A | B | C | D |
|---|---|---|---|---|
| 2 | BẢNG BÁO CÁO | | | |
| 3 | Ngày khách hàng ở : | 1/15/2006 | Ngày Trả phòng: | 1/31/2006 |
| 4 | Số Phòng | | Tổng tiền thu được/ngày: | 336 |
| 5 | A001 | 0 | Tháng: | 1 |
| 6 | A002 | 0 | Tổng thu theo tháng: | 2653.9 |
| 7 | A003 | 0 | Tổng tiền thu /năm: | 2653.9 |
| 8 | A004 | 0 | | |
| 9 | B001 | 0 | | |
| 10 | B002 | 0 | | |
| 11 | B003 | 0 | | |
| 12 | C001 | Hồ Hoài Anh | | |
| 13 | C002 | 0 | | |
| 14 | C003 | 0 | | |
| 15 | Tổng phòng trống | 9 | | |

Bangchinh / ttkhach / baocao / hoadon / Bangphu

Ready NUM

Ở bảng trên ta sẽ biết đợc tổng số phòng trống theo ngày , biết đợc thu nhập của khách sạn theo tháng, theo ngày

**Các công thức tính ở bài trên**

**<u>ở sheets1</u>**

**Khách(C4)**= =HLOOKUP(LEFT(A5,2),Bangphu!$E$13:$F$14,2,0)

**Số ngày ở** = H5-G5

**Đơn giá ngày** =IF(I5<5,VLOOKUP(D5,Bangphu!
$B$6:$C$8,2,0)*VLOOKUP(LEFT(A5,2),Bangphu!
$B$13:$C$14,2,0),IF(I5<10,VLOOKUP(D5,Bangphu!
$B$6:$C$8,2,0)*VLOOKUP(LEFT(A5,2),Bangphu!
$B$13:$C$14,2,0)*0.9,IF(I5<15,VLOOKUP(D5,Bangphu!
$B$6:$C$8,2,0)*VLOOKUP(LEFT(A5,2),Bangphu!
$B$13:$C$14,2,0)*0.8,VLOOKUP(D5,Bangphu!
$B$6:$C$8,2,0)*VLOOKUP(LEFT(A5,2),Bangphu!$B$13:$C$14,2,0)*0.7)))

**Tiền thuê** = VLOOKUP(D5,Bangphu!$B$5:$C$8,2,0)*I5

**<u>Bảng HD Khách</u>**

***Tên khách =*** VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,5,0)

***Loại phòng=*** VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,4,0)

***Ngày đến=*** VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,7,0)

***Ngày đi=*** =VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,8,0)

***Số ngày ở*** =VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,9,0)

***Đơn giá =***VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,10,0)

***Tiền trả=*** VLOOKUP(D5,TTKHACH!A3:K33,11,0)

***Tổng số ngày khách ở /tháng 7=*** SUM('bang chinh'!O38:O69)

***Tổng số ngày khách ở /tháng 6*** = SUM('bang chinh'!O8:O37)

***Tổng số tiền thu đợc /tháng 7*** = SUM(TTKHACH!L8:L16)

***Tổng số tiền thu đợc /tháng6*** = SUM(TTKHACH!L17:L19)

# KẾT LUẬN VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Qua quá trình nghiên cứu, thiết kế, cài đặt chạy thử chơng trình, kết quả cho thấy nh sau:

❖ Ưu điểm:

Việc thực hiện nhập dữ liệu và sử lý dữ liệu hoàn toàn chính xác đúng với yêu cầu của đề tài đề ra.

Chơng trình này có nguồn dữ liệu vào ra rất lớn, chơng trình đã đáp ứng đợc một phần nhỏ nhu cầu của ngời sử dụng, chơng trình cho phép ngời sủ dụng có thể thêm, sửa xoá, thông tin về kho hàng, khách hàng, hoá đơn nhập… trong cơ quan hay doanh nghiệp, công ty.

❖ Nhợc điểm:

Có những nội dung thực tiễn đòi hỏi mà chơng trình này cha đáp ứng đợc nhu cầu của ngời sử dụng. Do thời gian và năng lực bản thân cũng nh kiến thức tích luỹ đ-ợc trong 2 năm học và qua thời gian thực tập cộng với kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế cho nên chơng trình rất mong đợc sự giúp đỡ và đóng góp của các thày cô giáo trong khoa tin, các bạn đồng nghiệp để chơng trình ngày càng hoàn thiên hơn nữa.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo **Cao Thanh Hà**, cô **Lê Thu Huyền** cùng các thầy cô giáo trong khoa Công Nghệ Thông Tin , các bạn lớp **TT2A** đã nhiệt tình giúp đỡ để em hoàn thành bài báo cáo thực tập này.

Em xin chân thành cảm ơn !

## Tài liệu tham khảo;

1. Tin học cơ bản MicroSoft ExCel 2003 (GS. Phạm Văn Ất)
2. Tin học cơ bản MicroSoft Access 2003 (GS. Phạm Văn Ất)
3. Hớng dẫn sử dụng Access 97- 2000 (GS. Phạm Văn Ất)
4. Phân tích và thiết kế thông tin (tác giả: Nguyễn Văn Ba)

# NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**TRỜNG TRUNG HỌC DÂN LẬP KINH TẾ — KỸ THUẬT HOA L**

# BẢN TỔNG KẾT VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP

HỌ TÊN **: Nguyễn Thị Hờng**
THẦY HỚNG DẪN **: Cao Thanh Hà**
**Lê Thu Huyền**
LỚP **:** TT2A
KHÓA HỌC: **Thực tập Word, Excel, Access.**
THỜI GIAN THỰC TẬP: Từ ngày ……đến ngày 12/8/2006……..
ĐỊA ĐIỂM THỰC TẬP : Trờng Trung học DL Kinh tế Kỹ thuật Hoa L
CÁC CÔNG VIỆC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC TẬP :

- Ý thức trong quá trình thực tập đối với từng bộ môn học:

WORD: ACCESS: EXCEL:

- Thi và kiểm tra kết thúc thực tập:

SẢN PHẨM THU ĐỢC CỦA QUÁ TRÌNH THỰC TẬP: Bài báo cáo thực tập bằng Execl và Access (có kèm theo đĩa mềm hoặc đĩa CDROM)

NHẬN XÉT CỦA THẦY. CÔ HỚNG DẪN:

Thầy Cao Thanh Hà:.....
.....
.....

Cô Lê Thu Huyền:.....
.....
.....

**Xác nhận của cơ quan thực tập**

# Mục lục

**Lời mở đầu**

.....

**1**

**PHẦN I: MICROSOFT ACCESS**

.....

**3**

***Chơng I***: Một số vấn đề chung về hệ thống thông tin quản lý

.....

3

***Chơng II***: Tìm hiểu MS- ACCESS

.....

7

***Chơng III***:Khảo sát đề tài

.....

9

***Đề tài*** *: Quản lý kho hàng*

.....

***9***

***Chơng IV***: Hệ thống các bảng

.....

13

***Chơng V:*** Mô hình Query

.....

21

***Chơng VI***: Hệ thống các form

.....

27

***Chơng VII***: Hệ thống báo cáo (report

.....
95
***Chơng VIII*: Thiết kế Macro**
.....
**101**
**PHẦN II: MS- EXCEL**
.....
**105**
II. Giới thiệu chung về Microsoft excel.
.....
105
II. Độ chính xác của các phép toán trên EXCEL
.....
105
III. Giới hạn các trị số trong EXCEl
.....
106
IV. Lỗi trong EXCEl
.....
107
V. Khái niệm về tham chiếu ô trong bảng tính EXCEl
.....
108
IV.Làm việc với Microsoft Excel.
.....
111
**BÀI TOÁN CỤ THỂ:**
.....
**115**
***Đề tài* : *Quản lý phòng khách sạn***
.....
***115***

I. Lý do chọn đề tài. ..... 115
II. Mục đích nghiên cứu của đề tài. ..... 116
**KẾT LUẬN VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... **123**